

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**NHÂN QUẢ
BÁO ỨNG**

LƯU HÀNH NỘI BỘ

I. KHÁI NIỆM NGHIỆP BÁO

Nghiệp Báo là sự gọi đầy đủ của Nghiệp và Báo ứng hay nghiệp và kết quả của nghiệp.

Nghiệp, Karma, là sự hoạt động của ý nghĩ, lời nói và hành động của mọi người hữu hình để tạo thành một kết quả về sau. Nếu bởi nghiệp thiện, chúng ta đem niềm vui cho kẻ khác, kết quả về sau chúng ta sẽ được vui. Nếu chúng ta bố thí cho người nghèo, chúng ta sẽ được đầy đủ tài vật. Nếu chúng ta chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, chúng ta sẽ được mạnh khỏe. Còn nếu bởi ác nghiệp, chúng ta gieo đau khổ cho người khác, đau khổ sẽ trở lại với chúng ta. “Mắt phải đền mắt, răng phải đền răng.” (*Thánh Kinh, Nghiệp báo đấu tranh). Đó là sự công bằng vô hình chi phối tất cả.

Đôi khi chúng ta cũng gọi Luật nghiệp báo là Luật Nhân Quả. Nghiệp được xem là nguyên nhân và sự báo ứng được xem là kết quả.

Với Luật nghiệp báo, những gì con người làm cho người khác sẽ trở lại cho họ một cách công bằng, chắc chắn và hợp lý.

Với một lý luận dễ hiểu, chúng ta sẽ nói rằng một nghiệp thiện sẽ tạo thành một kết quả vui, và một nghiệp ác sẽ tạo thành một kết quả khổ. Ví dụ như người hay san sẻ vật chất, sẽ được giàu sang, người hay tự cao sẽ rơi vào địa vị hèn kém.

Tận trong thâm tâm ai cũng cảm thấy kẻ ác đáng bị trừng phạt và người thiện đáng được thưởng. Do đó, với Luật Nghiệp báo, điều mong mỏi của họ được đáp ứng và làm họ yên tâm dù đời sống có bất công, con người có thiên vị. *Cuối cùng Luật Nhân Quả Nghiệp Báo sẽ giải quyết công bằng tất cả.*

Một tay buôn bán ma túy bị bắt, bị kết án chung thân. Theo Luật pháp, y đã nhận lấy hậu quả của mình một cách thỏa đáng. Nhưng ảnh hưởng của nghiệp không buông tha y. Sau khi chết y sinh vào một gia đình có cha mẹ nghiện ngập ma túy, là những người đã từng nằm trong đường dây buôn lậu của y từ kiếp trước. Cha mẹ y phạm tội rồi bị giam, y trở thành một kẻ lêu lổng, sa vào nghiện ngập, đi cướp giật bị bắn chết. Chưa hết, nhiều đời sau, cái nghiệp ma túy vẫn đeo đuổi y, y vẫn nghiện ngập. Cái sa đọa mà y gieo rắc cho kẻ khác đã trở thành mạng nhện quấn lấy y trong nhiều kiếp luân hồi.

Những nghiệp do con người tạo ra đã gây ảnh hưởng vào trong cuộc đời và ảnh hưởng đó lan đi mãi cho đến khi nó gặp lại tác giả đã tạo ra nó và đem đến cho tác giả niềm vui hay nỗi khổ một cách tương xứng.

Đối với những người hiểu biết Luật Nhân Quả, hiểu rõ sức ảnh hưởng của tư tưởng mà môi trường chung, họ sẽ giữ gìn môi trường để không bị nhiễm bẩn bởi các dòng tư tưởng ác trong không gian, đồng thời họ còn chân thành cầu nguyện cho mọi người đều được tốt

đẹp. Họ thường trải tâm từ bi đến muôn loài, từ con người, con thú đến cây cỏ hoa lá. Không nói được thành lời, họ sử dụng tư tưởng để cải thiện đạo đức xã hội. Dĩ nhiên với hạnh nghiệp này, kết quả đời sau cho họ là địa vị Thánh nhân được mọi người ca ngợi kính trọng. Những vị Thánh triết này có được một nhân cách siêu phàm, có sức cuốn hút đặc biệt làm cho người đến gần cảm thấy khuất phục tự nhiên. Đó là lý do tại sao trong nhân loại, chúng ta thường thấy xuất hiện các vị hiền triết, Thánh nhân danh tiếng lưu truyền mãi như Phật Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử, Chúa Jesus, St.Fansisco, Lep Tolstoi...

Một hành động thiện vừa xuất hiện, ngay lập tức một kết quả vui được thành lập trong bản thể. Một hành động ác vừa xuất hiện, ngay lập tức hình thành một kết quả khổ trong bản thể.

Từng nghiệp, từng nghiệp của hiện tại vẽ lên bức tranh đời sống vị lai. Một nghiệp giống như một nét vẽ. Tùy nhiều nét vẽ khéo hay vụng bức tranh sẽ đẹp hay xấu. Tùy theo nghiệp ác hay thiện, cuộc đời sẽ khổ hay vui.

Được gọi là thiện khi chúng ta làm lợi ích cho người. Được gọi là ác khi chúng ta gây đau khổ cho con người. Như vậy, khi tạo nghiệp thiện hay ác tức là ta tác động vào mọi người chứ không phải là tác động vào hư không. Một nghiệp được gây tạo luôn luôn có liên hệ với

người khác. Nghiệp thiện ác trở thành tài sản phúc tội của riêng chúng ta, để dành cho tương lai ta, nhưng sự liên hệ giữa ta với mọi người trở thành cái Duyên cho đời sau. Nghiệp và Duyên luôn luôn đi đôi.

Những hành vi, lời nói, ý nghĩ được gọi là nghiệp (có khả năng tạo thành quả báo) khi:

- Có cố tâm, có ý thức, có dự định
- Có cố tâm, có ý thức trong cơn khùng hoảng do nóng giận, khùng hoảng do tâm thần
- Không có ý thức lúc hành động, do vô thức điều khiển, nhưng có ý thức trước kia.
- Không cố tâm, nhưng thiếu hiểu biết gây hậu quả nghiêm trọng.

II. KHÁI NIỆM LUÂN HỒI

Khi đời sống này chấm dứt, chúng ta sẽ tái sinh qua một đời sống khác. Đó là Luân hồi.

Thật ra, chính chúng ta, qua trung gian Luật Nghiệp báo, đã tự vẽ bức tranh cuộc sống ở kiếp sau của chính mình. Mỗi nghiệp là một nét vẽ. Một vết mực điểm thêm dần dần đã hoàn thành bức tranh đó. Một lời nói thiện vừa buông ra, lập tức một niềm vui được hình thành cho kiếp sau. Một hành vi ác vừa thực hiện xong, lập tức một nỗi khổ đã có mặt cho kiếp sau. *Đời sống ở kiếp sau*

với bao nhiêu khổ đau và hạnh phúc, cay đắng và vinh quang đã hình thành xong từ kiếp trước.

Chúng ta sẽ sinh vào gia đình nào với cha, mẹ, anh, chị, em, thân quyến, láng giềng..., chúng ta sẽ có bạn bè nào, học ở trường lớp, đạt được bằng cấp, giữ những địa vị... . Chúng ta sẽ trải qua những cơn bệnh, những tai nạn, sẽ đón nhận những dịp may, những lời khen... . Tất cả đều sắp sẵn bởi nghiệp đời trước, không có gì là ngẫu nhiên.

Đời sau đã có đủ chi tiết bởi nghiệp đời trước.

Chúng ta phân biệt hai loại nghiệp.

- Ý nghiệp tức là những tư tưởng, những ý muốn chưa khởi ra hành động và lời nói, chưa có tác dụng vào mọi người xung quanh một cách cụ thể, chỉ có sự lây nhiễm vô hình vào tâm hồn người khác một cách yếu ớt mà thôi.

- Thân nghiệp và khẩu nghiệp (hành vi và lời nói) có tác dụng vào mọi người xung quanh một cách cụ thể, làm cho họ vui buồn, lợi ích hay thiệt hại.

Thân nghiệp và khẩu nghiệp vì có tác dụng với mọi người nên nó là một loại nghiệp rõ nét, có đủ sức tạo thành quả báo vui khổ về sau.

Một người làm ăn cướp giết người, nghiệp cụ thể này tạo thành quả báo nghèo khổ, chết thảm về sau.

Một người làm việc từ thiện, giúp đỡ trẻ em mồ côi, giúp đỡ người bị thiên tai, giúp đỡ những bậc chân

tu... nghiệp cụ thể này quả báo vinh quang huy hoàng về sau.

Một viên chức nhà nước tận tụy phục vụ nhân dân, luôn hoàn thành trách nhiệm một cách chu đáo, quả báo về sau là địa vị lớn hơn.

Người tu sĩ chuyên thuyết Pháp giáo hóa đạo đức cho mọi người. Nghiệp cụ thể này tạo thành quả báo làm Thánh hoặc ở địa vị xã hội cao có nhiều công sự tài giỏi, đạo đức.

Thân nghiệp và khẩu nghiệp vì có tác dụng chung với mọi người nên nó là Nguyên Nhân tạo nên Quả Báo khổ vui về sau. Tuy nhiên, thân nghiệp và khẩu nghiệp lại chính là kết quả của ý nghiệp. Ý nghiệp là Nguyên Nhân của thân khẩu nghiệp. Tâm có ý nghĩ thì miệng mới nói, tay mới làm. Điều này ai cũng biết vì nó rõ ràng trong cuộc sống. Tuy nhiên, trong Luật Nghiệp Báo, ý nghĩ của đời này tạo thành hành vi và lời nói ở đời sau. Tại sao kẻ kia chọn nghề ăn cướp giết người? Vì đời trước hắn đã chọn suy nghĩ, khởi ý muốn vấn đề này rất nhiều.

Sự hình thành lớn nhất của nhân cách là do tư tưởng từ kiếp trước tạo ra.

Người có tính nóng nảy mỗi khi gặp việc trái ý, bây giờ muốn không còn nóng nảy nữa thì khi còn bình tĩnh chưa gặp việc trái ý, hãy tự nhủ với lòng sẽ giữ bình thản dù cho có người chửi mắng, dù cho mọi người

không làm đúng theo ý mình... khi thường xuyên tự nhủ như vậy, bất ngờ gặp việc trái ý, tâm ta sẽ bình thản hơn xưa.

Như vậy, thân nghiệp và khẩu nghiệp tạo thành kết quả khổ vui đời sau, còn ý nghiệp tạo thành nhân cách đời sau. Kết hợp ở hai loại kết quả này. Khổ vui và nhân cách – chúng ta có một bức tranh ở đời sau khá rõ nét.

Có một cái cố định đó là Luật Nghiệp Báo. Một nghiệp chắc chắn sẽ có một quả báo. Phần còn lại do mỗi chúng ta tự chọn cho mình loại quả báo nào, bằng cách gây tạo ra sao. Nếu muốn cuộc đời mình nhiều tốt đẹp, hãy cố gắng tạo nhiều nhân lành và gạn lọc tư tưởng của mình thường xuyên.

Cụ thể hơn, chúng ta có thể cho rằng một hành vi được gọi là thiện khi nó đem lại lợi ích cho mọi người, như bố thí cho người nghèo, an ủi người đau khổ, thả những thú vật bị giam cầm, đắp những đoạn đường hỏng, lấy lợi. Rõ ràng là người nghèo được bố thí, người đau khổ được lợi ích an ủi... Như vậy, cái lợi ích là tiêu chuẩn để định giá trị thiện ác của một nghiệp. Lợi ích cho mọi người càng nhiều giá trị thiện càng lớn.

Còn bất cứ một ý tưởng, lời nói, việc làm gây tổn hại, đau khổ, muộn phiền, gây chết chóc cho người khác đều là ác nghiệp.

Nếu kẻ đã giết người khá nhiều, quả báo dành cho hắn là thường xuyên bị giết hại ở nhiều kiếp về sau.

Thậm chí chưa ra khỏi thai mẹ đã bị trục, bị nạo bỏ rất nhiều.

Chưa hết, khi giết một người chồng, tức là người vợ và những đứa con sẽ bơ vơ, cô cút, nghèo khổ. Quả báo còn để dành cho tên sát nhân là đời đời sinh ra bị bỏ rơi, nghèo khổ, lang thang ít học.

Chưa hết, khi giết một người tức là làm đổ vỡ tiêu tan sự nghiệp của người đó đang ôm ấp xây dựng. Quả báo dành cho tên sát nhân là thường xuyên gặp thất bại ở đời sau.

Chưa hết, một người bị giết tức là rất nhiều người thân bị đau khổ. Quả báo dành cho tên sát nhân đó là thường xuyên rơi vào tuyệt vọng đau khổ giống như bị bệnh hoang tưởng tâm thần.

Chúng ta thấy, một sự nghiệp chân chính luôn luôn tạo ra xung quang nhiều nghiệp nhân phụ. Luật Nghiệp Báo sẽ sắp xếp để kẻ phạm tội phải trả sòng phẳng mọi tội lỗi của hắn. Dĩ nhiên, việc đền trả tội lỗi này không dễ chịu chút nào.

Tuy nhiên, không phải giết người là tội bằng nhau. Tùy theo giá trị của người bị giết mà tội của kẻ sát nhân nhiều hay ít. Nếu người bị giết là công dân lương thiện, làm được nhiều điều tốt đẹp cho cuộc đời, thì sự giết hại một người như vậy tội rất nặng. Nếu sự có mặt của anh ta là niềm vui sướng cho nhiều người thì sự vắng mặt của

anh ta là nỗi đau khổ lớn lao. Giết người này tên sát nhân sẽ khó lường hết hậu quả phải gánh chịu ở đời sau.

Nếu một người bị giết là một vĩ nhân thánh thiện đã từng đem lại lợi ích lớn lao cho nhân loại, sự ra đi của vị này là sự mất mát to lớn của thế giới. Quả báo mà thủ phạm phải đền trả là cực kỳ đau khổ.

Hắn sẽ bị đày đọa, hành hạ ở vô số kiếp, khi làm thú thì bị đánh đập giết hại, khi làm người thì bản tiện khôn cùng bị giết chết. Phải cộng nỗi đau khổ của mọi người để tính ra con số đau khổ mà hắn phải đền trả ở nhiều kiếp. Đó là sự công bằng không thể thay thế.

Ngược lại, một nhân viên trong đội săn bắt cướp đã bắn chết một tên cướp nguy hiểm đang gây án. Tên cướp này đã từng giết người cướp của, gây kinh hoàng cho mọi người, cái chết của hắn làm cho mọi người thở phào nhẹ nhõm vui mừng. Giết tên cướp này tội của người nhân viên không đáng kể. Trái lại, khi cộng niềm vui của mọi người, anh ta được một số phúc kha khá, đây là sự công bằng không thể nói khác đi được.

Rồi trường hợp người chiến sỹ chiến đấu ở tuyến đầu để bảo vệ cho người dân ở hậu phương được sống yên lành. Trong quá trình chiến đấu ngăn chặn quân địch, sự bắn giết là điều không thể tránh khỏi. Nhưng cái tội đó có thể bù đắp bởi công lao giữ gìn cho rất nhiều người dân được yên vui ở phía sau. Chỉ khi nào người lính nằm trong đội quân đi xâm lược rõ rệt, tội của anh ta mới lớn.

Như vậy, tùy theo giá trị của người bị giết mà luận thành phúc hay tội cho kẻ giết, không có định một chiều.

III. SỰ PHÂN BIỆT GIỮA PHÚC VÀ ĐỨC

Tác nhân càng nhiều thì phúc càng sâu dày. Người đã từng làm nhiều lợi ích cho mọi người thì ta nói kẻ đó có phúc.

Đến khi duyên ta đủ, lập tức phúc hiện thành quả báo lành, khiến cho kẻ đó được hưởng nhiều vui sướng. Quan điểm này là do đứng trên lập trường không gian vật lý mà có, chứ đối với bản thể, toàn bộ quả báo ở vị lai đã được sắp sẵn. Mỗi quả báo đều được ấn định một thời điểm để xuất hiện.

Như vậy, PHÚC là do làm lợi ích cho mọi người mà có.

Còn ĐỨC là cái tốt của tự tâm.

IV. NGHIỆP VÀ KẾT QUẢ

1. Người và thú

Kẻ nào tạo nghiệp bỉ ổi, thấp hèn, mất giá trị, sẽ bị đọa làm thú, ở thân thú vật này họ bị coi thường khinh rẻ.

Những nghiệp nào được xem là hèn hạ, mất nhân phẩm?

Đó là tà dâm, loạn luân, phá vỡ luân thường đạo lý của xã hội loài người. Dục vọng không biết kiềm chế, không có lý chí hướng dẫn, rõ ràng tương đương với dục

vọng của loài thú. Hạnh nghiệp giống với loài thú đưa đến kiếp thú về sau.

Hoặc lòng ích kỷ tột độ biến thành hành vi tranh giành, xâu xé đồng loại, không thương tiếc cũng giống như loài thú. Những người quá ích kỷ chỉ nghĩ đến mình, dùng mọi thủ đoạn hiểm độc để bức hại kẻ khác, dành quyền lợi cho mình. Tư cách này không khác biệt với loài thú, chỉ sống theo bản năng ích kỷ, hành vi tranh giành giống như thú, thì quả báo đọa làm thú là điều không tránh khỏi.

Hoặc có người mỗi khi nóng giận thường chửi mắng kẻ khác là thú vật, bằng cách gọi họ là trâu, chó, heo, ngựa... lời nói ác khẩu này lặp đi lặp lại nhiều lần suốt đời cũng đủ sức kết thành quả báo đọa thú ở thân sau. Trong Luật Sa Di của Phật giáo Bắc Tông có kể câu chuyện một Sa Di, vì vô tình chệ bai một vị A La Hán tụng kinh giọng giống như tiếng chó sủa, do lời nói này người Sa Di bị đọa làm chó năm trăm đời liên tiếp.

Hoặc có người làm nghề giết thịt như mổ gà, vịt, mổ heo, bò... đến khi gần chết, họ bỗng trở nên bệnh kêu la như vịt, như heo và thấy ảo ảnh có vô số thú vật đến cắn xé. Chuyển qua kiếp kế tiếp, chắc chắn họ phải đọa làm thú để chịu cảnh đau đớn khi bị giết mổ. Do trong một đời hành nghề họ đã giết quá nhiều thú vật nên họ phải đọa làm thú liên tiếp ở nhiều kiếp sau để trả cho oan trái ngày xưa.

Nếu người đó từng sát sinh thú vật cộng với một nhân cách hèn hạ thì chắc chắn đời sau họ sẽ đọa làm thú để vừa bị khinh rẻ, vừa bị giết hại trở lại.

Còn nếu người đó chỉ phạm tội sát sinh, nhưng có nhân cách cao cả, độ lượng, thương yêu mọi người kiếp sau họ vẫn trở lại làm người nhưng phải chịu tai nạn, thương tật hay chết yểu.

Có người đời trước hay thọ nhận nhiều tài vật của người khác một cách bất chính như trộm cướp, giật nợ hoặc tu sĩ nhận cúng dường nhưng không giới hạnh, cộng với một tư cách đòi bại, ích kỷ... kiếp sau họ sẽ đọa làm các loài phải lao động nặng như trâu, bò, ngựa, lạc đà... để trả nợ. Còn nếu họ chỉ mắc nợ tài vật nhưng vẫn giữ được tư cách tốt thì đời sau họ vẫn được làm người nhưng cũng phải lao động quần quật để trả nợ. Sự hưởng thụ tài vật không chân chính luôn luôn để lại những món nợ khó chịu cho đời sau. Người phải lai lưng hầu hạ chủ, phải cẩn thận tùy tùng từng ý muốn của chủ một cách sợ sệt hoặc con vật phải kéo cày trở nặng, chịu roi vọt, đều là những hình thức trả nợ đời trước một cách đau khổ. Sở dĩ như vậy vì họ đã thọ những món nợ quá nhiều. Thế nên bây giờ khi được dâng tặng hậu hĩnh, chúng ta hãy coi chừng phải chằng đây là những món nợ khó chịu để dành cho đời sau. Chỉ những tài sản được tạo nên từ công lao của mình bởi cách thức chân chính, dù ít hay nhiều,

mới thật là thành quả đền bù của cuộc sống, không phải nợ nần, dây dưa về sau.

Có người bị đọa làm thú, trở nên một loài giống bị khinh rẻ bởi vì họ thường xuyên khinh thường mọi người. Đó là sự công bằng! Khi chúng ta luôn đánh giá thấp người khác, xem thường người khác tức là chúng ta đã tạo cho mình một quả báo bị khinh rẻ trở lại. Có nhiều hình thức bị khinh rẻ. Hoặc người mang bệnh lây nhiễm khó chữa như phong hủi, lở loét, hôi hám, hoặc người mang thân phận tù tội, hoặc người kém tiền bạc, kém tài năng, kém nhân cách, hoặc bị mang tiếng xấu (do sự thật hay vu khống). Nhưng thân thú vẫn là “thân phận” bị xem thường rõ rệt nhất. Vì vậy, tâm tự cao cho mình là hơn, thấy người khác là kém, nếu quá đáng vẫn có thể đưa đến quả đọa làm thú ở mai sau.

2. Nghiệp chung và nghiệp riêng

Nghiệp tùy hỷ với kẻ khác cũng làm chúng ta bị vạ lây. Mỗi khi trông thấy người mổ heo, bò, đánh lợn hoặc cướp giật, nếu không ngăn cản được thì thôi chứ chúng ta đừng khởi tâm đồng tình với họ. Nếu có tâm niệm đồng tình thì ắt có ngày chúng ta “ăn theo” một chút quả báo của họ. Nhiều kẻ ăn ngồi rồi hay xúm xít xem cảnh một người làm thịt chó với vài ý kiến đóng góp nhiệt tình, hy vọng sẽ được chia ít phần. Họ đâu biết nghiệp nhân đó làm họ bị xẻ thịt chảy máu ở mai sau.

Những quả báo chung của mọi người như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn... dường như được sắp xếp sẵn từ lâu. Đó là sự tập hợp nghiệp của mọi người từ khắp nơi trên thế giới. Ví dụ có ba nghìn người tạo nghiệp ác ở rải khắp mọi nơi. Quả báo của họ chịu giống nhau là phải chịu một trận phun lửa dữ dội. Nhưng nhân duyên để họ quay quần về sống gần nhau dưới chân núi lửa cần phải một thời gian là năm trăm năm sau nữa. Và một vài nhà tiên tri siêu việt đã nhìn thấy sự kiện sẽ xảy ra này.

3. Giúp đỡ

Nếu một người tích lũy nghiệp từ thiện, thường xuyên giúp đỡ mọi người một cách nhiệt tình, quả báo dành cho họ là sự thành công vinh quang rực rỡ ở kiếp về sau.

Người thường hay bệnh vực kẻ cô thế, yếu đuối, oan ức... quả báo trở lại được thể lực lớn (để không ai giám ăn hiếp)

Có một số người đang giàu có sung mãn, bỗng do một biến động trong kinh doanh, hay tai nạn liền trở thành nghèo khổ, túng thiếu. Quả báo này xuất phát từ đời trước họ hay làm việc thiện, bỗng qua một lần nóng giận rũ bỏ tất cả, phá hoại tất cả.

Một người theo ác nghiệp quá nhiều, đi đến đâu chỉ đánh thức ác tâm, của người xung quanh khiến cho họ chỉ muốn hại mình, xua đuổi, mắng chửi mình. Ngược lại, một người gieo nghiệp thiện quá nhiều, đi đến đâu

đều khơi dậy thiện tâm của mọi người, khiến mọi người phải đối xử tử tế.

4. Giao thông

Trong các việc phúc thiện, đắp đường, bắc cầu là việc được nhiều người ca ngợi.

Việc tu sửa đường xá, nối bắc cầu công luôn luôn là việc làm cần thiết và được mọi người tán thán. Đối với Luật Nghiệp báo, phúc của hành vi bắc đường, bắc cầu cực kỳ lớn lao. Những quả báo lành xuất phát từ nghiệp thiện đó có thể kể ra như sau:

- Vì làm cho sinh hoạt của mọi người được thuận tiện nên mọi sinh hoạt mọi dự định của mình đều trôi chảy tốt đẹp.

- Vì làm cho người đi đường an toàn nên chính mình không gặp tai nạn khi đi đường.

- Vì khiến cho mọi người được dễ dàng đi lại nên chính mình sẽ được khỏe mạnh, không bị tật nguyền, lệch lạc.

- Nếu dùng sức lực để đắp đường, quả báo trở lại là sức khỏe tốt khiến cho gặt hái nhiều thành công trong lao động.

- Nếu dùng tiền bạc để thuê người làm đường, bắc cầu, quả báo trở lại được giàu có sung mãn.

Luôn được xe cộ xênh xang, di chuyển thuận lợi. Hạnh đắp đường, bắc cầu được chú trọng đến nỗi trong Kinh điển của Phật giáo Bắc Tông xuất hiện một vị Bồ

Tát tên là Trì Địa với hạnh nguyện mãi mãi thị hiện vào sinh tử để gieo duyên với mọi người bằng cách tu sửa cầu đường.

5. Diện mạo

Có nhiều nghiệp nhân khác nhau để tạo thành một quả báo diện mạo đẹp đẽ.

Khi Hoàng hậu Mallika hỏi Đức Phật về nguyên nhân đẹp xấu. Đức Phật trả lời là người có tâm sân giận sẽ chịu xấu xí.

Thật vậy, mỗi khi nổi giận, chúng ta đã tạo cho mình khuôn mặt nhăn nhó, khó coi với mắt trợn, mày nhăn, miệng quặm, răng nhe... nhiều lần tạo nét mặt như thế, kiếp sau nét mặt khó coi đó sẽ trở thành cố định lâu dài. Với người hiền lành từ ái, vẻ mặt hiện ra là đôi mắt ân cần, miệng cười vui vẻ, gương mặt bình thản nhẹ nhàng. Lâu dần nét mặt dễ coi đó sẽ trở thành cố định ở kiếp sau.

Trong cuộc đời chúng ta vẫn gặp nhiều điều đẹp đẽ, nhưng có những tính chất khác nhau. Có nét đẹp gây nên sự quý mến kính trọng trong sạch, có nét đẹp gây nên sự ham muốn chiếm đoạt thấp hèn. Có nét đẹp bày tỏ sự cao thượng từ tốn. Có nét đẹp bày ra sự kiêu hãnh tự phụ... Có nét đẹp kín đáo. Có nét đẹp lẳng lơ... Sở dĩ có sự sai khác giữa các nét đẹp bởi vì những người đã gieo những nghiệp nhân khác nhau.

Nếu người tạo nên nét đẹp từ nơi tâm lý đạo đức thuần thực, nét đẹp này sẽ toát ra vẻ thánh thiện, hiền lành, khả kính.

Nếu người mang hoa trang trí đền thờ các bậc Thánh, họ sẽ được hai quả báo. Một là sắc đẹp như ngàn hoa kết tụ, hai là sẽ được các công hạnh như những bậc Thánh. Mỗi Tôn giáo đều thờ các bậc Thánh đặc trưng riêng. Người tín đồ cúng dường hoa cho vị Thánh nào sẽ trở nên giống hao hao phong cách vị Thánh đó. Hoặc một người không theo tín ngưỡng, chỉ đem hoa trang trí lại tượng của các vĩ nhân thế giới, cũng sẽ gặt hái được kết quả tương tự. Tâm sùng kính một Thánh nhân hoặc vĩ nhân gây thành quả báo giống hao hao phong cách của vị đó.

Nếu người ít chê bai kẻ khác, thường hay khen ngợi điều tốt lành của mọi người, họ cũng sẽ thánh tựu được quả báo có hình dạng đẹp đẽ. Họ ít chê bai ai nên không bị xấu xí để bị chê bai trở lại. Họ hay khen ngợi nên được vui vẻ, đẹp đẽ để được khen ngợi trở lại.

Nếu người hay dùng tài năng để tô vẽ tranh tượng của các vị Thánh, Bồ Tát, Phật, làm tôn thêm vẻ khả kính của các Ngài, quả báo đẹp đẽ là điều hiển nhiên.

6. Tài năng

Mặc dù khi còn trong bào thai, não bộ con người đã hình thành xong các chi tiết và như thế đã quy định xong mức độ thông minh của từng người, nhưng cũng

giống như thời vận, cái thông minh của một người cũng bị thăng trầm tăng giảm theo duyên nghiệp. Vào những gia đoạn phúc lành bộc lộ, người đó bỗng sáng suốt kỳ lạ, phán đoán tiên liệu sâu sắc từng vấn đề. Đến khi phúc đã hết, cũng con người đó, tự nhiên trở nên lú lẫn mù mịt, không thể nhìn xa trông rộng, không thể phán đoán sự việc sẽ xảy đến, và họ đi vào thất bại.

Chính cái phúc trong quá khứ xa xăm đã tạo ra cái sáng suốt kỳ diệu trong hiện tại, và lỗi suy nghĩ đúng, họ hành động đúng.

Như vậy, những phúc nghiệp như bố thí, cúng dường, đắp đường, bắc cầu, giúp đỡ người hoạn nạn, bệnh vực kẻ cô thế, săn sóc người bệnh... đã góp phần tạo ra trí sáng suốt cho đời sau. Nếu phúc nghiệp được bền bỉ gây tạo mãi, những đời sau chúng ta sẽ có được sự thông minh thường xuyên. Nếu phúc nghiệp được làm thành “có cơ”, nghĩa là có khi hăm hở, có khi lười biếng, đời sau chúng ta sẽ được một trí thông minh “có cơ”, khi thì khôn ngoan, khi thì khờ khạo.

7. Sức khỏe

Nếu chúng ta được sống trong môi trường mà mọi người và chim thú đều yêu thương quán quýt nhau, người với người cũng thương nhau chân thành, không có thù hận ganh ghét, thì tác động của không gian tâm linh tương hỗ cũng làm cho mọi người được khỏe mạnh. Đây không phải là vấn đề tâm lý. Không phải vì tâm chúng ta

thấy dễ chịu khi yêu thương và được yêu thương, rồi sự dễ chịu thoải mái đó làm ta được khỏe mạnh. Không phải vậy! Chính năng lực vô hình phát ra từ sự thương yêu đã làm nên phép lạ, làm tăng sức đề kháng của cơ thể.

Nếu một người thường hay dùng sức lực giúp đỡ mọi người, hoặc thường xuyên chăm sóc sức khỏe của nhiều người, thiện nghiệp như thế đã trở nên thuần thực, trở nên bản chất gần như cố định, nó khiến cho đời sau người này có được các gen di truyền vô cùng đặc biệt. Tự điều chỉnh cơ thể một cách hoàn hảo, tự bảo vệ cơ thể khỏi xâm nhập tai hại từ bên ngoài. Những người này sẽ sống một đời khỏe mạnh và sẽ chết một cách êm ái không đau đớn.

Tùy theo nghiệp đời trước quy định khiến cho con bệnh của một người phải dây dưa khó chữa hay nhanh chóng chấm dứt. Có khi họ đi từ nơi này sang nơi kia tìm thầy chữa mãi không khỏi. Đến lúc nghiệp đã hết, họ vô tình ăn phải thức ăn có dược tính, và bệnh khỏi một cách không ngờ. Hoặc đến khi phúc đã đủ, họ mới gặp được thầy thuốc giỏi chữa trị.

Ngoài ra, mỗi nghiệp sẽ tạo ra một loại bệnh khác nhau.

Với người tạo ra khói bản thải vào chỗ đông người, quả báo nhiều đời sau họ bị khó thở, viêm khí quản hoặc lao phổi.

Với người lấy cắp đèn nơi công cộng, quả báo nhiều đời sau là đôi mắt mờ kém.

Với người phá hư đường xá, cầu cống quả báo nhiều đời sau là có đôi chân tật nguyên.

Với người làm đổ máu mọi người, do sát sinh thú vật hay chiến đấu ở chiến trường, sau khi trả những nghiệp chính, nghiệp phụ còn lại là xanh xao thiếu máu thường xuyên.

Với người khinh bỉ, coi thường bậc Thánh, quả báo tìm đến là bệnh phong cùi...

Với người hay cự nự, cần nhần, gây rối làm cho người khác lo lắng bất an, quả báo trở lại là một bệnh về nội tiết, thần kinh làm cho não bộ căng thẳng, khó ngủ xao xuyên.

Với người nghe hoặc thấy người hoạn nạn mà làm ngơ, quả báo trở lại là tai điếc, mắt mù...

Vô số nghiệp của mọi người tạo thành vô số bệnh đa dạng phong phú, làm điên đảo các nhà khoa học. *Vì bệnh là do nghiệp nên khi mọi người chưa dừng tay tạo nghiệp thì bệnh không bao giờ hết.* Khoa học có tiến bộ đi chăng nữa, thế gian cũng xuất hiện tiếp bệnh nan y mới để thách thức trí tuệ và đạo đức con người. Bệnh AIDS hiện nay là một điển hình rõ rệt.

8. Nhân cách

Từ “nhân cách” bao quát một phạm vi rộng rãi gồm tâm lý, cá tính, thái độ cư xử ở đời, khả năng kiềm chế tâm, phong thái biểu thị ra ngoài cử chỉ, ngôn ngữ.

Nhân cách là nguyên nhân và hành động là kết quả. Một nhân cách tốt thì trong tương lai – kiếp này hay kiếp sau chắc chắn sẽ tạo ra những hành động tốt. Người thường nuôi trong lòng những hoài bão cao thượng, chắc chắn sẽ làm ra những hành vi cao cả. Do đó trau dồi nhân cách là một việc vô cùng quan trọng của tất cả mọi người. Không những chúng ta chỉ biết trau dồi nhân cách của mình mà còn giúp đỡ người xung quanh xây dựng nhân cách của họ.

Nếu con người đọc được cái giai thoại đạo đức tuyệt vời của các danh nhân, lòng họ khởi lên một chút kính ngưỡng nào đó, ấy chính là nguồn gốc tạo thành nhân cách tốt đẹp của họ về sau.

Bắt đầu bằng một sự kính phục nhân cách nơi kẻ khác, nhân cách đó sẽ hiện hữu nơi chúng ta. Có một người mắc tật nóng nảy, anh cũng phiền với thói xấu này. Nhưng mỗi khi nóng thì anh không thể kiềm chế được. Một lần anh vô tình đọc một câu chuyện về thiền sư Bạch Ẩn (Hakuin) của Nhật giữ được vẻ bình thản khi bị người ta vu khống đã gây ra bào thai cho cô gái trong làng. Khi đứa trẻ được sinh ra, nó được giao cho ông. Ông bình thản đi xin sữa cho đứa bé mặc dù mọi tiếng vinh quang đã mất sạch. Sau này, cô gái ân hận, thú thật cha đứa bé

là một thanh niên bán cá ngoài chợ. Cha mẹ cô đến xin lỗi ông và xin đưa bé về. Ông vẫn bình thản như chưa có chuyện gì xảy ra. Câu chuyện làm anh xúc động. Anh tự vẽ hình thiền sư Bạch Ẩn treo ở trong phòng để chiêm ngưỡng. Vài năm sau, trong giới bạn bè, anh nổi tiếng là một người trầm tĩnh, không bao giờ nổi nóng khi đối diện nghịch cảnh.

Cái khó khăn trong việc cải hóa nhân cách của con người là làm sao cho biết xúc động, kính ngưỡng trước một nhân cách phi phạm nào đó. Họ cần có tấm gương thực tế của những người xung quanh, họ cần được đọc nhiều về cuộc đời thánh thiện của các vĩ nhân trong quá khứ.

Trong tập “Góp nhặt cát đá” cũng kể câu chuyện một tên ăn trộm, sau khi ra tù đã đến xin xuất gia với một vị thiền sư mà trước đó anh đã đến lấy cắp, chỉ bởi vì khi bị mất cắp như vậy, tâm hồn vị thiền sư vẫn ung dung và tràn đầy sự tha thứ. Suốt thời gian trong tù, có lẽ lòng kính phục của anh đã chín muồi lớn mạnh.

Những nghiệp gây nên bệnh điên được kể như sau:

a/ Sự hủy báng Chính Pháp, công kích lẽ thật làm cho người khác lạc vào tà kiến là tội lỗi nặng nề nhất.

b/ Công kích người thể hiện chân lý. Người thể hiện chân lý có thể là một vị Thánh đắc đạo, có thể là một triết gia có suy nghĩ đúng. Có thể là người không nói nhiều nhưng sống đời đức hạnh, cao cả.

c/ Trong cơn say sưa vì chất kích thích như rượu, ma túy, một kẻ đã quậy phá tùm lum. Họ đã tập điên bằng rượu mặc dù họ chưa bị điên. Những đó cũng là cái nhân gây ra quả báo điên loạn về sau.

d/ Chọc gheo những người điên một cách tàn nhẫn như ném đá, nhái điệu bộ, chửi rủa, khinh khi, chế nhạo.

9. Nghề nghiệp

Đứng trong xã hội, hầu như ai cũng có nghề để sinh sống. Tuy nhiên một nghiệp duyên từ kiếp nào đó đã thúc đẩy chúng ta chọn nghề của mình và chịu luôn cái nghiệp của nó.

Đức Phật khuyên hàng cư sĩ tại gia phải sinh sống bằng nghề chân chính (chính mạng). Ngành nghề trong xã hội rất đa dạng phong phú. *Nhưng có những nghề càng làm càng có phúc và có những nghề càng làm càng có tội.* Ví dụ như nghề giết thịt, buôn bán thịt, chúng sinh, nghề nấu rượu, buôn bán ma túy, kinh doanh phim ảnh, sách báo đồi trụy, phá rừng... là những nghề làm cho người ta trồng thêm tội lỗi. Sống bằng nghề đó thì đời sau luôn gặp đau khổ, bất hạnh. Quả báo bệnh tật, chết yểu, đọa làm súc sinh chắc chắn phải xảy ra.

Có nhiều nghề càng làm càng có phúc như xây dựng đường xá, cầu cống, trường học, thủy điện, an ninh giáo dục, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, lương thực... nói chung những ngành nghề đem lại lợi ích cho xã hội, đều làm cho chủ nhân có phúc, nếu họ biết phục vụ một

cách cao cả. Đôi khi một người ở trong ngành nghề dễ tạo phúc nhưng họ quá ích kỷ, chỉ nghĩ tới đồng lương gây khó khăn cho mọi người, họ cũng bị tổn phúc trầm trọng.

Như vậy, có hai yếu tố thực hiện nghề nghiệp chân chính là: chọn nghề dễ tạo phúc và phục vụ tận tình. Hãy nghĩ lợi ích chung của xã hội và làm việc nhiệt tình hơn là chỉ nghĩ đến lợi lạc cá nhân. Đương nhiên ai cũng cần được hưởng thành quả lao động của mình với số tiền kiếm được để sinh sống. Nhưng một người biết làm phúc là người “đóng góp nhiều hơn hưởng thụ”. Hãy làm việc thế nào mà cho chúng ta cảm thấy sự đóng góp của mình đối với xã hội luôn cao hơn quyền lợi thu về. Được như vậy chúng ta sẽ có phúc về sau. Còn những kẻ chỉ muốn hưởng thụ tối đa với công sức bỏ ra tối thiểu, trước mắt họ có vẻ giàu sang nhưng tương lai họ sẽ làm một người khốn khổ vì thiếu phúc.

Mỗi tuần, mỗi tháng khi kiểm lại số tiền kiếm được chúng ta hãy so sánh với công sức lợi ích mình đóng góp cho xã hội. Nếu thấy công sức nhiều hơn, chúng ta có quyền nở nụ cười vui vẻ vì biết rằng mình đang tích lũy phúc dần dần theo năm tháng. Ngược lại, nếu thấy mình không làm được lợi ích gì cho xã hội mà kiếm được tiền quá nhiều, hãy lo lắng hơn là mừng rỡ, và cũng phải tìm cách cúng dường, bố thí để bù đắp cái phúc đang bị hao tổn kia.

Một tu sĩ chân chính suốt đời dùng cuộc sống của mình để làm gương, dùng lời nói của mình để rao giảng đạo đức, họ xứng đáng được hưởng sự kính trọng và giúp đỡ của những tín đồ.

Thế gian này vốn ngập tràn tội ác, thế nên sự truyền bá đạo đức là nhu cầu bức thiết của xã hội. Đạo đức cần được giảng dạy ở khắp mọi nơi, trong gia đình, học đường, các đoàn thể và tôn giáo. Mỗi nơi đều có phương pháp riêng để nêu nên hệ thống đạo đức của mình. Tôn giáo vừa mang tính chất thần bí, vừa mang tính chất đạo đức. Ở phương diện đạo đức, tôn giáo là một hình ảnh đẹp của loài người vì đã rao giảng, cải hóa tâm hồn của con người trở nên thuần hướng thượng.

10. Tình cảm

Tình cảm đời này có khi xuất phát từ một món nợ trong quá khứ. Khi thấy ai tự dung yêu mến, giúp đỡ mình, chúng ta đừng tự cho mình có nhiều ưu điểm. Có khi chỉ vì họ mắc một ân nghĩa nào đó và đang trong thời gian đền trả. Trả xong, tình cảm sẽ biến mất. Hiểu được điều này chúng ta sẽ thấy bình thản khi thấy con người khi thì vồn vã với nhau, khi thì hờ hững với nhau.

Có hai nguyên nhân dẫn đến sự thu hút tình cảm của mọi người.

Một, đó là người có tâm từ ái rộng lớn, luôn luôn biết thương yêu, đối xử tử tế hòa nhã với mọi người.

Kiếp sau họ có khuôn mặt hiền lành, phúc hậu, khả ái kỳ lạ, bất cứ ai trông thấy đều cảm mến.

Hai, đó là người siêng năng làm việc lý trí. Tâm hồn họ không có nhiều tình cảm nhưng lý trí họ rất sáng suốt, luôn luôn chịu khó giúp đỡ mọi người. Đời sau họ cũng được (đã thọ ân) yêu mến mặc dù khuôn mặt có vẻ khôn ngoan chứ không có vẻ hiền lành tự nhiên như trường hợp thứ nhất.

Để tránh sự đố kỵ, ganh tị luôn nhớ rằng muốn nhà mình đẹp cứ tự xây cất trang trí, việc gì phải đi đập nhà người khác. Muốn mình được trọng vọng hãy trau dồi đức hạnh thay vì lo hạ uy tín người khác.

11. Hoàn cảnh sống

Với người hiểu rõ Luật Nhân Quả Nghiệp Báo, họ sống có ý thức cao độ trong việc bảo vệ môi trường sống trên địa cầu. Bởi vì những ai góp phần làm dơ bẩn môi trường, trong tương lai, họ sẽ phải sinh về nơi dơ bẩn, phải làm những nghề nghiệp ở nơi tối tăm, độc hại, hôi hám hoặc nặng nề hơn phải đọa làm các loài thú vật sống nơi nước đọng ao tù, sống nơi các vùng thiên nhiên khắc nghiệt, nóng bức hoặc giá lạnh...

Nhưng chúng ta rất dễ thờ ơ với loại nhân này. Xe chúng ta xì khói mù mịt vào đường phố. Mặc kệ! Chúng ta quét rác tung vãi bụi li ti vào hàng xóm xung quanh. Mặc kệ! Người nông dân đốt rẫy, đốt dạ để khói bay vào khí quyển đâu biết rằng điều ấy làm cho hiệu ứng nhà

kính tăng thêm. Một xí nghiệp xay đá không tưới nước để cát bụi bốc cao cả vùng trời, ảnh hưởng đến dân cư lân cận. Người ta xúm nhau thắp hương xông khói mù mịt các đền chùa vào ngày lễ hội làm nhiễm độc phổi lẫn nhau. Không biết thần linh có chứng giám cho lòng thành của họ hay không, nhưng trước hết các tín đồ phải chịu hít khói đầy phổi.

Tiếng ồn cũng là yếu tố làm dơ bẩn môi trường sống của sinh vật (kể cả cây cối). Chúng ta mở nhạc âm ã làm ảnh hưởng đến thần kinh não bộ của hàng xóm. Có những loại nhạc không phù hợp với sở thích và thể trạng sẽ làm tâm lý người nghe bị dồn nén nặng nề, lâu ngày sẽ sinh ra các bệnh về nội tiết, rối loạn thần kinh, tâm lý khủng hoảng.

Hoặc những người làm nghề phải gõ đập liên tục làm chói tai mọi người. Lâu ngày nghiệp tích lũy nặng, họ sẽ bị những quả báo về bệnh tật, và bị sống trong môi trường có nhiều sự huyên náo, gây bứt rứt thường xuyên.

Một đệ tử Phật chân chính là người thấm nhuần giáo lý của Đức Phật, rồi sau đó quay lại sống với mọi người bằng trái tim từ bi vô ngã. Phật Pháp dạy con người sống trong ánh sáng, hướng dẫn mọi người sống đúng với chân lý.

Trong cuộc sống hàng ngày, tư tưởng thiện và tư tưởng ác của con người lan truyền ngổn ngang trong không gian tâm linh lẫn nhau. Nếu tư tưởng thiện nhiều

hơn tư tưởng ác, chúng ta có một “sinh thái tâm linh” tốt đẹp. Ngược lại, chúng ta có một “sinh thái tâm linh” xấu xa.

“Đạo Phật có mặt để đem lại lợi ích cho cuộc đời, chứ không phải để cuộc đời đem lại lợi ích cho Đạo Phật”

Kết luận:

sống Đức Phật và Tăng đoàn vô cùng đơn giản. Mỗi vị chỉ có ba y một bát, đi khất thực ngày ăn một bữa, không có kho đụn, bếp núc giữ thức ăn qua đêm, ở trong rừng vắng, ở dưới cội cây, chỉ chuyên chú từng phút giây tu tập. Thế nên nhiều vị chứng được Thánh quả cao thượng.

Khi Phật nhập diệt, y bát được truyền cho Tôn giả Đại Ca Diếp kế thừa sự nghiệp của Phật, giữ gìn Phật Pháp tồn tại lâu dài về sau.

Đây là một bài học có ý nghĩa sâu xa và vĩ đại vô cùng. Tôn giả Ca Diếp là người tu theo hạnh đầu đà, sống khắc khổ, đơn giản tột độ. Chỉ những người biết sống đơn giản, người đó mới có thể giữ gìn được Chính Pháp. Mỗi khi nhớ đến đời sống đơn giản của Đức Phật và Tăng đoàn thời đó, chúng ta vẫn cảm thấy bùi ngùi và sung mộ vô biên.

Chúng ta hãy sống đơn giản, ca ngợi tán thán đời sống đơn giản, và sắp xếp cho mọi người được sống đơn giản.

VI. HỘ GIỚI

Người tu có xứng đáng với giá trị cao cả của mình là nhờ trì giới. Người giữ giới đứng đắn sẽ được yên tâm thường quán, không bị dày vò hối hận, bất an. Giới Luật còn gọi là Ba Na Đề Mộc Xoa, nghĩa là Biệt Giải Thoát. Chúng ta cố gắng giữ giới cho mình và giúp mọi người giữ giới. Nếu thấy người khác có mầm móng phạm giới, hãy vì họ khéo léo can ngăn, đừng để đi sâu vào tội lỗi.

Nếu làm được việc này, về sau có khi chúng ta chớm sai lầm sẽ được nhắc nhở kéo lại. Nếu chúng ta thấy người đang đi dần vào sai trái, có thể can được mà không can, về sau chúng ta bị sai sót, không ai chỉ bảo giùm.

Thời Đức Phật có vị Tỳ Kheo ra đời đến sáu lần. Lần thứ bảy xuất gia ở lại mới chứng A La Hán. Khi được hỏi về nguyên do, Đức Phật bảo vì đời quá khứ ông chẳng những không can, mà còn đồng ý cho một người huynh đệ muốn trở lại thế tục, nên phải cảm quả báo ra đời sáu lần.

Giới có hai mục đích, giữ gìn cho mình trong sạch và khiến cho người không nghi ngờ. Nếu người khác nghi ngờ sự tu hành của một vị xuất gia, tâm Bồ đề của họ có phần sút mẻ. Thế nên, người giữ giới trong sạch đã có tự lợi, lợi tha, khiến người kín tin Tam Bảo và Bồ đề tâm họ tăng trưởng. Như thế người giữ gìn giới sẽ được uy đức trang nghiêm, đạo nghiệp chóng thành.

Đối với những người không đủ sức giữ giới trọn vẹn, nếu chúng ta không có duyên sách tấn họ thì thôi, không nên rêu rao cho mọi người biết kéo cảm quả báo sẽ phạm lỗi như họ.

VII. GÀN GỮ THIỆT TRI THỨC

Người cầu giải thoát khỏi tam giới, đoạn sạch vô minh thì phải gàn gữ chân sự, thiện hữu, không thể có tâm ngã mạn, cho mình đủ Trí Tuệ, tự tu chẳng cần Thầy. Chúng ta có thể tài giỏi nhiều vấn đề, thông thạo rất

hiều kỹ thuật, nhưng đối việc tu hành sâu xa, thì chúng ta chỉ như con nai tơ ngu ngốc, không chịu thân cận chân sư thì sai lầm chắt đầy hư không.

Hiểu biết nhiều thì sinh ngã mạn, không hiểu biết thì tu sai lạc thành bệnh hoặc rẽ qua đường tà, cố sức tinh tấn thì hay nổi sân, không tinh tấn thì thành giải đãi. Ráng giữ giới thì thành chấp tướng, không ráng giữ giới thì phạm sai lầm đọa lạc, không rõ lý do duyên hợp thì thành chấp có, không thấu đáo Nhân Quả thì chấp không... Vô số những khúc mắc tế nhị trên đường tu, nếu không thân cận thiện tri thức rất khó vượt qua nổi.

Nếu người thường thân cận thiện tri thức, đến khi làm Thầy thì được đông đảo tụ hội.

Bây giờ chúng ta chưa đủ trình độ giáo hóa chúng sinh, hãy làm cái gạch nối để lời dạy của thiện tri thức truyền đi cho mọi người, và để cho mọi người biết tìm đến thiện tri thức cũng được công đức lớn.

Đối với thiện tri thức, chúng ta hãy tuân phục vô điều kiện, bỏ hết ý kiến của mình, chỉ biết vâng lời không biết chống trái, hãy dâng cả cuộc đời mình cho thiện tri thức. Dù vị ấy có hiện nghịch hạnh, chúng ta vẫn một lòng cung kính vị ấy trọn vẹn. Hãy như Thánh Milarepas thừa sự Sư phụ Marpa với lòng ôn nhu nhẫn nại và cuối cùng trở thành người kế thừa Giáo Pháp.

VIII .PHÁP THÍ

Pháp thí là công đức quan trọng trong Phật Pháp. Hoặc tự mình đã thông đạt Giáo Pháp, rồi nói lại cho người khác nghe, hoặc thuật lại lời dạy của bậc Giác ngộ, hoặc đưa kinh sách cho người xem đều gọi là Pháp thí. Người nghe được Giáo Pháp nên bỏ ác theo thiện, bớt si mê, thêm trí tuệ, bớt ác nghiệp, thêm phúc duyên, được công đức tăng trưởng, từ đời sống này sang đời sống khác đều ít khổ, nhiều vui cho đến khi hoàn toàn giải thoát.

Vì Pháp thí lợi ích lâu dài và lớn lao như thế nên người hành pháp thì được công đức lớn lao không thể kể xiết. Làm cho người hiểu Nhân Quả nên người bỏ điều tội làm điều phúc, chính mình cảm quả báo có trí tuệ được phúc lạc cả thân tâm. Giúp cho người sáng lý Tứ Đế, suốt lẽ Nhân duyên giả hợp, rõ về bản chất vô thường giả tạm của Vạn Hữu, giác ngộ được Pháp Thân, chính mình sẽ cảm quả báo tăng tiến thiên định, đạo nghiệp sớm thành.

Vì mây che nên trăng không hiện

Vì kiết sử che nên Phật tính không lộ bày

Kiếp sử tan vỡ, Phật tính tỏa hào quang

Kiếp sử là quả, mà si mê tội lỗi là nhân.

Bình thường chúng ta xem lại trong tâm, không thấy kiết sử này ở đâu, những vị đốn ngộ, giây phút ấy thấy rõ kiết sử tan vỡ.

Có khi kiết sử ấy mỏng dần dần, đây gọi là tiệm tu tiệm ngộ.

Trường hợp nơi những người có sở đắc thời quá khứ, đời này các ám tam bị che, sau một thời gian dụng công hoặc nghe một nhân duyên nào thích hợp kiết sử liền tan vỡ. Đây gọi là đốn ngộ.

Vì kiết sử là duyên hợp của si mê và tội lỗi (còn gọi là vô minh và ác nghiệp), nên muốn phá trừ kiết sử phải mở sáng trí tuệ và bồi tạo công đức. Chúng ta tán thán Phật là Đấng Lương Túc Tôn cũng bởi vì Phật đầy đủ Phúc và Huệ như vậy. Để dẫn dò các Phật tử bước chân vào Phật đạo mà nơi lá phái quy y in to bốn chữ Phúc Huệ Song Tu. Trí tuệ và công đức đã đủ thì kiết sử dù chúng ta không muốn cũng phải tan.

Tu Trí tuệ thường quan sát các lẽ thật mà Phật các khám rồi nói lại cho chúng ta, đó là quán sát Nhân Quả, quán lý Tứ Đế, quán lý Mười Hai Nhân Duyên, quán thân bất tịnh, cảm thọ là khổ, tâm là vô thường, các pháp không tự tánh, quán các pháp đều huyễn hóa, như giấc mộng, như ảo ảnh, thấy rõ từng tâm niệm từ thô đến tế khởi lên và biến mất.

Tu Phúc là làm lợi ích cho chúng sinh, hoặc ngăn ngừa nhưng giúp qua cơn đói, bố thí tài vật sống qua một thời gian, dùng sức lực đắp một đoạn đường, an ủi người qua cơn buồn khổ, hoặc làm lợi ích cho người lâu dài như

in Kinh, tô đắp tượng Phật cho người chiêm bái, độ người xuất gia thọ giới...

Vua Lương Võ Đế hỏi:

- Trẫm thường cất Chùa, in Kinh, độ Tăng, có công đức gì chăng?

Tổ Đạt Ma bảo:

- Không!

Bình: một tiếng hét vỡ tan trời đất!

Chữ Không của Tổ khiến người sau hoang mang không ít và cũng luận giải khá nhiều, người thì theo Lục Tổ chia đôi phúc đức hữu vi và công đức tự tính, người thì cho là Nhân Quả không liên quan đến vấn đề giải thoát...

Lời ngắn gọn của Tổ nghe hỏi liền đáp mà nay đem ra giải hơi nhiều thì oan uổng. Chỉ vì thời tiết nhân duyên chưa đến nên sau cái gạt ngang của Tổ, kiết sử của Đế không tan.

Nếu thời tiết đã đến, Tổ đã hất tay của Đế khỏi chỗ bám chấp công và e Huệ Khải không phải đệ nhị Tổ Đông Độ.

Hành Pháp chính là giúp người biết cách tu Huệ và tu Phúc. Huệ và Phúc đã đầy đủ thì tam giới không ràng buộc được người này, và công đức của người Thí Pháp rất lớn.

IX. KÍNH PHÁP

Giáo lý từ kim khẩu của Thế Tôn lưu xuất đã khai ngộ vô số trời người và với trí nhớ tuyệt vời của ngài Tôn giả A Nan đã được truyền tụng ghi chép thành Kinh điển. Nếu tôn kính Phật là đại chúng tử giải thoát, thì tôn kính Pháp là điều không thể thiếu.

Có kẻ tu đến chỗ vô tâm liền tuyên bố Kinh điển không ngôn ngữ, không liên hệ đến việc tu tập, và chỉ làm chướng ngại giải thoát. Lời này không khéo trở thành phỉ báng Phật. Bởi vì đã phỉ báng Pháp của Phật dạy. Tại sao những lời lẽ đó Phật độ được chúng sinh giác ngộ mà bây giờ ta lại cho lời đó là tai hại?

Chấp ngôn ngữ Kinh điển là không biết cứu cánh. Nhưng bác ngôn ngữ Kinh điển lại là không biết phương tiện.

Những kẻ bài bác ngôn ngữ văn tự, đâu biết rằng chính lời lẽ bài bác của họ cũng chính là một ngôn ngữ văn tự rồi. Vấn đề không phải là lỗi tại ngôn ngữ. Với kẻ tâm tà thì ngôn ngữ là phương tiện gieo rắc tai họa. Nhưng với người hiền trí thì ngôn ngữ là phương tiện khai thị chúng sinh, thành tựu Thánh đạo. Điều mà những người tâm được thanh tịnh cảm nhận là dường như mọi văn tự ngôn ngữ Kinh sách đều thừa thãi không dính dáng với tâm thể, và đôi khi có vị thốt lên:

“Ngôn ngữ văn tự chỉ nên vứt bỏ”

Những người vừa thốt ra đó cũng là ngôn ngữ văn tự đó bạn ạ!

Nhận thức rõ ràng như trên, chúng ta sẽ không rơi vào tà kiến, chống báng Kinh điển để bị đọa nặng nề, bỏ mất hạt giống Thánh trí. Trong nhiều kiếp quá khứ, khi còn hành đạo Bồ Tát, Phật Thích Ca đã dâng cả mạng sống để được nghe một bài kệ ngắn của Chính Pháp.

Kính Pháp là *Nhân* mà được Thánh trí là *Quả*

Pháp tuy trừu tượng nhưng đã được cụ thể hóa qua Kinh sách giấy mực. Thế nên khi đối với Kinh sách, chúng ta hãy trân trọng đặt nơi xứng đáng, giữ gìn cẩn thận. Khi nghe thuyết Pháp phải ngồi trong oai nghi, nghiêm trang, chỉnh túc, tâm ý chân thành, chăm chú tuyệt đối, đừng làm động tâm người khác. Người có lòng Kính Pháp, sớm muộn sẽ giác ngộ.

X. TÙY HÝ

Chúng ngộ Thánh quả là điều lớn lao vĩ đại mà ai cũng ham thích. Người chứng ngộ là chỗ cho trời người quy ngưỡng, tán thán, cúng dường, là ánh sáng tỏa chiếu trong đời cho mọi người quy hướng. Địa vị của bậc Thánh là tối thượng. Riêng bậc đã chứng ngộ thì không còn thấy địa vị hơn thua, nhưng đức độ tự nhiên cũng khiến mọi người kính phục.

Chúng ta tuy mong được giải thoát chứng ngộ, nhưng đôi khi chứng ngộ là vội vã, lại xem chứng ngộ là một địa vị, và khi thấy có địa vị liền có tâm tranh giành tận trong thâm tâm, chúng ta chỉ muốn có mình được chứng ngộ, còn người khác chỉ nên là đồ đệ. Do tâm

trạng này, chúng ta không vui khi nghe có người tu hành tinh tấn, giới đức trọn vẹn, tọa thiền rất lâu. Từ cái không vui này, chúng ta có thể công kích, chỉ trích làm giảm bớt uy danh của họ. Sự việc này làm ma vương nhảy nhót vui mừng.

Nếu không tùy hỷ công hạnh tu tập của người, chúng ta sẽ cảm quả báo chổ dụng công không đắc lực, ác nghiệp hình thành.

Chúng ta hãy hoan hỷ khi có người thăng tiến công đức trong Phật Pháp, hoặc người nghiêm cẩn trì giới, hoặc người chuyên chú thiền quán, thuyết Pháp, sinh lợi đa văn quảng kiến, cho đến người thành tựu đạo quả, biện tài vô ngại, mọi người hường về cung kính cúng dường. Nếu biết tùy hỷ như vậy, chúng ta sẽ cảm quả báo dụng công tu hành đắc lực, ác nghiệp nhẹ dần, thiện căn thêm lớn.

XI. ỦNG HỘ

Chính giải thoát là mục tiêu cao thượng nhất nên chúng ta hãy ủng hộ, giúp đỡ, nhường nhịn, hy sinh cho mọi người có điều kiện tiến triển trong việc tu học.

Điều này dễ thấy trong Tăng chúng của một tu viện đông người. Có khi chúng ta nhận lấy công việc bận rộn để cho người khác được rảnh rỗi tu học, hoặc giúp đỡ vật dụng cần thiết cho sự tu học của người, còn mình chịu khó dụng công tu trong cảnh động.

Hoặc người cư sĩ tại gia phát tâm ủng hộ giúp đỡ việc tu hành của chư Tăng, của bạn bè, cư sĩ...

Những việc như vậy đều là công đức tốt trong Phật Pháp, đều là nhân lành xuất thế gian.

Hoặc nhường Kinh sách cho người xem, nhường công đức cho mọi người làm, để chúng sinh cho người đều là ủng hộ người được thêm nhiều thiện báo.

XII. BỐ THÍ

Bố thí là nhân lành thế gian, cũng là công đức xuất thế gian, cũng là mật hạnh của Bồ Tát đạo. Ở đây chúng ta đề cập đến quả báo xuất thế gian.

Người giải thoát không còn chấp ngã, và ngã ở hữu. Bố thí chính là buông xả chấp ngã như thế. Người thường coi nhẹ tài vật sở hữu, hay buông xả bố thí cho người khác, sẽ được thiện lợi lớn, phiền não mỏng nhẹ, dễ buông bỏ vọng tưởng tư kiến.

Người còn bòn xén ít bố thí, chắc chắn khó có thể giải thoát khỏi chấp trước si mê. Những bậc chân tu đạo hạnh không chấp chứa nhiều, mỗi khi có được mòn gì liền khởi nghĩ bố thí cho ai khác.

Như vậy buông xả tài vật là Nhân, mà buông xả vọng chấp là Quả.

Bố thí là cánh cửa đầu tiên để đi ra khỏi ngục tù tâm giới.

XIII. LÀM THEO LỜI DẠY

Trong tất cả công hạnh xuất thế gian, làm theo lời dạy của bậc giác ngộ là điều quan trọng nhất.

Bà La Môn từ thành Vương Xá đi ra gặp Đức Phật giữa đường hỏi:

- Những đệ tử của Cồ Đàm đều được Niết Bàn chăng?

Phật đáp:

- Có người được, có người không được.
- Tại sao cùng nghe chung lời dạy mà có người được, người không được?
- Nếu có người hỏi ông đường về thành Vương Xá, ông sẽ đáp như thế nào?
- Tôi sẽ bảo họ đi thẳng tới rồi rẽ sang bên phải, đến hồ nước lớn, vòng qua sẽ thấy thành Vương Xá.
- Nay Bà La Môn, nếu người ấy nghe và làm theo đúng như vậy sẽ đến thành Vương Xá chăng?
- Đến được, Cồ Đàm.
- Nếu người nghe nhưng không đi đúng như vậy sẽ đến được Vương Xá chăng?
- Không được, Cồ Đàm.

Phật bảo:

- Cũng vậy, này Bà La Môn, ta đã dạy cho họ con đường đến Niết Bàn, trước hết đi thẳng con đường Tinh Tấn, rẽ sang bên phải đơn giản, vòng qua hồ nước Trí Tuệ, sẽ đến được Niết Bàn. Nhưng có kẻ làm đúng theo, có kẻ không làm đúng nên kết quả đã khác nhau.

Chúng ta thường tự thị chỗ hiểu biết của mình, làm theo điều mình suy nghĩ, không biết bỏ đi tư kiến để tuân phục lời dạy của chân sư một cách triệt để, và như thế chúng ta đã đánh mất lối về giải thoát. Thông thường trong mười đệ tử, chỉ có hai hoặc ba người làm đúng theo lời dạy của Thầy. Nếu ai cũng chịu xét kỹ và tuân theo từng lời dạy của chân sư, từ việc nhỏ như công việc giới luật, tư cách, đến được việc lớn như Thiên Định, Giáo Pháp, sẽ có kết quả tốt trên đường tu hành.

Ví dụ, lời Đức Phật dạy muôn đời là tiêu biểu cho chúng ta làm theo để đi đến Vô Thượng Phạm Hạnh, Phật dạy Tinh Tấn, lâu dần chúng ta giải đãi. Phật dạy sống đơn giản, lâu dần chúng ta đã sống đời phức tạp. Rất nhiều điều Phật dạy mà chúng ta làm theo không đúng, và đó là lý do tại sao mà Phật Pháp dần đi đến mặt hoại.

Người đệ tử xuất sắc là người kỹ lưỡng để ý làm theo lời dạy của Thầy từng chút không sơ suất. Điều đó cũng nói lên lòng kính tin trọn vẹn của người học đối với Thầy và kính Thầy, thì thưa, bạn sẽ thành tựu tâm đắc của Thầy.

XIV. NHÂN QUẢ BỒ TÁT ĐẠO

Bậc Bồ Tát giác ngộ đã ứng dụng Luật Nhân Quả để hóa độ chúng sinh rất lý thú. Vô số phương tiện tuyệt vời, Bồ Tát nhiếp phục và hướng dẫn chúng sinh đi dần đến giác ngộ.

Giáo hóa là điều vô cùng khó khăn. Từ vô lượng kiếp chúng sinh quan nhìn theo ngũ dục, tham lam sân hận ngút trời, bây giờ bảo họ buông ngũ dục, dứt tham sân để thoát khỏi Luân hồi, chứng Niết Bàn an lạc, họ không thể nào tin nghe theo được. Muốn nói những giáo Pháp cao cả cho chúng sinh nghe theo, tin hiểu và thực hành, nếu không có sức mạnh kỳ diệu nào khác, sẽ không bao giờ thành tựu. Sức mạnh nào đã khiến chúng sinh tin nghe Bồ Tát giáo hóa?

Ông trưởng giả Cấp Cô Độc cùng với gia đình trọn lòng phụng sự Phật và chúng Tăng không mệt mỏi, trong khi bà giữ kho của ông không bao giờ muốn trông thấy Phật. Ông Cấp Cô Độc rất khổ tâm về chuyện này, giải thích mọi điều mà bà vẫn khăng khăng ghét Phật. Đức Phật biết rõ và không hề nhắc đến bà già khó khăn đó. Một hôm Phật bảo La Hầu La đến độ cho bà. Tôn giả nghe lời Phật, đáp y, ôm bát đi một mình về phía nhà ông Cấp Cô Độc.

Hôm này rồi việc, bà lão ngồi chơi trước cửa nhà, trông thấy dáng Tôn giả La Hầu La, lòng bà chợt khởi lên niềm thương mến kỳ lạ và không kiềm được, đi đến mời Tôn giả vào nhà, Tôn giả liền thuyết Pháp cho bà và bà lão từ đó Quy y theo Tam Bảo.

Phật giải thích sự kiện này rằng, trong một đời quá khứ La Hầu La đã làm con của bà, một người con hiếu thảo chăm sóc cho bà tận tụy. Tình thương và ân nghĩa

cũ không mất, nay gặp Tôn giả, lòng thương sống dậy và chịu nghe lời giáo hóa của Tôn giả.

Tình Thương và Ân Nghĩa là sức mạnh nhiệm màu của Bồ Tát giáo hóa chúng sinh.

Người ta chỉ nghe theo ai khi họ đã thọ ân và thương mến vị đó. Áp dụng tính cách này, Bồ Tát luôn luôn ban ơn và trải lòng từ bi đối với vạn loài trong vô lượng kiếp, Phật dạy Tứ Nhiếp Pháp là phương tiện để Bồ Tát gieo ân nghĩa tình thương với chúng sinh.

- Bố thí (ân nghĩa) ban cho tài vật
- Ái ngữ (tình thương) nói lời dịu dàng
- Lợi hành (ân nghĩa) làm lợi cho người
- Đồng sự (tình thương) gần gũi hòa mình với người.

Khi chúng sinh đã chịu ơn và thương quý mình rồi, Bồ Tát liền tùy căn cơ thuyết Pháp cho họ. Thông thường những chúng sinh sơ cơ chỉ nghe được Thập Thiện, Nhân Quả Thế Gian là quá rồi. Tuy nhiên như thế cũng khiến họ bớt khổ. Những lời dạy Thập Thiện như:

“Con hãy yêu cả kẻ thù của con”

Hoặc:

“Nếu họ tát con má bên phải hãy đưa má trái cho họ tát”

Hoặc: *“Không, không chỉ phải tha thứ cho kẻ đã xúc phạm đến con bảy lần mà phải tha thứ đến bảy mươi lần”*

Hoặc:

“Đừng phê phán ai để không ai phê phán mình”

Hoặc:

“Để con đem yêu thương vào nơi oán thù

Dem tha thứ vào nơi lãng nhục

Dem an hòa vào nơi tranh chấp

Dem chân lý vào chốn lỗi lầm

Để con rọi ánh sáng vào nơi tối tăm

Dem an ủi vào chốn u sầu

...vì chính khi tha thứ là khi được tha thứ

Chính lúc quên mình là lúc tìm lại bản thân

Vì chính khi hiến dâng là khi được nhận lãnh

Chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời...”

Đều khiến chúng sinh trở nên cao thượng.

Đến một lúc ân nghĩa và tình thương đã ban phát quá nhiều, Bồ Tát sẽ đủ phúc thị hiện vào ngôi Quốc Vương. Ở cương vị Quốc Vương được toàn dân kính mến tuân phục Bồ Tát sẽ giáo hóa đạo lý Thập Thiện hơn nữa.

Khi những người hành Thập Thiện được phúc sinh lên cõi Trời, Bồ Tát lại làm vua cõi Trời cai quản nhiều thế giới và công hạnh giáo hóa lớn lao gấp bội lần.

XV. TỰ TRANG NGHIÊM

Vì biết chúng sinh vốn chuộng hình thức, kính trọng những ai có dung nghi rực rỡ đẹp đẽ, giọng nói thanh tao, trầm âm, vang xa, nên Bồ Tát đã tự trang nghiêm thân, hầu dễ gần gũi giáo hóa chúng sinh. Bồ Tát

sẽ làm các công đức tôn kính Chư Phật, đắp vẽ hình tượng Phật, tán thán ca ngợi oai nghi Chư Phật và như thế khi hiện thân ở đời, Bồ Tát có dung mạo kỳ tuyệt rực rỡ như ánh trăng rằm, chúng sinh vừa trông thấy bèn cảm mến.

Bồ Tát thường ủng hộ chư Phật giáo hóa duy trì giáo lý Chư Phật đã tuyên truyền, cúng dường xây dựng Pháp hội của Chư Phật, và quả báo sẽ trở lại khi Bồ Tát thị hiện giáo hóa được chúng sinh, ủng hộ giữ gìn một cách bền vững.

Do Bồ Tát thường cúng dường Chư Phật, ban phát giúp đỡ chúng sinh nên khi thị hiện vào sinh tử, Bồ Tát luôn được sung mãn về tài vật, muốn thực hiện công đức gì liền đủ duyên hội tụ. Cũng do công đức giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh nhiều kiếp, Bồ Tát cảm quả báo thành tựu Trí Tuệ, thần lực quảng đại không thể nghĩ bàn. Trí Tuệ của Đại Bồ Tát biết nhiều phương tiện thù thắng để giáo hóa hơn lúc mới nhập Bồ Tát vị. Thiên Nhân của Đại Bồ Tát thấy suốt nhiều cõi nước xa xôi. Đại Bồ Tát có thể giáo hóa vô số thân của các loài, vào các cõi nước khác biệt để độ chúng sinh. Đang khi có thân làm thiên chủ vẫn đang có thân ở cõi người, có thân ở loài thú, có thân nơi Pháp Hội của Chư Phật. Bản thể đã đồng với Phật, chỉ có công hạnh, phúc đức, trí tuệ, thần lực diệu dụng dần dần thành tựu vô số kiếp lên các

địa vị Bồ Tát đến thập địa thì viên mãn, tùy nguyện bốn xứ thành Phật.

Có khi để gieo duyên với xóm làng, Bồ Tát đắp sửa con đường đầu làng, gác lại cầu đã mục...

Phương tiện truyền bá giáo lý cũng là môi trường kết duyên rộng rãi với chúng sinh.

XVI. NHÃN NHỤC

Khi còn là phàm phu chưa thông đạt Thánh đạo Bồ Tát cũng lỡ gây oan trái với chúng sinh, bây giờ hành Bồ Tát đạo, đi vào sinh tử, sẽ gặp lại những oan gia xưa và phải nhận những đối xử tệ bạc. Trước nghịch cảnh đó, bậc Bồ Tát vẫn bình thản nhẫn nhục trả nghiệp và luôn tiện kết duyên mới để hóa độ kẻ thù ngày trước. Trường hợp Ca Lợi Vương chặt cắt thân thể vị tiên tu hành nhẫn nhục (tiền thân Đức Phật Thích Ca) cũng là như vậy. Ngay đó vị tiên nhân phát thệ khi thành Phật sẽ độ Ca Lợi Vương trước hết. Ca Lợi Vương là tiền thân của Tôn giả Kiều Trần Như, đệ tử đầu tiên của Phật.

Trong kinh Bốn Sinh có kể lại rất nhiều tiền thân của Phật khi Ngài còn hành Bồ Tát đạo. Những phẩm Nhập Pháp Giới trong Kinh Hoa Nghiêm diễn tả công hạnh của vị Bồ Tát với các phương tiện rất thù thắng kỳ lạ, khó thể nghĩ bàn. Có vị hiện thân làm vua hóa hiện rất nhiều hình phạt thảm khốc để hãm dọa kẻ ác đừng làm ác. Có vị hiện thân nữ để giáo hóa chúng sinh... Những đệ tử của Phật cũng từng nhiều đời là đệ tử của Phật khi

Ngài còn hành Bồ Tát đạo, cũng đã được Phật dạy thiên định, tư duy, cũng quay quần ở chung nơi rừng sâu núi thẳm.

XVII. PHI ĐẠO

Vì lòng từ bi lớn, Bồ Tát cũng hiện thân vào các loài thú, loài thần... để gần gũi ban ân cho chúng sinh thuộc các loài đó, và khéo léo ngăn chặn chúng sinh ấy không tạo ác hầu có cơ hội được thân người. Hoặc Bồ Tát làm sư tử chúa, nai chúa, chó chúa... thống lãnh cả bầy thú để che chở và hướng dẫn bầy thú phát tâm hướng thượng tăng trưởng phúc duyên. Khi bầy thú đó được thân người, Bồ Tát lại thị hiện thân người để tiếp tục gần gũi giáo hóa khiến thiện duyên họ không dứt mất.

Trong thế gian phức tạp này không có việc gì hoàn toàn thuận tiện một chiều cả. Đối với những chúng sinh ác tâm quá lớn, khinh chê đạo đức, tham lam gian trá đầy lòng, Bồ Tát đôi khi phải dùng những nghịch hạnh phi đạo đức như trừng phạt, trách mắng, để chặn đứng họ tạo nghiệp. Dĩ nhiên, Bồ Tát phải cảm quả báo không tốt, nhưng vì sự nghiệp độ sinh tối thượng, Bồ Tát vẫn nhẫn nại chấp nhận, miễn sao chúng sinh đừng rơi vào ác đạo là được.

Phạm vi bài tiểu luận Nhân Quả này không cho phép chúng ta đi sâu vào mọi khía cạnh. Chúng tôi góp chút ý kiến thô thiển về một giao lý nền tảng của Phật Pháp mà nếu thiếu hiểu biết về nó, chúng ta sẽ rơi vào

chấp không, lạc vào tà kiến. Ngoại đạo có định lực rất sâu, cũng có một số thần thông, nhưng trong cái thanh tịnh đó họ chưa thấy sự chi phối trùm khắp của Nhân Quả. Họ sẽ thành lập những giáo lý không biết đến Nhân Quả, hoặc họ cho là đã thoát ra khỏi Nhân Quả.

Thấy Thiên sư Tổ Giác Hoa Nghiêm trình Viên Ngộ bài kệ sau khi đã triệt ngộ:

“ Ra rừng như cũ vào bông hao
Lông lộng trời cao trốn được nào.
Vì tin nghiệp duyên không thể trốn,
Trở về chẳng sợ lời nói cao”

(Thiên sư Trung Hoa 3)

Với Trí Tuệ Nhân Quả, chúng ta dần dần chuyển đổi nghiệp lực của mình theo bản nguyện đổi tội thành phúc, chuyển dở thành hay, biến xấu thành tốt, hóa mê ra ngộ, từ phạm lên Thánh một cách tự chủ. Biết Nhân Quả chúng ta không chán nản khi thất bại và cũng không tự cao khi thành công.

Biết Nhân Quả chúng ta quan sát lại công đức trong Phật Pháp của mình và kiên trì tu tập. Không nóng nảy, vội vàng ham mau, mà bình tĩnh gieo duyên sâu dày với đại chúng, tích cực tạo lập công hạnh phúc đức lâu dài về sau.

Biết Nhân Quả, chúng ta biết hóa độ người một cách đúng đắn, vẫn kiên nhẫn khi họ không nghe theo

mình, vẫn trầm tĩnh khi được vâng phục và mãi mãi ban ân nghĩa tình thương khắp chúng sinh.

Con người từ đâu sinh ra? Chết rồi đi về đâu? Tại sao giữa đời lại có những kẻ giàu, nghèo, sang, hèn, đẹp, xấu, trí, ngu sai biệt? Tại sao có người hiền lành mà thường gặp việc khổ sở không may, kẻ hung ác lại được an vui phát đạt? Đây là mối nghi nan thắc mắc chung của đa số người. Và theo Phật giáo, tất cả sự việc này

những đêm thanh vắng, ta nên lặng tâm xét nghĩ, mà thao thức chuyển hướng lòng mình qua mỗi suy tư.

Quá khứ đã qua rồi, không thể thay đổi được, tương lai thì chưa đến, không nên quá lo lắng, con người hãy sống trong hiện tại tỉnh giác, nhận chân thiện ác, giữ gìn chính niệm, hành động lành, lời nói lành, ý nghĩ lành, đó chính là nghiệp nhân lành, nhất định nghiệp quả lành chắc chắn sẽ đến với con người ngay trong đời này và luôn cả đời sau.

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta có rất nhiều thắc mắc, có nhiều vấn đề cần phải giải quyết, chẳng hạn như là:

1) Luật nhân quả là một lý thuyết của Phật giáo mà tất cả vạn vật trong vũ trụ đều hoạt động, vận hành theo quy luật đó. Vậy, luật nhân quả là gì?. Luật nhân quả có phải do Đức Phật chế ra, như một số quốc gia đặt ra luật đi đường chăng?.

2) Nếu có luân hồi thì khi chết rồi một người chỉ tái sinh một người thôi, tại sao thế giới này ngày xưa thì ít mà nhân loại mỗi ngày thêm đông?.

3) Người và thú hoàn toàn khác nhau, làm sao sau khi chết người có thể tái sinh thành thú và thú có thể thành người?.

4) Theo luật nhân quả thì ai làm nấy chịu. Tại sao có những việc cha làm con bị ảnh hưởng, hoặc con làm mà cha bị liên can?.

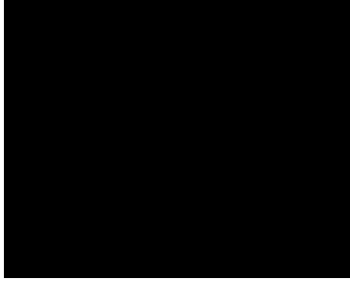
5) Nếu "nhân nào quả nấy", tại sao có người cả đời hiền từ mà lại gặp lắm tai nạn khổ sở, trái lại người hung ác sao vẫn được an lành và nhiều may mắn?

6) Nếu "nhân nào quả nấy" thì chùa làm lễ cầu an, cầu siêu có đúng với luật nhân quả không?

7) Luật nhân quả và thuyết định mệnh giống nhau hay có gì khác biệt?

Câu hỏi 1: Luật nhân quả là một lý thuyết của Phật giáo mà tất cả vạn vật trong vũ trụ đều hoạt động, vận hành theo quy luật đó. Vậy, luật nhân quả là gì?. Luật nhân quả có phải do Đức Phật chế ra, như một số quốc gia đặt ra luật đi đường chẳng?.

Luật nhân quả thực ra có trước đạo Phật. Tuy nhiên, khi Đức Phật thành đạo dưới cội bồ đề, ngài chứng được tam minh, lục thông, thấy được do nguyên nhân nào con người luân hồi trong sáu nẻo, thấy được vô lượng kiếp quá khứ, như người đứng trên lầu cao, nhìn xuống ngã ba, ngã tư, có đông người qua lại. Do đó, luật nhân quả được giáo lý của đạo Phật hoàn chỉnh và luôn luôn được đề cập trong tam tạng kinh điển, cho nên luật nhân quả trở thành lý thuyết căn bản, là chính kiến quan trọng trong Phật giáo. Luật nhân quả là một chân lý hiển nhiên, luôn luôn đúng trong ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai, không lệ thuộc thời gian và không gian, áp dụng cho tất cả mọi sự vật.



Trong khi các quốc gia đặt ra luật đi đường chỉ để áp dụng trong phạm vi quốc gia của mình, trong thời hiện tại mà thôi. Về sau, luật đi đường đó có thể sửa đổi, tu chỉnh cho thích hợp với sự tiến hóa của xã hội. Quốc gia khác có thể không áp dụng cùng luật đi đường như vậy, đôi khi còn ngược hẳn lại.

Câu hỏi 2: Nếu có luân hồi thì khi chết rồi một người chỉ tái sinh một người thôi, tại sao thế giới này ngày xưa thì ít mà nhân loại mỗi ngày thêm đông?

Thuyết luân hồi tái sinh ảnh hưởng cho tất cả mọi loài chúng sinh trong sáu cõi: trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới, chứ không phải chỉ áp dụng cho loài người ở trên quả địa cầu này mà thôi. Do đó, chúng sinh ở cõi này, thế giới này có thể tái sinh sang cõi khác và thế giới khác, cho nên số chúng sinh lên xuống, hay thay đổi ở các cõi là vì vậy.

Câu hỏi 3: Người và thú hoàn toàn khác nhau, làm sao sau khi chết người có thể tái sinh thành thú và thú có thể thành người? .

Người và thú hoàn toàn khác nhau về hình tướng, về nghiệp thức, qua cái nhìn của thế gian, nhưng qua con mắt trí tuệ của đạo Phật, người hay thú cũng đều có thân tứ đại bao gồm đất, nước, gió, lửa như nhau, và nhất là đều có Phật tánh, có tâm thức. Sau khi hưởng hết phúc báo, lại tạo tội tạo nghiệp, tức là tạo nghiệp nhân chẳng lành, con người lãnh nghiệp quả chẳng lành tương ứng, bị đọa vào ba đường khổ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Hoặc sau khi đền trả hết nghiệp báo ba đường khổ, con người được trở về các cảnh giới trời, người, a tu la.

Sự tái sinh theo luật nhân quả qua lại trong sáu cõi luân hồi như vậy, trong kinh sách gọi là: trầm luân sinh tử. Tu tập theo đạo Phật có mục đích cứu kính là giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi nói trên.

Câu hỏi 4: Theo luật nhân quả thì ai làm nấy chịu. Tại sao có những việc cha làm con bị ảnh hưởng, hoặc con làm mà cha bị liên can?.

Đúng là theo luật nhân quả, ai làm nấy hưởng, ai làm nấy chịu. Đó chính là sự công bằng tuyệt đối, gọi là biệt nghiệp, tức là nghiệp riêng của từng người. Nghiệp có ba thứ: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Thí dụ như: nhảy cao thì bị gãy cổ, nói bậy thì bị chúng chửi, nghĩ bậy thì bị nhức đầu, đó gọi là biệt nghiệp. Thí dụ

như: ở hiền thì gặp lành, nói hiền thì người thương, nghĩ tốt thì bình yên.

Khi người cha gặp nạn, thì không những người con bị ảnh hưởng, mà cả gia đình đều chịu khổ sở chung, đó gọi là cộng nghiệp, tức là nghiệp chung của một số người có liên hệ với nhau về huyết thống, về sắc tộc, về nghề nghiệp, về địa phương. Còn người con làm mà người cha bị liên can cũng chính là cộng nghiệp, hoặc theo luật pháp, người cha không biết dạy dỗ người con vị thành niên, khi người con làm chuyện phạm pháp thì người cha phải chịu trách nhiệm liên đới.

Đây là nói về đời sống hiện tại. Nếu bàn về nhân quả nghiệp báo ba đời thì người này có thể thiếu nợ người kia, người kia sinh lên làm con trong đời này, tiêu pha hưởng thụ cho đủ số nợ rồi đi, có khi phá tan sản nghiệp của cha mẹ nữa!

Câu hỏi 5: Nếu "nhân nào quả nấy", tại sao có người cả đời hiền từ mà lại gặp lắm tai nạn khổ sở, trái lại người hung ác sao vẫn được an lành và nhiều may mắn?

Thường thường, chúng ta thấy gieo nhân nào thì gặt quả nấy, một cách nhân tiền. Thí dụ như: sinh sự thì sự sinh, gieo gió thì gặt bão, ở hiền thì gặp lành, làm thiện thì hưởng phúc. Gieo hạt cam ngọt thì gặt quả cam ngọt, gieo hạt chanh chua thì gặt quả chanh chua.

Tuy nhiên, cũng có nhiều người thắc mắc: Tại sao có người ăn hiền ở lành, tu tâm dưỡng tính, thường xuyên đi chùa, hay đi nhà thờ, không làm việc gì bất nhân thất đức, nhưng cứ bị nạn, bệnh hoạn liên miên, họa

vô đơn chí, xui xẻo dồn dập? Trái lại, có rất nhiều người, điêu ngoa hung tợn, lừa thầy phản bạn, làm đủ mọi chuyện tồi tệ, ném đá giấu tay, không chừa bất cứ thủ đoạn, phương tiện gian manh nào, nhằm đoạt cho bằng được mục đích vị kỷ của họ, tại sao họ vẫn cứ nhờn như phây phây, bình yên vô sự, ăn nên làm ra, gặp nhiều may mắn, tậu nhà sắm xe?

Luật nhân quả giải thích được các việc đó trong ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Có những nguyên nhân được tạo ra trong quá khứ, kết quả hay hậu quả nhận được trong hiện tại. Có những nguyên nhân được tạo ra trong hiện tại, kết quả hay hậu quả nhận được trong vị lai.

Người hiền lành đang gieo nhân lành trong hiện tại, kết quả tốt chưa kịp đến thì hiện nay phải đền trả quả báo xấu do nghiệp nhân xấu đã gây tạo trong quá khứ. Khi quả báo xấu hết rồi, vận xui qua rồi, con người bắt đầu gặp may mắn, gặp vận hên, gặp số đỏ, gặp quý nhân, ăn nên làm ra, tiền vô như nước, vạn sự hanh thông. Do đó, sách có câu: "Hết cơn bỉ cực tới hồi thới lai", chính nghĩa như vậy.

Những người hiền đời đang gieo nhân ác, tạo tội tạo nghiệp, hậu quả xấu chưa kịp trở, nhưng hiện tại đang thụ hưởng phúc báo lành do nghiệp nhân tốt đã gieo trong quá khứ. Khi hưởng hết phúc báo rồi, con người bắt đầu đền trả nghiệp báo, tai nạn triền miên, tán gia bại sản, lâm bệnh ngặt nghèo, hay chết thê thảm. Các vị quốc vương, hay tổng thống bị đảo chính và ám sát, các

tay tài phiệt bị phá sản phải tự tử, các hoàng gia, công nương, công tử bị bắt đày kỳ tử trên xa lộ, dưới biển sâu, hay trên núi tuyết, cho thấy rằng luật nhân quả không chừa bất cứ ai, không có ngoại lệ, không hề sai chạy!

Trong Kinh A Hàm, Đức Phật có dạy:

Dục tri tiền thế nhân, đương kim thọ giả thị.
Yếu tri lai thế quả, kim sinh tác giả thị.

Nghĩa là:

Muốn biết kiếp trước mình đã gieo nhân gì,
hãy nhìn việc mình thọ nhận hiện tại.
Muốn biết kiếp sau mình sẽ nhận quả nào,
hãy nhìn việc mình đang làm hiện tại.

Nếu hôm nay mình dốt nát nghèo nàn khôn khéo, gặp tai nạn liên miên, thậm chí chết người, thì đó là quả của cái nhân tạo ác nghiệp và không biết làm việc phúc thiện trước đây. Nếu hôm nay mình thông minh, đủ ăn đủ mặc, thì đó là quả của cái nhân tu tâm dưỡng tánh, tích phúc tích đức trước đây, nhiều đời và đời này. Hôm nay mình được bình an là quả của cái nhân mình không tạo sự bất an cho kẻ khác, dù đó là kẻ thù. Hôm nay mình được hạnh phúc là quả của cái nhân mình không phá hoại hạnh phúc kẻ khác, dù đó là kẻ thù.

Tùy theo "cái nhân" là hạt giống loại nào, sau khi được gieo xuống đất, phải chờ đủ "thời tiết nhân duyên", mới gặt hái "cái quả" của nó, có khi sớm, cũng có khi muộn. Cũng có khi gặt phải quả chanh chua, nhưng có thể đem bán đi, mua quả cam ngọt. Đó là trường hợp

chúng ta đã "lỡ" gieo nhân xấu, nhưng nhờ thiện hữu tri thức nhắc nhở, chúng ta biết phục thiện, quay trở về chính đạo, chuyển ba nghiệp xấu ác thành ba nghiệp thiện lành, làm nhiều việc phúc đức, tu tâm dưỡng tánh, chúng ta có thể gặt "quả tốt", hay ít ra cũng giảm bớt được "quả xấu".

Tức là chuyện khó hóa dễ, chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không. Cũng ví như gieo nhân biết tiết kiệm, con người có thể gặt quả giàu có, hay giảm bớt được nợ xưa đó vậy.

Câu hỏi 6: Nếu "nhân nào quả nấy" thì chùa làm lễ cầu an, cầu siêu có đúng với luật nhân quả không?

Ngoài các tính chất triết học, tín ngưỡng, giáo dục, đạo đức, luân lý, tâm lý, duy thức, Phật giáo cũng là một nền giáo dục cho chúng sinh. Cho nên Phật giáo cũng có những phương thức, nghi thức, nghi lễ, phương tiện để truyền bá chính pháp một cách rộng rãi trong mọi tầng lớp dân gian.

Dân chúng đông đảo có nhiều căn cơ trình độ khác nhau. Chư Tổ sư nhận biết điều đó, nên đặt ra rất nhiều nghi thức, nghi lễ, như là: cầu an, cầu siêu, sám hối, thích hợp với từng hoàn cảnh, từng trường hợp của mọi người trong dân chúng. Chẳng hạn như là: trong gia đình có một người lâm trọng bệnh, ngoài việc cố gắng chữa trị theo y học đông hay tây, thân nhân cần có thêm niềm tin vững mạnh, để giúp đỡ người bệnh lên tinh thần, bệnh tình chóng khỏi. Thân nhân bèn đến chùa mong được quý sư làm lễ cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ cho

người bệnh chóng bình phục, tai qua nạn khỏi. Do đó nhà chùa có lễ cầu an để giúp đỡ dân chúng về mặt tín ngưỡng, trong hoàn cảnh mọi người đang bối rối, để được an tâm phần nào trong lúc điều trị cơn bệnh.

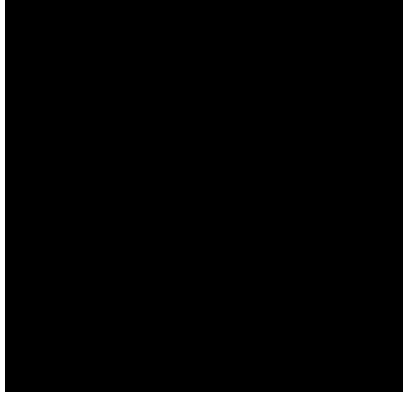
Nếu chẳng may, trong gia quyến có người qua đời, thân nhân xót thương đau khổ, tìm đến chùa để mong được quý sư làm lễ cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ cho người mất phần được vãng sinh về cõi an lành, về cõi tịnh độ. Do đó nhà chùa có lễ cầu siêu để giúp đỡ dân chúng về mặt tín ngưỡng, trong hoàn cảnh mọi người đang bối rối, để được an tâm phần nào trong lúc lo lắng hậu sự cho thân nhân của mình. Nhân các cơ hội đó, quý sư đem chính pháp giảng giải cho dân chúng được thấu rõ về lý nhân quả, về sự vô thường trên thế gian, nâng cao trình độ hiểu biết chính pháp cho những người hữu duyên. Nhờ nhân lành này, dân chúng được khai ngộ, có được chính kiến, đó là cái thấy biết như thật, trở về qui y Tam Bảo, phát nguyện tu tâm dưỡng tánh, hưởng được quả lành sau đó, được an lạc và hạnh phúc, được giác ngộ và giải thoát, nhờ công phu tu tập của chính bản thân.

Tuy nhiên, nhiều khi có những người ngoại đạo, ngoại đạo nghĩa là: ngoài tâm cầu đạo, khoác màu áo của tu sĩ Phật giáo, nhưng không có Phật Pháp, chuyên làm nghề thợ tưng, lợi dụng kinh kệ, lợi dụng lòng mê tín, lợi dụng sự đau khổ trong hoàn cảnh bối rối của người khác, để kiếm lợi dưỡng mưu sinh, như vậy chẳng ích lợi gì cho chính pháp, chẳng ích lợi gì cho dân chúng. Tệ nạn này thực đáng nên bài trừ!

Tóm lại, các buổi lễ cầu an, cầu siêu trong chùa hoàn toàn đúng với chính pháp, áp dụng luật nhân quả một cách khéo léo, đã được chư vị Tổ sư từ bi đặt ra để hướng dẫn dân chúng bước vào ngưỡng cửa từ bi của nhà Phật, trong khi và sau khi gặp hoàn cảnh khổ đau trong đời sống hằng ngày, nhằm truyền bá rộng rãi chính pháp vào trong dân gian, đem lại sự bình an trong tâm hồn của mọi người đang sống trên thế gian đầy dẫy sự bất trắc này.

Câu hỏi 7: Luật nhân quả và thuyết định mệnh giống nhau hay có gì khác biệt?

Thuyết định mệnh chủ trương con người có một linh hồn cố định và một số mệnh, hay số mạng, đã được định sẵn, đã được an bài, đã được quyết định, đã được xếp đặt, do một đấng tối cao, gọi là thượng đế hay tạo hóa hay bất cứ tên gọi gì khác, và con người phải chịu chấp nhận cái định mệnh, định mệnh sắp sẵn này, không phương né tránh, không có cách gì thay đổi, tất cả mọi cố gắng hay nỗ lực của con người đều vô ích, vô dụng! Nếu thuyết định mệnh là đúng sự thực thì con người trở thành tiêu cực, thụ động, yếu hèn, yên phận, yếm thế, vô trách nhiệm, việc làm nào, thiện cũng như bất thiện, cũng cho là do ý muốn của thượng đế, và lắm khi trở nên hung dữ, bạo tàn, bất nhân, để chống lại định mệnh đen tối, bất công, do tạo hóa áp đặt, an bài, định sẵn, do đó con người tạo tội tạo nghiệp, và làm cho bản thân và xã hội thêm đau khổ.



Đạo Phật dạy rằng: chúng sinh chỉ có "tâm thức" luôn luôn thay đổi, mang theo "nghiệp báo" từ nhiều kiếp trước. Do dòng nghiệp lực chi phối, dẫn dắt, trói buộc, lôi cuốn, tâm thức luân hồi sinh ra trên nhân gian này làm con người. Nhưng do nghiệp báo khác nhau, cho nên hình tướng mỗi người khác nhau: đẹp xấu, mạnh yếu, nam nữ, khôn ngu, lớn nhỏ, giàu nghèo, sang hèn, thậm chí anh chị em trong gia đình cũng khác nhau. Nếu có ý chí mạnh mẽ, thấu rõ luật nhân quả, thấu hiểu được chân lý, con người có thể vượt thoát được dòng nghiệp lực này, chuyên hóa được nghiệp báo này. Trong kinh sách gọi đó là: giác ngộ và giải thoát.

Chẳng hạn như là: con người thường bị tam nghiệp thân khẩu ý sai khiến, lôi cuốn cho nên gây ra không biết bao nhiêu là sự đau khổ trên thế gian này cho chính mình và cho những người chung quanh. Con người do lòng tham lam đi cướp của giết người, sang đoạt tài sản, giết

hui quit nợ, lập mưu toán tính kế gian, thừa gửi kiện tụng người khác để đòi tiền bồi thường bạc triệu. Con người do lòng sân hận đi trả thù kẻ hãm hại mình bằng các thủ đoạn tàn nhẫn hơn, chửi mắng rửa xả người khác bằng những lời nói cay độc hơn. Con người do lòng si mê đi tạo tội tạo nghiệp, gây thù chuốc oán, tạo ra biết bao điều đau khổ cho người khác.

Nếu con người hiểu rõ, tin sâu luật nhân quả, cộng thêm ý chí giác ngộ mạnh mẽ, con người có thể dừng nghiệp và chuyển nghiệp, tức là con người có thể chấm dứt dòng nghiệp lực, chuyển đổi số mệnh, chuyển hóa cuộc đời khổ đau của mình, tu tập các nghiệp lành, tức nhiên sẽ gặt các quả báo lành. Do nghiệp lực quá khứ, con người sinh ra trên cõi đời này là không thay đổi được, gọi là định nghiệp, chỉ có điểm này giống với thuyết định mệnh mà thôi. Nhưng sau khi sinh ra trên cõi đời này, mọi sự việc xảy ra đều tương ứng với nhân duyên từ trước, đó là nghiệp báo, chứ không phải là số mệnh định sẵn hay định mệnh.

Luật nhân quả, nhân duyên, hay thuyết nghiệp báo, thúc đẩy con người luôn luôn sống trong đạo đức, nâng cao giá trị, nhân phẩm của con người, tránh mọi điều ác, làm mọi điều lành, giữ tâm ý trong sạch, nếu được hiểu sâu rộng, tường tận và đem thực hành, áp dụng vào đời sống hằng ngày, chắc chắn sẽ đem lại bao nhiêu điều tốt đẹp cho bản thân, cho gia đình và xã hội. Trong sách có câu: "Đức năng thắng số", nghĩa là: công đức và phúc đức do nghiệp nhân lành, có khả năng thắng, có khả năng chuyển đổi số phận hay vận mệnh của con người, tức là

chuyên đời nghiệp báo vậy. Vận mệnh của con người bao gồm bốn yếu tố: thiên mệnh, thời mệnh, địa mệnh và nhân mệnh.

Trong kinh sách, có ghi trường hợp của Angulimala, vốn là một tên cướp tàn bạo ở vương quốc Kosala, nhưng sau khi gặp Phật, được nghe thuyết pháp và thành tâm ăn năn hối lỗi, cải tà qui chính, tu hành không bao lâu chứng được thánh quả. Nhiều người sinh ra với nghiệp báo thân thể yếu đuối, trí tuệ kém cỏi, nhưng với ý chí mạnh mẽ, rèn luyện thân thể và chăm chú học hành cũng có cơ hội trở thành lực sĩ, trở nên các nhà bác học, các bậc triết gia.

Quá khứ đã qua rồi, không thể thay đổi được, tương lai thì chưa đến, không nên quá lo lắng, con người hãy sống trong hiện tại tỉnh giác, nhận chân thiện ác, giữ gìn chính niệm, hành động lành, lời nói lành, ý nghĩ lành, đó chính là nghiệp nhân lành, nhất định nghiệp quả lành chắc chắn sẽ đến với con người ngay trong đời này và luôn cả đời sau.

Trong kinh sách, Đức Phật dạy: "Mỗi người tùy theo nghiệp của mình tạo ra, mà có được thân phận hạnh phúc hay bất hạnh".

Thôi miên tìm về kiếp trước. Khi tìm về kí ức của mình, người phụ nữ xinh đẹp có nước da trắng ngần ấy luôn đem lại những sững sốt, những bất ngờ kỳ bí cho các nhà khoa học.

Cô không tìm về những kỷ niệm đã vùi sâu và quá khứ cũng không tìm về những tháng ngày tuổi thơ như những người khác, ngược lại cô tìm về... tiền kiếp của chính bản thân mình.

Người tìm về tiền kiếp trong những năm 1950 nhà thôi miên Morey Bernstein của xứ Pueblo, Colorado từng làm việc với một khách hàng đặc biệt nhất của mình, một người phụ nữ tên Virginia Tighe 29 tuổi. Suốt trong một buổi tiếp xúc, cô gái nói với chất giọng và những kí ức của một người phụ nữ Ai-len thế kỷ XIX có tên Bridey Murphy sống cách cô hàng trăm năm trước. Trong lần đầu tiên tiếp xúc, Bernstein cố thử giúp Tighe nhớ lại tuổi thơ của mình và cũng hết sức vô tình yêu cầu cô tìm đến vài địa điểm khác nhau trong những thời gian khác nhau trong cuộc đời mình. Ý ông muốn cô nhớ đến những thời điểm khác nhau của cuộc đời, tuy nhiên thay vì làm theo yêu cầu của ông, Virginia Tighe dường như nhảy từ cuộc sống mình sang kiếp sống của người khác đã sống cách cô hàng thế kỷ trước. Trong giọng điệu của một người phụ nữ Ai-len, cô nói với Bernstein rằng cô là Bridey Murphy, sinh năm 1798 và mất năm 1864 do những biến chứng từ cái hông bị gãy trước đó. Thế nhưng trên thực tế thì bản thân Virginia Tighe sinh năm 1923 tại Midwest. Cô chưa từng đến Ai-len bao giờ và cũng chưa bao giờ biết nói tiếng Ai-len thậm chí cả một

biểu hiện nhỏ nhất để người đời có thể tin cô biết tiếng Ai-len cũng không hề có.

Trong buổi thối miên đó và những buổi tiếp theo, cô cũng cung cấp cho Bernstein những số liệu chi tiết về gia đình cô gái tên Bridey Murphy bao gồm cả tính tình và sở thích. Ví như, cô cho biết tên của một nhà thờ Thiên Chúa Giáo ở Belfast trên đất Ai -len. Chính cô và Sean Brian Joseph McCarthy làm lễ cưới tại đây năm 1818. Cô còn cho biết hết sức chi tiết những địa điểm mà cô từng mua thực phẩm, vật dụng cho gia đình. Thậm chí, Virginia Tighe lúc này đang trong vai trò của Bridey Murphy còn kể cùng Bernstein về khoảng thời gian khi linh hồn chưa về cõi âm, khi tinh thần đang đợi chờ một sự hiện hữu mới trong một kiếp sống khác. Suốt thời điểm đó, cô nói, cô có thể du ngoạn khắp nơi chỉ với một chút suy nghĩ.

Cô kể về cuộc đời của mình bắt đầu từ năm 1806, khi Bridey lên tám tuổi. Khi ấy cô sống trong một căn nhà ở Cork. Cô là con gái của vị luật sư Duncan Murphy và vợ ông bà Kathleen. ở tuổi 17, cô kết hôn với luật sư Sean Brian McCarthy và chuyển đến sống tại Belfast. Bridey cho biết cô chết sau một vụ té ngã và chính cô cũng đến và tận mắt xem lễ tang của chính mình. Cô mô tả một cách chi tiết bia mộ và nơi cô sẽ sống sau khi về thế giới bên kia. Diễn tả về cái chết và giây phút tự chứng kiến lễ tang cho mình cô nhớ lại: "Đó là một cảm giác không đau đớn, cũng không hạnh phúc".

Xâu chuỗi những sự kiện mà Tighe kể, dù muốn dù không cách giải thích cho rằng cô chính là kiếp sau của Bridey Murphy và bằng cách nào đó, cô được đầu

thai và sinh ra trên đất Mỹ, mặc dù rõ ràng Bridey không biết đến quá trình luân hồi diễn ra như thế nào, có phần thuyết phục.

Đi tìm sự thật

Mỗi lần tiến hành thôi miên, Bernstein đều ghi âm lại. Năm 1956 ông cho xuất bản cuốn sách *The Search for Bridey Murphy* (tạm dịch Cuộc tìm kiếm vì Bridey Murphy) dựa trên những tư liệu ông ghi lại từ công việc của mình. Những người hoài nghi bắt đầu chú ý đến những lỗ hổng trong câu chuyện của Tighe. Rất nhiều nơi mà cô mô tả, bao gồm cả những miêu tả chi tiết nơi mà Murphy mua thực phẩm đều chính xác, nhưng một vài chi tiết khác thì không. Chuyện về việc cô sử dụng ngôn ngữ Ai-len trong những năm thuộc thế kỷ XIX cũng tương tự; một vài từ ngữ cô sử dụng rất phù hợp với vốn từ dành cho những người phụ nữ Ai-len vào thế kỷ XIX, tuy nhiên một số từ khác lại là những từ thuộc về ngôn ngữ Hoa Kỳ vào thế kỷ XVIII. Thêm vào đó việc có hay không một người con gái tên là Bridey Murphy từng sống trên đời vào những năm 1800 cũng là một bí ẩn. Việc kiểm tìm từ những nhà rửa tội của nhà thờ và một số tài liệu liên quan khác đều không có kết quả.

Tuy nhiên, các sử gia nhấn mạnh rằng vì sự thiếu thận trọng và việc cất giữ hồ sơ nghèo nàn, thiếu thôn tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau, làm cho các nhà sử học không thể tìm kiếm và dựng lên một hồ sơ đầy đủ cũng như không thể giúp các nhà nghiên cứu đi đến kết luận cuối cùng.

Xung quanh các cuộc tranh cãi về việc theo dõi những bằng chứng về việc Bridey Murphy thực sự có phải là một con người bằng xương bằng thịt và đã sống vào thời điểm mà Tighe đã kể hay không, một tờ báo của Chicago, tờ Illinois đã cho đăng một chuỗi các bài báo với nội dung khẳng định những lời Tighe kể về một cuộc sống trong quá khứ khi bị thôi miên chỉ là những hiểu biết và ấn tượng của cô về một người có tên Bridie Corkell, người đã sinh ra và lớn lên tại đất nước Ai-len những năm của thế kỷ XIX. Tờ báo khẳng định thêm về sau người này có chuyển đến sống tại Chicago. Tighe cũng lớn lên tại Chicago. Và theo nhận định của tờ Illinois, gia đình cô có quen biết Corkell. Do đó phía cơ quan ngôn luận của tờ Illinois cho rằng khi bị thôi miên cô thực sự cũng đã tìm về quá khứ bị vùi sâu vào ký ức trong một thời gian rất dài. Nhưng cái quá khứ mà theo như Illinois khẳng định vẫn tồn tại trong tiềm thức của cô kia chính là những ấn tượng về nhân vật có tên Corkell trên chứ không hề là một Bridey Murphy người Ai-len nào cả. Tuy nhiên những người quan tâm không chấp nhận quan điểm trên. Sau những tìm tòi, tra cứu, lập tức uy tín của tờ Illionis vướng vào câu hỏi lớn khó giải thích khi người ta phát hiện ra rằng; thực tế thì Corkell chưa bao giờ sống trong gia đình Tighe.

Tuy nhiên, phải công nhận rằng có những lỗ hổng nhất định trong chuyện kể của Tighe về kiếp trước của mình dưới tác động của thuật thôi miên. Thế nhưng nó vẫn đánh dấu một chuỗi các chi tiết rất thật về cuộc sống vào thế kỷ XIX trên đất Ai-len. Những thông tin ấy không giống như một câu chuyện hão huyền được Tighe

dựng lên để thu hút dư luận hay tự đánh bóng tên tuổi của mình. Trường hợp bí ẩn không thể giải thích của Virginia Tighe được các nhà phân tâm học, tâm lý học, sử học nghiên cứu thông qua việc sử dụng thuật thôi miên trong nhiều năm. Rất nhiều đối tượng được dẫn sâu vào giấc ngủ thôi miên bằng cách phép thôi miên sau những cử chỉ mềm mỏng và những lời nói dịu nhẹ. Người bị thôi miên sau đó sẽ tìm kiếm câu trả lời phù hợp trong tiềm thức mà họ tin rằng nhà thôi miên đang mong mỏi được nghe. Thôi miên như vậy thực chất là một quá trình giải phóng một lượng thông tin lớn một cách chi tiết với một công suất đáng kinh ngạc từ vùng lưu trữ trong não bộ. Có những đối tượng thậm chí có thể đọc ra nguyên văn những trích dẫn đã vùi sâu vào ký ức trong những trang sách của tuổi thơ. Tuy nhiên những đối tượng dưới tác động của thuật thôi miên cũng không hẳn là trả lời chân thật một cách tự nhiên ngay cả khi họ cố gắng tìm trong tiềm thức để đưa ra câu trả lời thỏa đáng nhất. Bernstein thừa nhận rằng khi cô đang trong tình trạng bị ông thôi miên, ông không hề lệnh cho cô trả những gì ông mong muốn. Nói khác hơn khi đi sâu vào trạng thái bị thôi miên, Tighe tự động sống trong thân phận của Bridey Murphy và tự động kể về cuộc sống của mình.

Bí ẩn vẫn thách thức thời gian và trí tuệ nhân loại

Các nhà chuyên môn, các nhà nghiên cứu trường hợp của Virginia Tighe sau những phương pháp thí nghiệm, nghiên cứu mà vẫn chưa tìm được giải đáp có thể chấp nhận đi đến kết luận: Cách tốt nhất đi đến sự thật là sẽ không kiểm tra những gì cô kể về quá khứ của

mình tại đất nước Ai-len nữa mà sẽ xoáy sâu vào tuổi thơ của cô và mối quan hệ của cô với cha mẹ. Sách của Morey Bernstein cho rằng Virginia Tighe được người chú mang dòng máu Na Uy và cô vợ có dòng máu lai Đức -Scotland-Ailen nuôi nấng. Tuy nhiên sách cũng khẳng định cả cha lẫn mẹ cô không hề chảy trong mình một phần dòng máu của người Ai-len và cô chỉ sống với cha mẹ mình đến khi lên ba. Sách cũng không đề cập đến việc có một công dân Ai-len nhập cư nào có tên Bridie Murphy Corkell (1892-1957) sống trong tuổi thơ của cô khoảng thời gian cô sống tại Chicago thuộc tiểu bang Illinois.

Ngày nay, hầu hết các nhà khoa học tạm hài lòng với cách giải thích xem những gì mà Virginia Tighe kể lại dưới tác động của thôi miên như một kỷ niệm đã bị lãng quên từ thời thơ ấu. Tuy nhiên những quan điểm về trường hợp của cô vẫn chia làm hai hướng. Những người hoài nghi vẫn tiếp tục đấu tranh bảo vệ quan điểm rằng những miêu tả một cách chi tiết về cuộc sống Ai-len vào thế kỷ 19 không thuộc về Tighe và đơn giản rằng cô dựng lên một cách vô thức, một câu chuyện mà Bernstein và những người khác muốn tin. Ngược lại những người theo lý thuyết của nhà thôi miên Bernstein vẫn trung thành ủng hộ quan điểm cô thực sự đã sống trong cuộc sống như Murphy hay nói khác hơn cô chính là kiếp sau của Virginia Tighe sống trước cô hơn một thế kỷ.

Cho tới thời điểm này với những phương tiện khoa học hiện đại thế nhưng bí ẩn về trường hợp của Virginia Tighe vẫn là một trong những điều bí ẩn, thách thức cho

các nhà thôi miên nói riêng và những nhà khoa học thế giới nói chung.

Bí ẩn trí nhớ về kiếp trước

Một cô bé người Anh đã làm mọi người kinh ngạc vì bắt đầu nói bằng thứ ngôn ngữ khác lạ vào một buổi sáng sau khi thức giấc. Cô không còn hiểu được tiếng Anh, không nhận ra cha mẹ và luôn tỏ ra sợ sệt...

Các chuyên gia vào cuộc và xác định, cô bé hoàn toàn khỏe mạnh và thứ ngôn ngữ lạ mà cô sử dụng chính là tiếng Tây Ban Nha chuẩn. Bằng thứ tiếng này, cô cũng khẳng định mình là người Tây Ban Nha, rằng tại thành phố Toledo, trong một ngôi nhà trên đường phố, người hàng xóm vì ghen tị đã dùng dao đâm cô.

Cảnh sát Tây Ban Nha đã kiểm tra lại câu chuyện này; tất cả đều trùng hợp. Đúng là có một cô gái 22 tuổi từng sống ở Toledo, chính trong ngôi nhà và đường phố mà cô bé ở Anh đã nói đến. Một hôm, người ta tìm thấy cô bị giết chết. Cha mẹ cô đã già và tới nay vẫn còn than khóc vì thương nhớ con. Khi hỏi đến người hàng xóm nay cũng đã già, người này thú nhận tội ác của mình.

Báo chí thế giới đăng tải câu chuyện trên khiến nhiều người kinh ngạc. Nhưng các nhà khoa học thì không ngạc nhiên vì đối với họ, hiện tượng đó không phải là mới.

Vào những năm 1970, Elena Markard - cô gái Đức 20 tuổi ở Tây Berlin - bị thương nặng. Khi tỉnh lại, cô bắt đầu nói tiếng Italy rất chuẩn - thứ tiếng mà trước đó một

chữ căn đôi cô cũng không hề biết. Cô khẳng định tên mình là Rozetta Liani, sinh ở Italy năm 1887 và đã... chết ở đó năm 1917. Khi được đưa tới địa chỉ "quê cũ" tại Italy, Elena gặp một bà già, vốn là con gái của người phụ nữ có tên Rozetta đã quá cố. Không do dự, cô gái 20 tuổi Elena chỉ vào bà già và nói: "Đây là con gái tôi - Fransa".

Tạp chí *Tiếng vọng hành tinh* của Nga cũng đã có lần kể về cậu bé Titu người Ấn Độ: Cậu bỗng nhiên nói rằng tên mình là Sures Varma, chủ một cửa hiệu ở Agra, có vợ là Uma và hai đứa con. Cha mẹ cậu hoảng sợ liền đi Agra tìm hiểu và được biết: Đúng là có một thương gia tên Varma từng sống ở đó và đã chết vì bị bắn vào đầu. Khi gặp góa phụ và hai đứa con, Titu nhận ra cả ba người. Một điều thú vị là trên đầu Titu có dấu vết bầm sinh đúng vào chỗ vết thương của ông Varma trước đây.

Trong lịch sử từng có hàng nghìn trường hợp quay trở về cuộc sống dĩ vãng. Một lý thuyết được gọi là "trí nhớ gene" đã được đề xướng để giải thích các hiện tượng này. Theo nhà nghiên cứu Hidtoring Tan, trí nhớ gene là trí nhớ đã được di truyền từ các thế hệ trước. Ngay từ khi con người mới sinh ra, trong bộ não đã tồn tại vùng lưu giữ ký ức của mọi việc từng xảy ra từ đời bố mẹ, ông bà, cụ kỵ... Trí nhớ gene được lưu trong những phân tử protein của tế bào não. Khi có một năng lực nào đó làm khởi động các phân tử ấy thì ký ức về đời trước sẽ được phục hồi, con người bỗng nhiên nhớ lại những gì từng xảy ra với tổ tiên xa xôi, y như là đã xảy ra với chính mình.

Các nhà nghiên cứu sinh linh lại cho rằng hiện tượng này là do "phách" của một người đã chết nào đó nhập vào một người sống. Phách là cái nằm bên trong thể xác, thể xác có thể chết đi nhưng phách thì không bao giờ bị tiêu tan, nó tồn tại mãi từ kiếp này sang kiếp khác theo vòng luân hồi. Nếu người đang sống mà yếu về năng lực tinh thần và thể xác thì sẽ bị phách mới nhập không chế, điều trước tiên là kích động việc nhớ lại cuộc đời của người đã chết. Lý thuyết này được khá nhiều người ủng hộ vì trong một số trường hợp, người quay trở về kiếp trước được xác định là hoàn toàn không có quan hệ họ hàng gì với người mà họ đã hóa thân.

Ai là người sở hữu trí nhớ gene ?

Liệu có phải ngay từ khi sinh ra, mỗi người đều tích trữ trong bộ não mình dữ liệu về những đời trước? Các nhà khoa học nhận thấy rằng cả cuộc đời một con người, dù có sống đến 100 tuổi thì cũng mới chỉ tiêu thụ có 1/10 năng lực của bộ não. Có thể 9 phần còn lại đã tích chứa những ký ức, hình ảnh, sự kiện của nhiều đời nhiều kiếp khác nữa mà trí nhớ gene là cái khóa cần được mở mới biết được.

Theo ông Edgar Cayce, người được coi là có khả năng khơi dậy những hình ảnh trong tiền kiếp của người khác: Đôi khi những hình ảnh trong trí nhớ gene được hiện ra qua những tác nhân như giấc mộng khi đang ngủ, một hình ảnh nào đó khi đang thức, hay mạnh mẽ hơn và rõ ràng hơn khi được kích động bằng phương pháp thôi miên.

Các nhà khoa học thuộc Đại học Delhi (Ấn Độ) và Đại học Virginia (Mỹ) đã đưa ra một thống kê cho thấy, trẻ nhỏ có khả năng phát lộ trí nhớ gene mạnh hơn người lớn. Chúng thường sống lại "quá khứ xa xăm" của mình mà ngay bản thân và bố mẹ không hề biết. Chẳng hạn, nhiều đứa trẻ có những thái độ, cử chỉ, lời nói hay sự lo lắng rất đặc biệt, sự kiện này được xác định là có liên quan đến một người ở tiền kiếp. Nếu người ấy đã chết vì tai nạn sông nước hay những gì liên quan đến nước thì đứa trẻ này rất sợ nước. Nếu người ấy bị bắn chết thì đứa trẻ rất sợ tiếng nổ, hay trông thấy súng là hoảng sợ...

Theo sự phân tích tỉ mỉ của bác sĩ Stevenson trong nhóm nghiên cứu, có nhiều bé gái nhớ lại tiền kiếp của mình là trai và ngược lại, nhiều bé trai nhớ lại tiền kiếp của mình là gái. Chính vì thế mà chúng có sở thích ăn mặc cũng như cử chỉ, dáng điệu phù hợp với giới tính của mình trước đó, tuy ngược hẳn với giới tính hiện tại.

Theo nhà siêu tâm lý Banglopp, những người bị chết bất đắc kỳ tử thường nhớ rõ về thời gian và những gì đã xảy ra ở kiếp trước khi họ bước vào một cuộc đời mới. Có lẽ cái chết bất ngờ của tiền kiếp, chết không theo đúng quy luật của tự nhiên (sinh, lão, bệnh, tử) đã khiến linh hồn thoát khỏi thể xác một cách bất ngờ, khi vào thân xác mới vẫn giữ được sự liên quan mật thiết với những gì của thời quá vãng.

Còn một hiện tượng khác ít gây chú ý cho công chúng nhưng lại khiến các nhà nghiên cứu quan tâm, đó là thân đồng. Nó củng cố giả thuyết về "cuộc sống kiếp

trước”. Có những thi sĩ, nhạc sĩ mới 10 tuổi, những sinh viên ở tuổi thiếu niên... Làm sao họ có ngay được nguồn vốn kiến thức và trí tuệ phức tạp đến như vậy? Câu trả lời của một số nhà khoa học là: Phần "phách" của nhiều thần đồng từng là của các nhạc sĩ, thi sĩ... Vào một thể xác mới, phần "phách" ấy nhớ lại niềm say mê cũ và làm cho thể xác mới có được những kỹ năng, kiến thức đã tích lũy từ kiếp trước.

Cho đến nay, các hiện tượng trên vẫn đang là câu hỏi lớn đối với giới khoa học. Sự nhớ lại kia là trí nhớ gene hay là sự "chuyển chỗ" của phách? Có giả thiết cho rằng, ký ức kiếp trước là một tập hợp thông tin được lưu giữ theo cách nào đó trong vũ trụ mà chỉ một số người có khả năng thu nhận.

2. Người chết đầu thai

Trưởng phòng Tôn giáo (Sở Nội vụ tỉnh Hoà Bình), ông Nguyễn Trường Sơn cũng xác nhận: “Những trường hợp người dân gọi là “đầu thai” ở huyện Mai Châu là có thật...”

"Mẹ ơi. Con đây”.

Chuyện lạ xảy ra khi cô bé Hà Thị Mai Anh mới 4 tuổi khi đang đi cùng cha mẹ đẻ của mình bỗng nằng nặc đòi theo "mẹ" là một phụ nữ lạ tình cờ gặp mặt. Thấy chuyện lạ, mọi người xúm vào hỏi han thì cháu bé khóc ròn, đọc vanh vách họ tên, địa chỉ, thậm chí miêu tả chính xác đến từng đồ đạc trong ngôi nhà của người phụ

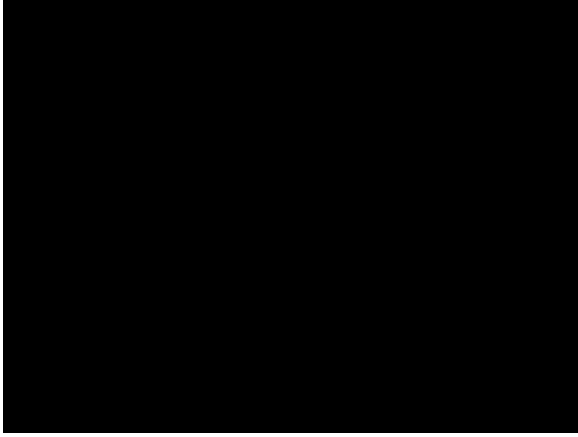
nữ lạ mà mình từ khi sinh ra chưa một lần tới. Chiều hôm ấy, từ đầu đến cuối bản lại xôn xao "Lại có người Trời đầu thai rồi".

Đó chỉ là một trong những trường hợp người địa phương gọi là "đầu thai" tại bản Chiềng Châu (xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, Hòa Bình) diễn ra từ hàng chục năm nay. Những đứa trẻ khi sinh ra hoàn toàn bình thường, đến khi 3 - 4 tuổi lại nhận mình là... con của những gia đình khác xa đến cả chục cây số, dù trước đó hai bên gia đình không có bất cứ mối quan hệ nào.

"Kiếp trước cháu là con trai"

Hà Thị Mai Anh (SN 1995, hiện đang học lớp 9, trường phổ thông cơ sở thị trấn Mai Châu), con gái duy nhất của anh Hà Văn Bái và chị Hà Thị Tý là một trường hợp như thế. Anh Bái cho biết, vợ chồng anh lấy nhau từ năm 1990 nhưng hiếm muộn, mãi 5 năm sau mới sinh được Mai Anh. Từ lúc mới sinh cho tới khi cháu 4 tuổi, mọi biểu hiện cũng bình thường như những đứa trẻ khác và vì chỉ có một mình con nên đi đâu vợ chồng cũng cho con đi cùng.

Trong một lần đi dự đám cưới một người quen tại bản Nhót (xã Nà Mèo là xã kế bên), vợ chồng anh bận giúp chủ nhà làm cỗ nên gửi cháu cho mọi người trông giúp. Khi công việc đã xong, anh quay ra tìm thì thấy cô con gái của anh đang lẳng nhẳng theo một phụ nữ tầm tuổi vợ anh khóc mếu "Mẹ ơi".



Anh Khà Văn Ôn trước di ảnh con "đầu thai".

Lạ lùng ở điểm nhìn thấy cha mẹ đẻ thì cô bé cứ "bơ" đi mà bám chặt lấy người phụ nữ lạ mặt liên tục gọi "mẹ". "Lúc đầu vợ chồng tôi nghĩ chắc con mình tưởng nhầm. Thấy lạ, mọi người trong đám cưới xúm vào hỏi thử: "Vây bố mẹ cháu tên là gì, nhà ở đâu?". Chúng tôi chết điếng người khi rõ ràng mình đẻ ra nó mà nó không nhắc đến, lại nhận là con của ông bà Lường Văn Tuấn - Hà Thị Ân lạ hoắc nào đó. Nó còn nói "Cháu có anh trai tên Lường Văn Tú còn cháu tên là Lường Văn Hải nhà ở bản Nhót, trước nhà có cây muồng to, nhà được làm bằng đất 2 tầng (ý nói nhà sàn - PV)". Đến lúc này mọi người trong đám cưới mới ồ lên kinh ngạc", anh Bái thuật lại.

Nghĩ con mình bị... dở hơi nhưng anh vẫn phải chiều theo ý con, đưa cháu theo người phụ nữ lạ về nhà thì càng ngạc nhiên hơn khi mọi điều cháu nói đều chính xác. Ông bà, cô bác tới chơi cháu đều gọi tên chính xác từng người, cháu còn nhận ra quần áo, nơi "con là

Lường Văn Hải thường ngữ”. Cả làng xôn xao: "Đúng là nhà này trước đây 4 năm có đứa con trai tên Lường Văn Hải đã mất, đúng vào dịp sinh con bé này”.

Lòng dạ của anh Bái rồi bời, đợi đến gần tối thì con gái anh mới chịu về nhà. Trên đường đạp xe trở về, vừa sợ chuyện lạ kỳ vừa sợ mất con, anh ngã dúi dụi mấy lần. Người mẹ đẻ của cháu gái lúc về đến nhà ngồi trấn tĩnh lại mới nhớ lại đúng là có lần chị đi qua bản Nhót mua hàng và đó cũng chính là thời điểm chị có mang cháu.

Mấy hôm sau, bé gái liên tục bị ốm sốt cao, chẳng chịu ăn uống, miệng luôn đòi về "nhà ở kiếp trước”. Cuối cùng anh chị cũng phải chở cháu về nơi cháu đòi và vừa đến "nhà kiếp trước”, dù vừa ốm lặn lóc nhưng nay đã không còn biểu hiện gì của ốm sốt nữa, sắc mặt tươi tỉnh hẳn lên.

Anh Bái trầm ngâm: "Tôi phải mổ lợn làm 10 mâm cỗ để xin vía cháu về dưới này, tôi cũng chỉ có duy nhất mình cháu là con. Từ đó hai gia đình từ chỗ không quen biết nay trở thành thân thiết như hai anh em. Con bé khi nào thấy nhớ "bố mẹ” trên ấy là lại lên với bố mẹ, với anh, chán thì lại về đây. Những dịp lễ Tết, nghỉ hè có khi nó lên ở cả tuần, nếu lâu không lên là lại lặn ra ốm”.

Khách lạ lẫm lét, len lén nhìn mặt cô bé "người Trời đầu thai” Mai Anh thì cô bé chột khanh khách cười khiến khách đến chơi giật thót mình: "Kiếp trước cháu là

con trai đây. Cháu có tới hai bố, hai mẹ và một anh trai, mọi người đều yêu thương cháu”.

Bỗng dung con mình thành... con người khác

Trường hợp "người Trời đầu thai" trong nhà anh Hà Văn Tuất và chị Hà Thị Tuồn thì xảy ra cách đây đã hơn 20 năm. Anh chị năm nay đã ngoài 40 tuổi, có cậu con duy nhất là Hà Văn Dục (21 tuổi) hiện đang theo bố làm nghề dựng nhà sàn. Mọi người cho biết chàng trai này cũng là "con truyền kiếp”.

Mẹ đẻ của Dục cho biết vợ chồng chị lấy nhau từ năm 1990, một năm sau đó thì sinh con trai. Năm lên 3 tuổi, đang chơi với các bạn ngoài sân, thấy một người thu mua sắn là anh trai của một người trong làng đi qua, Dục nói với các mọi người:

"Đây là bác của em đây”.

"Nghe bọn bạn nó nói lại nhưng vợ chồng tôi nghĩ là trẻ con nói nhảm nên cũng không để ý đến. Chuyện lạ xảy ra tới khi đi học mẫu giáo, mỗi lần bố mẹ đưa Dục đi học qua nhà một người tên Vì Văn Xiêm thì cậu bé đều nhắc đi nhắc lại: "Nhà của con đây này””.

Thấy con nói liên thiên, cha mẹ đẻ thậm chí còn khi phát con đến đờ mông nhưng sau đó, cậu bé bỗng lăn ra ốm và ngày ngày đều đòi bố mẹ đưa ra "nhà bố Xiêm”. Anh chị cũng đánh liều bế con đến nhà lạ và kỳ lạ thay, mọi bệnh tình của cậu bé đều biến mất. Cậu bé không chỉ

biết hết mọi người trong gia đình lạ mà còn nói rõ mình chết từ lúc mới được 5 tháng tuổi và bố mẹ chưa kịp đặt tên con.

Vợ chồng ông hàng xóm tên Xiêm cũng ngã ngửa người ngạc nhiên bởi những điều bí mật sâu kín đó chỉ có ông bà mới biết. Vậy là ông hàng xóm cũng làm lễ xin được nhận bé Dục làm con nuôi.

Cậu bé Dục nay đã thành người trưởng thành vẫn khẳng khẳng mình là người "đầu thai". Khi được hỏi: "Em có cảm giác gì khi nhận gia đình nhà lạ hươ hước làm bố mẹ, các em", cậu trả lời: "Em cũng chẳng biết vì sao nữa, nhưng khi gặp bố mẹ em ở "kiếp trước" thì em nhận ra một cảm giác gần gũi, thân thiết và sau đó em cứ nhớ dần dần từng là bố mẹ và các em mình.

Khi lớn một chút, nhiều lúc đi học các bạn cũng trêu chọc: "Không phải bố mẹ đẻ mà cứ nhận vợ như thế" nhưng em cũng chẳng ngại ngùng gì vì em biết đó là bố mẹ em. Những lần bố mẹ bên ấy đau ốm em cũng đều có linh cảm báo trước".

Bà mẹ "kiếp trước" của Dục cũng khẳng khẳng: "Nó chính là đứa con đầu của tôi đã chết. Vợ chồng tôi sinh cháu đầu năm 1982 được 5 tháng thì cháu bị bệnh vàng da, dù đã đi bệnh viện, nhờ nhiều thầy lang nhưng cháu không qua khỏi. Thật bất ngờ là cháu lại lộn vào làm con gia đình nhà hàng xóm. Với linh cảm của người mẹ, tôi nhận thấy Dục cũng giống như hai đứa con đẻ của tôi. Tuy nhiên, do hoàn cảnh của gia đình bên ấy

cũng rất neo người, cho nên gia đình tôi cũng chỉ nhận cháu làm con nuôi, khi nào nhà có công việc thì cháu mới tới”.

Con nhiều tuổi hơn... bố mẹ

Thế nhưng hàng chục năm qua, trường hợp "đầu thai" rùng rợn nhất mà mọi người thường nhắc đến là trường hợp xảy ra tại gia đình anh Khả Văn Ôn (bản Nà Sài). Biết chúng tôi muốn tìm hiểu về trường hợp bất thường trong gia đình, anh Ôn xúc động thấp nén nhang, thì thăm đến trước di ảnh cô con gái Khả Thị Dị Hiền (SN 2007) khấn con bằng tiếng dân tộc Thái. Trong di ảnh trước bàn thờ là một bé gái kháu khỉnh, được anh giới thiệu là "con đầu thai" của mình.

Anh Ôn nhắm tính, nếu con mình còn sống thì đến nay đã được khoảng 5 tuổi 1 tháng. "Khi mới sinh ra cháu hoàn toàn bình thường như những đứa trẻ khác trong bản. Là lúc lên 3 tuổi, ai hỏi "Cháu con nhà ai, ở đâu?" thì cháu lại chẳng nói tên vợ chồng tôi mà nói: "Tên bố là Lò Văn Chún, mẹ là Hà Thị Nguyên, anh chị là Lò Văn Ngọc, nhà ở xóm Vãng, trên thị trấn Mai Châu" (cách đó gần chục cây số). "Thực sự trước đó đến tôi cũng chẳng biết những người này là ai, chứ nói gì đến nhà người ta như thế nào", vẫn lời anh Ôn buồn rầu thuật lại.

Dù trước đó ở địa phương đã có những trường hợp "con đầu thai" nhưng anh chị vẫn không tin và chỉ nghĩ cháu còn nhỏ nên nói vu vơ. Thế nhưng thấy cháu nhắc

nhieu quá thì buộc họ phải lần theo địa chỉ cháu "hướng dẫn" để tìm hiểu.

Cặp vợ chồng vô cùng kinh ngạc vì cháu bé mới hơn 3 tuổi nhưng cháu kể chính xác tên những người trong gia đình này, còn còn nói rõ trước nhà có cây dừa, nhà rộng 3 gian và tả cụ thể đường vào nhà như thế nào, phải qua bao nhiêu khúc queo. Anh Ôn khi đó ước hỏi con: "Vì sao con lại theo bố mẹ về đây?". "Con đã ở nhà cũ nhiều năm thì bị đuổi đánh nên chạy ra khỏi nhà. Lúc ấy gặp mẹ đang nấu cơm bên đường nên con theo mẹ về".

Nghe con nói, anh chị giật mình, ngồi xâu chuỗi lại thời gian thì đúng là vào thời điểm đó anh chị đi công nhân làm đường trên địa bàn xóm đó và chị chuyên nấu cơm cho tổ công nhân. Đó cũng chính là thời điểm vợ anh mang thai.

Anh kể tiếp, khi con gái mình được 4 tuổi thì cháu có những hành động rất lạ như lục tìm và cắt nát hết những tấm ảnh của mình. Thời gian sau cháu kêu đau đầu gối, anh chị đưa cháu lên bệnh viện khám, qua chụp X quang, theo kết luận của bệnh viện cháu bị khuyết xương đầu gối và viêm khớp. Bệnh viện khuyên anh chị nên đưa cháu về Hà Nội chữa trị.

Tại bệnh viện Nhi trung ương, các bác sỹ đã điều trị và bó bột rồi cho về, hẹn gia đình sau hai tuần cho cháu lên kiểm tra lại. Tuy nhiên, đến ngày 5/6/2010, thấy cháu bệnh tình không giảm lại kèm theo sốt cao, anh chị

đưa cháu xuống khám ở bệnh viện K. Qua khám bệnh kết luận, các bác sĩ khuyên gia đình nên đưa cháu về nhà chăm sóc, vì cháu bị bệnh bạch cầu cấp (ung thư máu) hiện y học trên thế giới vẫn đang bó tay trước căn bệnh nan y này.

"Có điều lạ là dù cháu đau thế nào nhưng cháu đều mím môi chịu đựng không để bố mẹ và mọi người trong gia đình biết. Ông ngoại đến làm vía (cúng vía theo phong tục địa phương - PV) cho cháu thì cháu bảo: "Con không khỏi bệnh đâu, ông cho con đi chơi nhà các cô, các bác". Đến hôm sau thì cháu mất", anh Ôn thuật lại.

Thế nhưng điều kinh hoàng nhất với vợ chồng anh Ôn xảy ra khi gia đình mời ông thầy mo trong bản đến làm lễ cúng ma cho con theo phong tục địa phương. "Ông thầy mo ban đầu gọi "hồn" là cháu thì kiêu gì cũng cúng không thành, phải đến khi gọi cháu là... chị thì mới ngồi làm lễ được. Thầy mo bậm tuối rồi bảo chúng tôi: ""Người trời"" này hơn 40 tuổi, là con chúng mày nhưng còn... nhiều tuổi hơn cả chúng mày", anh Ôn sợ hãi.

Anh Ôn hiện đang là cán bộ UBND xã Chiềng Châu, anh buồn rầu: "Vợ chồng mình làm cán bộ nên cũng không tin vào những chuyện ma quái. Nhưng thật sự chuyện con mình là như vậy. Nó là đứa con đầu thai, nó chê nhà mình nghèo, nó không ở thì mình cũng đành phải chịu".

Để kiểm chứng câu chuyện của anh Ôn, chúng tôi cũng đã vượt quãng đường hơn 10 cây số tìm đến nhà

anh Lò Văn Ngọc tại xóm Vãng được cho là người có cô em gái đã "đầu thai" làm con anh Ôn. Đúng như lời anh Ôn kể, đó là một căn nhà sàn 3 gian, phía trước nhà có cây dừa. Anh Ngọc cho biết: "Bố mẹ tôi chỉ sinh được hai anh em. Tôi sinh năm 1964, còn cô em gái sinh năm 1966 nhưng nó bị bạo bệnh mất sớm. Đêm con anh Ôn mất, chẳng hiểu vì sao mà cả gia đình tôi không ai ngủ được, cứ lục đục suốt đêm. Về sau mới biết tin em gái mình đã "đầu thai" vào nhà dưới ấy".

Cơ quan chức năng cũng chưa thể giải thích

Những "nghi án đầu thai" không phải là chuyện mới, và cũng đã từng có ý kiến cho rằng người ta dựng chuyện "đầu thai" để lợi dụng việc cho nhận con nuôi hay mục đích vụ lợi gì khác. Dem ý kiến này đến những người cao tuổi trong bản Chiềng Châu để hỏi, chúng tôi được cụ Hà Văn Thắm (80 tuổi) cho biết: "Chuyện con đầu thai ở đây không phải giờ mới có, mà trước đây cũng đã có nhiều trường hợp như vậy.

Trước năm 1954, thời lang đạo và thực dân Pháp cai trị, có những người vì nhận nhà lang làm nhà mình nên cả gia đình bị nhà lang hãm hại vì sợ tranh giành quyền thế, nhiều gia đình phải bỏ đi biệt xứ hoặc bị đánh đến chết. Còn bây giờ muốn nhận con nuôi thì Nhà nư

muốn nhận bố mẹ mà lại hay đau ốm luôn thì tôi cũng khuyên gia đình nên cho các cháu nhận. Điều lạ là hầu như các trường hợp con đầu thai đều rơi vào trường hợp con một và những bệnh các cháu mắc phải đều khó tìm ra nguyên nhân, nhưng khi nhận bố mẹ, anh em "kiếp trước" thì bệnh tình đều qua khỏi".

Ông Hà Trọng Lưu, Chủ tịch UBND xã Chiềng Châu cho biết: "Con luân hồi, đầu thai ở địa phương không phải là trường hợp cá biệt. Trong xã đã có nhiều trường hợp xảy ra trường hợp như thế và hai bên gia đình đều nhận anh em hoặc con nuôi. Tôi cũng nghe có nơi người ta nhận như thế cho hợp lý hóa việc nhận con. Nhưng ở Chiềng Châu, tôi khẳng định không có một trường hợp nào mang tính vật chất hay đánh đổi. Gần như những gia đình có con "truyền kiếp" đều có kinh tế khá hơn những gia đình các cháu nhận là gia đình "kiếp trước"".

Cũng theo Chủ tịch xã Hà Trọng Lưu, việc nhận con nuôi như thế đã diễn ra nhiều năm nay ở địa phương, dù xô xáo dư luận nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến đời sống, phong tục tập quán của người Thái ở đây.

"Vì vậy chúng tôi coi đó cũng là những câu chuyện hết sức bình thường giống như chuyện cây lúa trên nương, con thú trên rừng vậy. Có chăng bà con trong bản cũng chỉ nói: "Thì ra con nhà ấy lại là con ông bà ở bản này, bản kia lộn về". Các gia đình sau đó đều nhận bố mẹ, anh em, con cái và coi nhau như người một nhà,

quây quần đù bọc nhau qua sợi dây luân hồi – tiền kiếp”, nguyên văn lời ông Lưu.

Trưởng phòng Tôn giáo (Sở Nội vụ tỉnh Hoà Bình), ông Nguyễn Trường Sơn cũng xác nhận: "Những trường hợp người dân gọi là "đầu thai" ở huyện Mai Châu là có thật. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Hoà Bình còn một vài trường hợp ở huyện Lương Sơn và Lạc Sơn. Tôi cũng đã từng đến tận nơi tìm hiểu nhưng kết quả chỉ là ngạc nhiên và không giải thích nổi. Có những đứa trẻ khi sinh ra chẳng đi đâu mà biết rõ gia đình nhà người khác cách hàng chục cây số như trong lòng bàn tay, như việc mình đã trải qua”.

Theo ông Sơn, trong những trường hợp này dân gian sẽ dựa vào quan điểm Phật giáo để giải nghĩa. "Phật giáo không cho rằng con người chết là hết mà có linh hồn bất tử tiếp tục đầu thai vào kiếp khác. Cứ như thế con người vào vòng luân hồi không ngừng từ đời này qua đời khác, từ kiếp này sang kiếp khác. Con người của quá khứ là nhân của con người hiện tại, con người hiện tại là nhân của con người tương lai. Dù khoa học chưa chứng minh được quan niệm này là đúng hay sai, nhưng những người tin theo quan điểm Phật giáo thì vẫn cho rằng có kiếp trước – kiếp sau”, ông Sơn cho biết.

3. Chuyện có thật về bé Winnie Easland

Bé Winie Easland mất năm 1961 nhưng hồ sơ của bé lại được nhà nghiên cứu và sưu tập các vấn đề liên quan tới sự đầu thai là Ian Stevenson lưu giữ cẩn thận.

Stevenson vừa là nhà phân tâm học vừa là bác sĩ tại Virginia (Hoa Kỳ). Theo hồ sơ ấy thì cô bé Winnie Easland chết vì tai nạn xe hơi lúc mới sáu tuổi. Mặc dù các bác sĩ đã tận tình cứu giúp và giải phẫu cẩn thận nhưng vì vết thương quá nặng nên cô bé qua đời. Năm 1964, người mẹ cô bé bất hạnh này lại sinh được một bé gái nữa khi cô bé này vừa tròn sáu tuổi thì bỗng nhiên cô bé có những lời nói cử chỉ lạ lùng. Cô bé nói với mẹ "Má ơi! con chính là Winnie đây!" khi xem tập ảnh của gia đình thì cô bé chỉ hình của bé Winnie và nói: "con đây này!" và cô bé đã kể rằng kiếp trước mình đã bị tai nạn được đưa vào bệnh viện giải phẫu nhưng vết thương quá nặng nên đã qua đời. Điều kỳ lạ đáng lưu ý là khi mới lọt lòng mẹ cô bé này đã có một dấu vết giống như đường mỡ lớn nằm bên hông của cơ thể. Đó là một dấu vết bẩm sinh. Theo bác sĩ Ian Stevenson thì phải chăng đó là dấu vết của một tai nạn của tiền kiếp và dấu vết ấy vẫn còn theo đuổi đến kiếp hiện tại? Đó là dấu vết của luân hồi? Cũng theo bác sĩ Stevenson thì trong hơn hàng nghìn trường hợp nghiên cứu về vấn đề tiền kiếp và hậu kiếp thì có khoảng vài trăm trường hợp có thể kiểm nghiệm xác định qua những dấu vết bẩm sinh trên cơ thể. Bác sĩ Stevenson cho rằng đó chính là dấu ấn của những gì xảy ra từ kiếp trước và sẽ giúp mình chứng cho những khám phá tiếp theo về tiền kiếp của những người mang dấu tích ấy.

4. Chuyện Vị Lão Tăng (Đầu Thai Từ Heo)

Thời Trung Hoa Dân Quốc, cư sĩ Uông Hiệu Viên một hôm ra chợ, thấy vị lão Tăng đứng ngó sững vào

hàng thịt rung rung nước mắt, cư sĩ lấy làm lạ hỏi duyên cớ. Lão Tăng đáp.

Câu chuyện rất dài xin lược thuật phân đại khái. Tôi nhớ được việc hai kiếp về trước. Đời thứ nhất, tôi là một tên đồ tể. Hơn ba mươi tuổi mãn phần, hồn bị người bắt trời đưa đi. Minh quan trách là nghiệp sát nặng, cho quỷ áp giải đến ty Chuyển luân để thọ ác báo. Lúc bị xô xuống con sông đen tối, tâm thức tôi hoảng hốt mơ màng, thoát tiên thật nóng như lửa đốt khó nhẫn, kể đó là cảm hơi mát mẻ; tỉnh ra thì mình đã sinh làm kiếp súc vật trong chuồng heo. Sau khi dứt sữa, thấy thức ăn không được sạch, lòng cũng biết nhàm gớm nhưng vì đói quá gan ruột còn cào, nên bắt đực dĩ phải nhắm mắt nuốt vào. Sau lần lần thông tiếng nói của loài heo, thường cũng hỏi han nhau, trong đồng loại cũng lắm kẻ nhớ biết kiếp trước của mình, song không thể nói cho người hiểu được. Đại để đều nhận thức mình sẽ bị giết, nên có lúc rên rỉ, đôi mắt ướt, là tỏ dấu bi sầu. Loài heo thân thể thô nặng, vào mùa hạ rất nóng khổ chỉ tìm đồng bùn nằm vùi mới đỡ, song cũng không thường có được. Bởi lông thưa và cứng, nên mùa đông lại khổ vì lạnh, thân thể giá buốt, thấy loài dê chó lông nhuỷễn dày, hằng mơ ước, xem như loài thú tiên. Đến lúc bị bắt tự biết mình không khỏi, nhưng sợ quá nhảy chạy càn, mong kéo hườn mạng sống được phút nào hay phút nấy. Khi bị trời rút bốn chân khiêng đi, dây huyết đau đến tận xương. Lúc người bỏ lên xe chạy về, thân hình cùng đồng loại chông chất đè lên nhau, máu huyết ứ đọng, gần như muốn đứt. Khi đến nhà lò, bị liệng xuống đất, gan ruột tựa hồ tan nát. Nhìn

thấy dao bén chảo vạc để hai bên, lòng bắt run sợ, không biết đến khi bị giết sẽ đau đớn như thế nào? Lúc thọc huyết, thân tâm sáng sốt rụng rời, thấy ánh đao chớp lên liền nhắm mắt không dám nhìn thẳng. Khi đồ tể ấn lưỡi dao vào cổ, rung lắc mạnh cho huyết chảy xuống bồn, ban đầu còn kêu la, sau chỉ rên nhỏ trong cổ họng, cho đến máu chảy đến tắt hơi, sự đau khổ thật không thể hình trạng! Bấy giờ hoảng hốt mê ly như say như mộng, chừng tỉnh dậy thấy mình đã thành hình người. Minh quan xét thấy kiếp trước còn có nghiệp lành, nên cho chuyển sinh làm người, tức là thân đời nay đây. Vừa rồi tôi thấy loài heo bị giết thương nó đau đớn, nhớ lại kiếp trước mình đã chịu khổ độc, rồi tiếc cho người đồ tể tương lai cũng bị nỗi khổ đó, ba mỗi niệm giao cảm, bất giác thương tâm không biết rơi lệ từ lúc nào!. Nói xong, quay mặt bỏ đi. Lúc ấy người xung quanh nghe nói, chỉ trở bàn tán phân vân. Bác hàng thịt được biết câu chuyện, sinh lòng sợ hãi, từ đó về sau đổi nghề đi bán rau đậu.

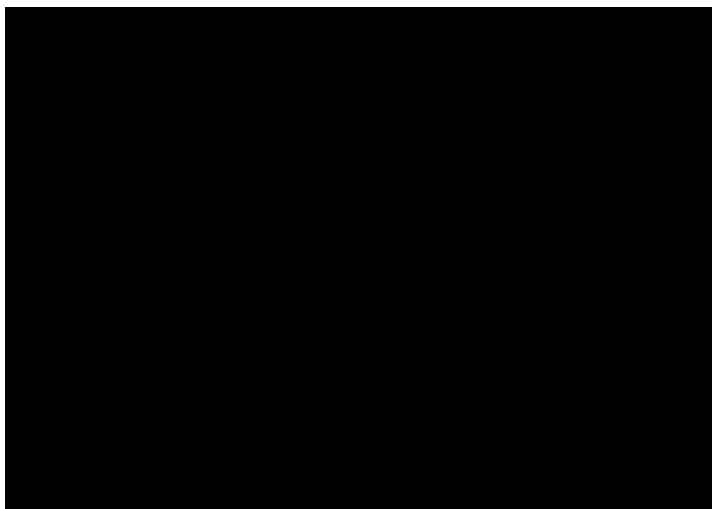
Ly kỳ chuyện người đầu thai thành lợn

Dù chưa có bằng chứng khoa học nhưng câu chuyện ly kỳ người đầu thai thành lợn vẫn được người dân một huyện ở Trung Quốc lưu truyền để nhắc nhở con cháu làm việc thiện.

Người dân ở huyện Thái Hưng, Giang Bắc, Trung Quốc vẫn kể đi kể lại câu chuyện ly kỳ xảy ra vào năm 1923. Khi ấy có một người tên là Thi Khánh Chung, không có nghề nghiệp, tính tình anh ta lại hung hãn, hay

ức hiệp dân lành, khiến cho những người quanh vùng sợ hãi và xa lánh.

Năm 1923, Thi Khánh Chung đột nhiên bị bệnh nặng đến nỗi phải nằm liệt giường, tính mạng chỉ còn như ngọn đèn dầu trước gió. Đúng lúc ấy có một vị hòa thượng tên là Vân Thủy đi qua huyện Thái Hưng. Theo lời người dân kể, hòa thượng Vân Thủy biết được tình cảnh của Thi Khánh Chung liền động lòng thương xót, tìm đến và nói với anh ta rằng: *"Anh thường ngày không có việc xấu nào là không làm, tội lỗi chồng chất, nay đã sắp đến lúc phải chịu báo ứng. Tốt nhất anh hãy nhanh chóng hối cải để bù đắp lại những tội lỗi đã gây ra. Nếu không, sau khi chết, chắc chắn sẽ bị đày đọa làm kiếp lợn"*.

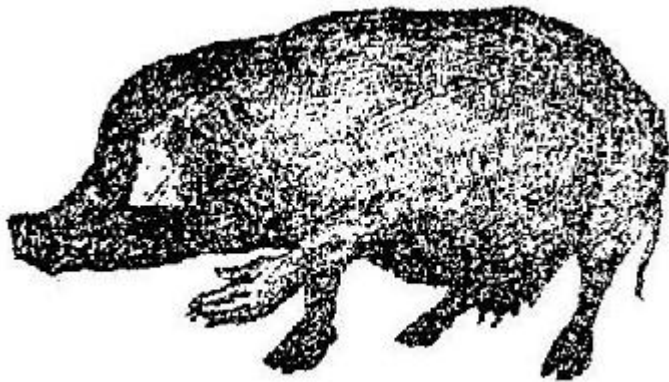


Con lợn được cho là luân hồi từ tiền kiếp Thi Khánh Chung

Lúc này bệnh tình của Thi Khánh Chung đã vô phương cứu chữa. Anh ta tự biết mình sẽ không sống

được lâu nữa, nghe vị hòa thượng nói vậy thì hoảng sợ vô cùng. Những việc ác đã làm, nay dù có hối hận cũng đã muộn nhưng nghĩ đến việc kiếp sau sẽ bị đầu thai thành lợn thì Thi Khánh Chung thấy không cam tâm nên liền miễn cưỡng chấp bàn tay trái lên trước ngực, làm ra vẻ ăn năn.

Vị hòa thượng đứng bên cạnh thấy vậy, than rằng: *"Thật đáng tiếc! Đáng tiếc! Anh chỉ lễ phật bằng một tay, khó tránh khỏi số kiếp làm lợn. Đây là nhân quả. Dù vậy, tay trái của anh có thể được miễn, không phải làm kiếp lợn, ngoài ra, anh còn có thể tránh được nghiệp bị giết hại"*.



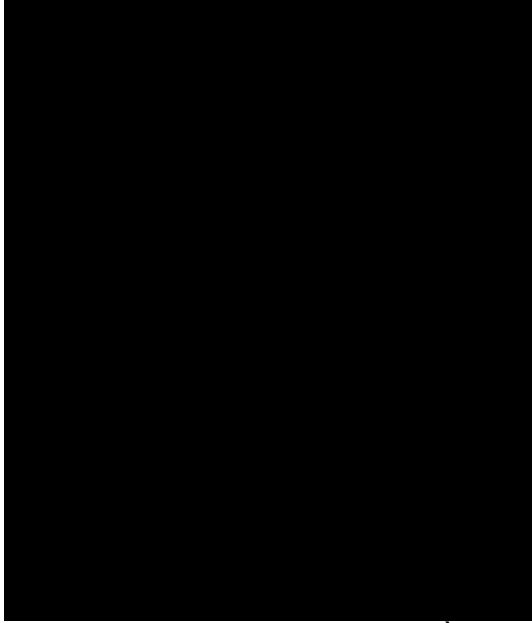
Mấy ngày sau, Thi Khánh Chung qua đời vì bệnh nặng. Người dân ở Thái Hưng ai cũng vui mừng vì kẻ gian ác, chuyên ức hiếp họ đã chết, không còn ai nghĩ đến Thi Khánh Chung nữa, hòa thượng Vân Thủy và câu chuyện ông đến gặp Thi Khánh Chung cũng bị rơi vào quên lãng.

Sau khi Thi Khánh Chung chết được 7 ngày, nhà hàng xóm sát vách của anh ta là Thái Đại Trụ có một lứa lợn ra đời, trong đó có một con rất kỳ dị. Chân trái trước của con lợn này có hình dạng và kích thước giống y như bàn tay trái của con người, có các ngón tay và cả móng tay. Khi con lợn này đi lại, bàn chân trái không bị chạm xuống đất mà luôn ở tư thế chấp tay với mọi người.

Khi hàng xóm láng giềng nhìn thấy con lợn này, họ liền nghĩ ngay đến câu nói của hòa thượng Vân Thủy. Thế là tin tức về con lợn tái sinh từ tiền kiếp là Thi Khánh Chung đã trở thành chủ đề bàn tán xôn xao của người dân huyện Thái Hưng. Những người già thường lấy câu chuyện này để giáo dục con cháu, răn đe chúng không được làm việc xấu và Thi Khánh Chung là một tấm gương sống về điều đó.

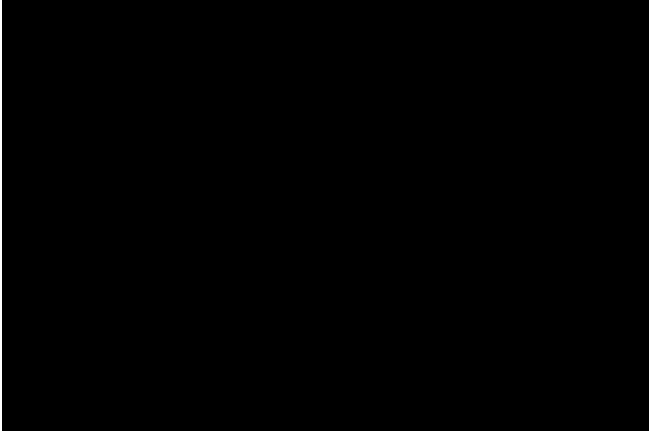
Khi thông tin, đàn lợn nái nhà Thái Đại Trụ sinh ra lợn con kỳ dị lan truyền đi, người nhà Thi Khánh Chung thương xót nên đã bỏ ra một số tiền lớn mua con lợn này về rồi mang đến chùa Bảo Hoa ở thành phố Thượng Hải phóng sinh.

Có một điều kỳ lạ là mỗi lần có người đến vườn chùa để tham quan, con lợn này liền lăn tròn vào giữa đàn lợn, như thể nó không muốn bị ai nhìn thấy. Hiện tượng kỳ lạ này càng khiến cho người ta tin rằng con lợn chính là Thi Khánh Chung đầu thai. Sau khi được thả trong vườn chùa Bảo Hoa, nhiều người đã đến chụp ảnh con lợn và treo nó ở khắp nơi như một sự nhắc nhở về nghiệp báo.



Người đàn ông Malaysia được cho là đầu thai từ lợn

Đây là một câu chuyện có thật bắt đầu ở Tô Châu, một thành phố nổi tiếng ở phía Nam Trung Quốc, nó diễn ra vào khoảng thời hậu Minh. Do triều đình vô cùng hủ bại, dân chúng Trung Quốc thời đó đã lâm vào cảnh đói nghèo.



Tình hình còn tồi tệ hơn, khi thái giám trong triều, dẫn đầu là một thái giám có tên là Ngụy Trung Hiền nắm quyền lực trong triều chính khiến đời sống bá tánh càng thêm lầm than. Thời gian đó, một đảng có tên là Đảng Đông Lâm đã chống đối lại Ngụy Trung Hiền và ban thái giám đông và tây cơ mật của ông ta. Ban cơ mật của họ Ngụy bắt đầu bắt giữ thành viên đảng Đông Lâm ở Tô Châu, khiến cho người dân toàn thành nổi giận và khiến máu chảy khắp thành Tô Châu. Câu chuyện luân hồi có thật của tôi trong kiếp đó bắt đầu ở đó.

Ở phủ Thường Châu không xa thành Tô Châu có một góa phụ họ Trương. Chồng chết sớm để lại bà và

một nam tử lên 10 tuổi tên là Lạc Thiên. Bà gần như không còn gì để sinh nhai vì người em chồng đã hoang phí tất cả số tiền chồng bà dành dụm. Cả gia sản còn lại của bà là một túp lều tranh và một con lừa què. May thay, bà Trương là người giỏi thêu thùa nên có thể kiếm sống nhờ nghề thêu ở một xưởng thêu tại phủ Thường Châu. Một hôm, có một thương gia sở hữu một xưởng thêu nổi tiếng ở Tô Châu đến Thường Châu. Nhận thấy bà là người có tài nghệ, ông bèn mời bà đến xưởng mình làm việc. Ái ngại trước hoàn cảnh người góa phụ, nên ông giúp bà và cậu con trai Lạc Thiên chuyển đến Tô Châu. Vào thời hậu Minh, Tô Châu đã trở nên nổi tiếng khắp Trung Thổ về nghề thêu. Nó đã tiến cống cho triều đình một lượng lớn hàng thêu cùng với một lượng lớn thuế lượng. Vào thời ấy, Trung Thổ không thịnh vượng cho lắm, nông nghiệp là nguồn thu nhập chủ yếu để duy trì triều đại nhà Minh.

Những thành trấn thịnh vượng chủ yếu dựa vào nghề thủ công như Tô Châu rất hiếm hoi. Do thái giám thân tóm quyền lực, đặc vụ của đảng Yên lê la khắp Trung Quốc, đặc biệt ở dọc hai bên bờ sông Trường Giang. Những đặc vụ này tổng tiền của những xưởng thủ công lớn ở Tô Châu. Nếu ai đó buông lời phàn nàn, người đó sẽ bị tố cáo với đặc vụ để rồi phải chịu án tù hay bị thiệt mạng. Ông chủ xưởng thủ công nổi tiếng đã giúp đỡ mẹ con cậu bé cũng trở thành nạn nhân của bọn đặc vụ. Một hôm, đặc vụ nhất định đòi cướp lấy chiếc bình trà tím rất quý giá đã được thừa kế qua nhiều thế hệ. Mới chỉ vừa có vài lời đòi co với đặc vụ mà ông đã bị

tổng vào nhà lao. Sau đó đặc vụ thậm chí còn gia tăng việc tống tiền các xưởng thủ công ở Tô Châu. Cuối cùng dân chúng toàn thành Tô Châu trở nên rất tức giận với bọn đặc vụ. Dân chúng nổi giận đã bắt tất cả bọn đặc vụ trong thành lại, rồi treo chúng lên ở phía nam thành và đánh chúng một trận nên thân. Triều đình gửi quân lính tới trấn áp đám người nổi loạn, máu chảy khắp nơi.

Sau khi ông chủ xưởng thêu bị tống giam, mẹ Lạc Thiên tự nhiên mất chỗ kiếm cơm. Bà mang Lạc Thiên rời Tô Châu và bắt đầu phiêu bạt tứ xứ. Cuối cùng họ định cư lại một nơi mà ngày nay chính là Hoài Bắc và Từ Châu. Ở đó cậu bé Lạc Thiên gặp một người họ Lý là người có học thức phi thường. Được Lý tiên sinh chỉ dạy, cậu bé Lạc Thiên đã đọc rất nhiều sách và đỗ tú tài. Tuy nhiên, sự hủ bại của triều đình đã lan cả đến hệ thống thi cử. Mặc dù chăm học, Lạc Thiên vẫn không đỗ được cử nhân bởi vì cậu không có đủ lót giám khảo và không chịu đi cửa sau.

Khi Lạc Thiên tròn 20 tuổi, cậu tham dự khoa cử lần cuối cùng. Một thí sinh nói với cậu "Tôi nghe nói rằng có một cao nhân Phật giáo tinh thông Phật Pháp sống ở vùng phía bắc Trương Gia Khẩu của Nội Mông. Nhân thế vô thường. Sinh, lão, bệnh tử là lẽ thường tình. Ngày nay, chuẩn mực đạo đức xã hội đã suy đồi. Do vậy, đối với tôi bây giờ cuộc sống thật thập phần khó khăn. Sao huynh không gắng đi tìm vị cao nhân và tìm đạo giúp thoát khỏi vòng luân hồi? Sao huynh lại phải lao tâm tham dự khoa cử để truy cầu danh lợi làm chi?"

Sau khi trở về nhà, Lạc Thiên mơ thấy mình đang đi tìm Phật Pháp trên cao nguyên Mông Cổ. Giống như Đường Tam Tạng (vị cao tăng của nhà Đường trên hành trình sang Tây Thiên), cậu đã phải chịu muôn vàn đau khổ và cuối cùng cũng thoát khỏi Tam Giới. Sau khi tỉnh mộng, Lạc Thiên kể với mẹ và Lý tiên sinh về giấc mộng. Họ đều bảo cậu "Giấc mộng này quả là điềm rất lành. Nếu con thực sự có tiền duyên với vị cao tăng Phật giáo đại đức đó, thì nhất định sẽ gặp. Nhưng chúng ta cách Mông Cổ những hơn 10 nghìn dặm. Hơn nữa, ta nghe nói rằng con người ở đó rất man rợ và tàn bạo. Ở đó không có gì ngoài khác ngoài một thảo nguyên mênh mông nơi sói, hổ, và sư tử gầm rú. Con đi một mình có an toàn không?" Lạc Thiên trả lời "Trời sẽ giúp người đại căn khí. Với cả, hài nhi tới Mông Cổ để cầu Phật Pháp. Khi Đường Tam Tạng ở triều đại nhà Đường sang Tây Trúc thỉnh kinh, ngài cũng phải chịu biết bao khổ nạn nhưng cuối cùng vẫn lấy được kinh và quay trở về Trung Hoa an toàn. Mạnh Tử đã từng nói ""*Khi thiên thượng giao sứ mệnh trọng đại cho người nào, tất sẽ khiến người đó phải mệt cái gân cốt, khổ cái tâm chí*". Mẫu thân cậu cắt ngang lời cậu và nói "Con hãy giữ cái đạo lý đó cho riêng mình đi. Lời đó ta nghe không hiểu. Hãy nhanh chóng lên đường đi thôi" Lạc Thiên bèn nói với mẫu thân "Mẫu thân, sao người không đi cùng hài nhi? Nếu không, người sẽ luôn lo lắng cho hài nhi" "Được" Vậy là hai mẹ con từ biệt Lý tiên sinh rồi lên đường.

Họ vượt sông Trường Giang rồi đi qua An Dương, Hình Đài và cuối cùng đặt chân tới Trương Gia Khẩu.

Đọc đường, họ đã phải chịu đói, chịu lạnh và vô vàn khổ nạn. Buồn thay, mẫu thân của Lạc Thiên mắc chứng phong hàn ở Trương Gia Khẩu rồi qua đời. Trước lúc lâm chung, bà nhắn nhủ Lạc Thiên phải tìm được Phật Pháp và tinh tấn tu luyện. Lạc Thiên khóc thống thiết.

Sau khi mẫu thân tạ thế, Lạc Thiên đã ngộ ra rằng thế nhân vốn vô thường. Thời gian như nước chảy mây trôi nơi cõi người. Cậu nghĩ về ba người quan trọng nhất trong cuộc đời cậu: vị ân nhân đáng kính người sở hữu xưởng thủ công, Lý tiên sinh người đã dạy dỗ cậu và người mẹ đã một mình nuôi dạy cậu. Bọn họ đều đã phải chịu những dạng khổ nạn khác nhau. Những tên vô lại đã tống giam vị ân nhân và cậu phải chia tay với Lý tiên sinh. Giờ đây, mẹ cậu lại qua đời. Chỉ khi cậu tìm được Phật Pháp, cậu mới có cơ hội siêu thoát khỏi Tam Giới. Lạc Thiên lại càng thêm quyết tâm tu theo Phật Pháp nếu cậu có thể tìm được.

Sau khi làm tang lễ đơn sơ cho mẹ, Lạc Thiên gói ghém hành lý rồi rời Trương Gia Khẩu và tiến đến vùng thảo nguyên Mông Cổ mênh mông.

Lạc Thiên là một người gầy gò ẻo lả. Cậu không thông thuộc đường ở Mông Cổ nên cậu phải hỏi tất cả những người cậu gặp về nơi ở của vị cao tăng Phật giáo đại đức. Càng ngày cậu càng hoang mang vì không ai từng nghe nói đến người như vậy. Thỉnh thoảng cậu phải lang thang cả vài tháng trời trên một thảo nguyên mênh mông rồi mới có thể vượt qua đó. Đôi lúc cậu gặp dã thú như sói nhưng vì lý do kỳ lạ nào đó, mà chúng không hề

hại cậu. Khi cơn đói lên đến cực điểm, cậu lại tình cờ tìm được những chiếc bánh hấp ở trên mặt đất. Khi cơn khát tới, lại xuất hiện một con suối trước mặt. Khi trời mưa hay tuyết, một mái lều tranh hay vài ngôi nhà lại chợt xuất hiện. Những người sống trong những túp lều và những ngôi nhà này luôn luôn nhiệt tình và hiếu khách. Họ không chút nào man rợ như người ta vẫn thường đồn đại. Sau khi đãi Lạc Thiên thức ăn và nước uống, và cho cậu một chỗ để trú mưa hay tuyết, họ lại đột ngột biến mất. Lúc đầu, Lạc Thiên còn sững sờ trước những sự việc kỳ lạ này nhưng rồi sau đó cậu hiểu ra rằng Thần Phật đang khích lệ cậu đi tìm Phật Pháp. Lạc Thiên càng quyết tâm tu Phật hơn.

Hai rồi ba năm trôi qua. Lạc Thiên giờ đây đã 26, 27 tuổi. Cậu đã trở thành một lữ hành dày dạn kinh nghiệm trên thảo nguyên rộng lớn. Cậu cũng đã trở nên khỏe mạnh, kiện tráng chứ không còn là một cậu bé gầy gò, ốm yếu nữa. Nhưng có một điều vẫn không thay đổi. Lạc Thiên vẫn có hứng thú làm thơ. Những trải nghiệm cuộc sống trong vài năm qua gợi cho cậu rất nhiều cảm hứng và khiến thơ cậu mang nội hàm ngày một sâu sắc. Cậu không định chia sẻ thơ của mình với người khác. Cậu thường làm thơ và quay mặt vào núi non hùng vĩ hay thảo nguyên bao la mà ngâm như một thú tiêu sầu.

Một hôm khi đang một mình lang thang trên thảo nguyên như thường lệ, cậu bắt gặp vài đám mây ngũ sắc sà xuống đỉnh núi liền bên. Cảnh đó ngay lập tức khiến cậu cao hứng xuất ra bài thơ

**"Mây vờn bay, núi cao sừng sững,
Ta là ai, bể khổ mênh mang
Muốn tu Chân, tầm Sư tìm Đạo
Chẳng đắc Pháp, thật quá bi ai"**

Sau khi làm xong bài thơ, Lạc Thiên cảm giác như có ai đó đang ở đằng sau cậu. Cậu quay đầu lại và thấy một hồng y cô nương. Cô đang cố giấu mình không cho cậu thấy. Quá tò mò, cậu hỏi: "Tiểu cô nương, tại sao cô lại đi theo tại hạ vậy?" Cô nương trả lời "Thực ra tôi đã đi theo anh nhiều ngày rồi. Tôi là con gái của một trưởng bộ lạc. Anh trai tôi cũng là trưởng bộ lạc. Vài ngày trước đây, khi ra ngoài đi đạo, tôi đã trông thấy anh. Tôi rất tò mò về anh bởi vì trông anh giống như một người Hán. Sao anh lại tới chốn thảo nguyên Mông Cổ hoang vắng này?" "Tiểu cô nương, để tôi kể cho tôi về bản thân mình..."

Rồi Lạc Thiên kể cho cô nghe về cậu đặc biệt là phần cậu đã tới đây để tìm Phật Pháp. Vị cô nương liền nói với cậu, "Xin đừng gọi tôi là tiểu cô nương nữa. Anh chưa đủ tuổi làm anh tôi đâu." Vị cô nương có vẻ hơi bị xúc phạm. Lạc Thiên nói "Có vẻ như mình đã gặp một cô nương rắc rối đây. Mình phải tìm cách thoát khỏi cô ta mới được." Lạc Thiên nói với cô gái "Vì cô không muốn bị gọi là tiểu cô nương, tôi sẽ gọi cô là tiểu muội. Tiểu muội, sao muội không về nhà ngay đi? Nếu không, phụ thân muội lại lo lắng cho muội đây" Vị tiểu cô nương bèn thẳng thắn nói với cậu "Tôi cần phải sớm về với phụ thân tôi nhưng tôi cũng rất muốn tìm được vị cao tăng Phật gia đại đức vì tôi cũng muốn tu Phật. Anh có biết là rất

nhiều người Mông Cổ tin vào Phật Pháp không? Chúng tôi tin rằng có luân hồi. Anh không phải là người duy nhất sợ luân hồi đâu. Tôi cũng sợ. Tôi cũng muốn tu Phật để thoát khỏi Tam Giới. Tại sao tôi không quay về gặp cha tôi rồi nói với ông ấy rằng tôi sẽ cùng đi tìm Phật Pháp với anh nhỉ? Rồi chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm Phật Pháp. Anh nghĩ sao? Chúng ta sẽ lo cho nhau” Cuối cùng Lạc Thiên cũng đồng ý với kế hoạch của cô. Nói cho cùng đi tìm Phật Pháp một mình rất khó khăn và cả cô đơn nữa. Cậu bèn nói với cô gái "Muội phải nhanh lên. Ta sẽ đợi muội ở đây. Sau 10 ngày nữa, muội hãy quay lại đây” "Ta hứa là ta sẽ trở lại” Hồng y cô nương vịn bèn rời đi.

Khoảng 8 ngày sau, hồng y nữ đã quay lại thôn thức. Lạc Thiên hỏi cô điều gì đã xảy ra và cô kể lại cho cậu mọi chuyện. Khi cô về gặp lại phụ thân, ông đã cho cô biết tin dữ. Bộ tộc của anh trai cô đã bị san bằng trong một trận giao chiến với một bộ tộc khác. Anh cô đã bị giết và thân thể bị xé tan thành từng mảnh. Trước khi kẻ thù đốt xác anh, một người đàn ông tốt bụng đã cắt đi một phần xương cẳng chân của anh ấy. Ông đã liều mạng mà mang miếng xương về cho phụ thân cô. Ông cũng nói với phụ thân cô rằng bộ tộc đã giết con trai ông đang chuẩn bị tấn công bộ tộc của ông và khuyên họ nên đi trốn. Sau khi hồng y nữ kể với phụ thân về Lạc Thiên, phụ thân đã nghiêm nghị nói với cô rằng: "Nha đầu, có lẽ gia tộc chúng ta được phúc phận rồi. Toàn gia chúng ta sẽ được phúc phận nếu con tìm được Phật Pháp, nhất là khi cả gia tộc chúng ta đang gặp nạn sinh tử này. Nhân

thể khó lường. Nha đầu, từ nay trở đi, con phải học cách tự chăm lo cho bản thân đi thôi. Bên ngoài không như ở nhà đâu. Con không thể mãi ngoan cố như vậy đâu!” Tiểu cô nương liền đáp lại "Phụ thân, người thật xem nhẹ con. Nếu giờ con ra đi, không biết lúc nào chúng ta mới có ngày tái ngộ nhất là khi những tên vô lại kia đang săn đuổi người. Con rất lo lắng cho người” "Nha đầu, có phải ta thường nói với con rằng ‘Phật sẽ bảo hộ người đại đức sao’ Đừng lo lắng gì cả. Hãy lo cho bản thân mình thôi!” Người cha gạt nước mắt rồi an ủi cô. Sau đó, vị cô nương quay lại chỗ Lạc Thiên.

Sau khi nghe hết câu chuyện thâm thúy, Lạc Thiên thở dài rồi ngâm câu thơ

***"Huyết lệ gươm đao bao giờ dứt
Nhân thế oán cừu, lỗi từ đâu
Danh lợi vô thường nay bỏ hết
Chỉ đường chính Pháp, sạch khổ đau!"***

Từ đó trở đi, cả hai rong ruổi khắp nơi trên vùng cao nguyên Mông Cổ. Họ đồng cam cộng khổ trong suốt hành trì. Họ nâng đỡ và khích lệ nhau. Họ đã vượt qua vô số khổ nạn. Mỗi lần tới một thị trấn lớn hơn, họ lại cố gắng hỏi thăm tin tức về phụ thân của cô. Lúc đầu, người ta nói với họ rằng bộ lạc của phụ thân cô đã bị tiêu diệt và không tìm thấy phụ thân cô đâu. Khoảng một năm sau, cô có mang. Nhưng họ vẫn không tài nào tìm được vị cao tăng Phật giáo đại đức mà Lạc Thiên đã cố công tìm kiếm trong suốt những năm qua. Một hôm, họ tới một thị trấn lớn và hỏi thăm tin tức về phụ thân. Hóa ra phụ thân

cô vẫn còn mạnh khỏe. Bộ lạc đã tiêu diệt bộ lạc của phụ thân và anh trai cô có mâu thuẫn nội bộ gay gắt và rồi họ tự đánh giết lẫn nhau. Cuối cùng, một bộ lạc nữa tới và tiêu diệt bộ lạc đó. Vì phụ thân cô là một người đáng kính và có đức, ông được bầu làm người đứng đầu của tập hợp tất cả các bộ lạc. Phụ thân cô cũng đang đi tìm hai người. Họ lập tức nhờ người nhắn tin cho phụ thân cô để ông khỏi lo lắng.

Vài ngày sau, phụ thân của ông mang xe ngựa tới đón họ. Khi thấy người con gái yêu mà ông đã không được gặp trong nhiều năm và người con rể ông chưa từng biết mặt, ông vỡ òa trong cảm giác buồn vui lẫn lộn. Ông nói với họ trong nước mắt: "Các con, những khổ nạn đã qua rồi. Mọi thảm họa đã qua qua rồi. Giờ chúng ta đã có thể sống yên ổn rồi." Cả ba người cảm thấy như thế cuối cùng họ đã có thể tự do tung hoành trên vùng thảo nguyên mênh mông. Khi họ đang trò chuyện, trên mặt đất hiện ra dòng chữ lớn bằng tiếng Trung:

"Lưu đức trung trung tôn". Điều đó có nghĩa là họ sẽ đắc Chính Pháp ở Trung Thổ.

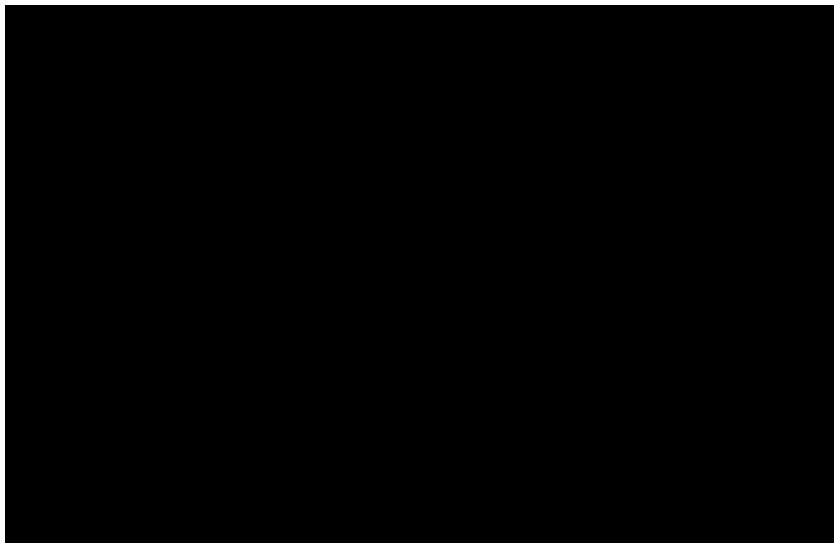
Chia sẻ bài viết này, tôi muốn phản ánh những khổ nạn và khó khăn vô biên mà chúng ta đã phải trải qua trong nhiều kiếp trước để kiếm tìm Pháp. Chúng ta không thể tìm thấy Phật Pháp trong một đời! nhưng vì chúng ta có thể từ bỏ được chấp trước vào bản thân, vào danh, lợi, tình, chúng ta mới có được cơ hội quý báu đích thân nghe vị Phật chủ từ bi vĩ đại giảng Pháp trong đời này. Không có mối tiền duyên nào thiêng liêng hơn thế! Khi chúng ta

không tinh tấn tu luyện, sao chúng ta không nghĩ rằng: để đắc được Chính Pháp, chúng ta đã mạo hiểm cả cuộc đời đi tìm kiếm trong suốt những kiếp trước của mình. Chúng ta phải tu luyện tinh tấn và đưa chúng sinh trở về nhà bởi vì đó là đại nguyện của chúng ta.

Để các đồng tu không phát triển chấp trước, tôi sẽ ngừng không chỉ ra đồng tu nào chung quanh tôi là hiện thân của những nhân vật trong những câu chuyện thật về tiền kiếp của tôi. Những duyên nghiệp trong tiền kiếp của chúng ta không còn quan trọng nữa. Tôi chỉ có ý định khích lệ mọi người hãy trân quý tiền duyên đối với Pháp. Đối với duyên nghiệp của chúng ta trong đời trước, giờ đây chúng không còn quan trọng nữa. Đối với chúng ta điều quan trọng hơn là hãy trân quý quan hệ của chúng ta trong ngày hôm nay và trở thành "đệ tử Đại Pháp" đích thực. Đó là điều mà chúng ta không bao giờ nên quên.

6. Những câu chuyện đầu thai khó tin trên thế giới

Mặc dù vẫn chưa có lời giải đáp cụ thể về hiện tượng đầu thai nhưng những câu chuyện có thật và tương chừng như khó tin khiến các nhà khoa học phải đau đầu.



Cậu bé Cameron Macaulay (Ảnh:thesun.co.uk)

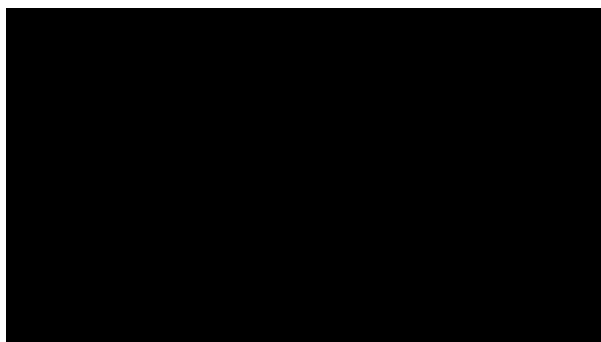
Cậu bé Cameron Macaulay ở thành phố Glasgow (Anh) thường xuyên khiến mẹ mình sồn gai óc khi vẽ những bức tranh về một ngôi nhà màu trắng bên bờ biển Barra và nói rằng đó là nơi mà kiếp trước mình từng sống ở đó.

Cô Norma, mẹ Cameron cho biết từ khi biết nói Cameron luôn cố gắng kể về câu chuyện thời thơ ấu của mình trên đảo Barra và những người thân trước kia của cậu, đó là một cuộc sống luôn đầy ắp tiếng cười chứ không buồn tẻ như hiện tại.

Cameron còn miêu tả chi tiết trong ngôi nhà "cũ" của cậu có 3 nhà vệ sinh, bố cậu là Shane Robertson đã mất, còn mẹ là một người hay cười. Cậu bé thường xuyên khóc và đòi được về nhà thăm bố mẹ mình. Nhưng vì một phần nghĩ Cameron bịa chuyện, một phần vì không dư dả nên Norma không thể đáp ứng ngay yêu cầu của

con. Cho tới tháng 2/2006, được sự tài trợ của một kênh truyền hình, mẹ con Cameron và tiến sỹ Jim Tucker, chuyên nghiên cứu về các trường hợp đầu thai kỳ lạ, đã tới đảo Barra. Vừa tới nơi, Cameron đã lập tức nhận ra căn nhà quen thuộc từ xa. Quả nhiên, trong nhà có 3 nhà vệ sinh đúng như Cameron từng tả và chủ của ngôi nhà này họ Robertson, tuy nhiên từ khi ông này qua đời, người trong gia đình đã chuyển đi nơi khác ở.

Không giống với Cameron được "đầu thai" tới một nơi xa xôi, cậu bé Rakesh ở Ấn Độ lại được "đầu thai" vào chính người em trai của mình. Năm 13 tuổi, cậu bé Rakesh, con trai của anh Chaudharys đã lâm vào trạng thái hôn mê bất tỉnh sau một vụ tai nạn vào ngày 29/4/2005. Vợ anh Chaudharys, chị Maniben đã đau khổ đến nỗi không làm chủ được bản thân và bắt đầu gặp ảo giác. Chị nói với chồng mình rằng, Rakesh đang đứng trước mặt chị và muốn nói lời từ biệt, cậu bé hứa sẽ quay trở lại nếu chị nở một nụ cười. Chaudharys đã thuyết phục vợ bình tĩnh và chia tay con trai sau khi cuộc đối thoại giữa hai mẹ con kéo dài khoảng 1 tiếng. Vài phút sau đó, bệnh viện gọi điện thông báo Rakesh đã qua đời.



Rakesh (trái) qua đời ngày 3/5/2005 và Rakesh (phải),

Ngày 22/4/2006, Maniben sinh hạ một bé trai và cũng đặt tên là Rakesh. Thật kỳ lạ là cậu bé giống hệt người anh trai quá cố của mình từ dáng vẻ tới tính cách, thậm chí là nhận ra những người cậu chưa từng gặp. Trong một lần đưa bé Rakesh về quê chơi, cậu bé đã gọi tên Anila, chị họ của mình và kéo Anlia tới cái cây mà trước kia hai người từng chơi. Anlia (15 tuổi) là bạn của Rakesh anh. Điều đó khiến vợ chồng anh Chaudharys tin rằng Chúa đã trao trả lại Rakesh cho họ.

Cũng giống như vợ chồng Chaudharys, nỗi đau khổ tột độ khi mất đi một người con và niềm hạnh phúc khi sinh thêm được một người con khác khiến bà Olga Leonicheva (Nga) có linh cảm rằng con mình đã được đầu thai. Bà luôn khẳng định rằng cậu con trai đầu lòng chết khi mới 19 tuổi đã được đầu thai vào đứa con gái mới sinh bởi trước đó con trai bà, Dmitriy thường xuyên xuất hiện trong những giấc mộng mị kỳ quái và hứa rằng sẽ có ngày trở lại trong hình hài một bé gái.

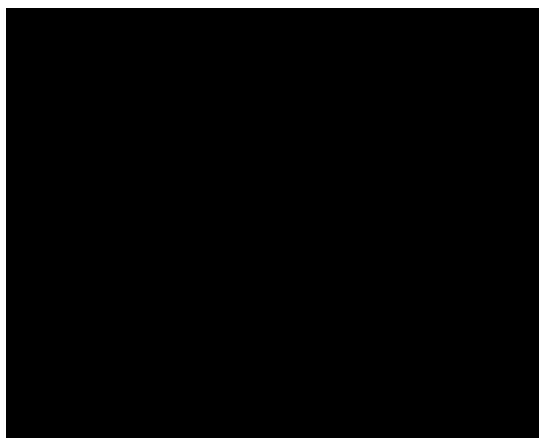
Dmitriy là con riêng của Olga Leonicheva với người chồng thứ nhất. Từ khi Olga tái hôn và có thêm một cậu con trai nữa, Dimitriy thường xuyên tỏ ra xa lánh với cha dượng và người em cùng mẹ khác cha của mình, thậm chí cậu cũng không hòa đồng với những đứa trẻ cùng trang lứa. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp trung học, cậu đã gia nhập quân đội phục vụ tận miền Viễn Đông. Cuộc sống hà khắc trong quân đội và thường xuyên phải chịu cảnh đánh đập khiến Dmitriy rơi vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng và đã đào ngũ 2 năm sau đó. Cậu đã treo cổ tự tử trước cửa nhà khi mẹ và cha dượng đi ra ngoài có việc. Olga tưởng chừng như không sống nổi và đã hai

tìm cách quyền sinh sau cái chết bí ẩn của con trai.

Hai năm sau đó, đúng vào ngày sinh của Dmitriy (26/1/2006), Olga đã sinh hạ một bé gái đặt tên là Kseniya mặc dù bác sỹ đã chẩn đoán bà sẽ sinh vào ngày 15/1. Kỳ lạ hơn là bà đỡ bé Kseniya cũng chính là bà đỡ đã đón Dmitriy 21 năm về trước. Vì thế, Olga càng tin tưởng rằng đứa bé này chính là Dmitriy cho dù Kseniya không có đặc điểm nào giống người anh quá cố của mình.

7. Tiếp câu chuyện: Luân hồi đầu thai tại Việt Nam

Chúng tôi tìm đến thị trấn Vụ Bản lúc trời đã gần chính ngọ. Không khó để hỏi thăm nhà anh Tân, chị Thuận, bởi dường như câu chuyện “hồi sinh” của cháu Tiến ở cái thị trấn nhỏ này ngay cả cháu bé lên 10 cũng kể rành mạch



Cậu bé Nguyễn Phú Quyết Tiến

Công nhà anh Tân có 3 cháu nhỏ khoảng 9-10 tuổi đang nô đùa. Thấy tôi cất lời hỏi thăm, một cháu bé nhìn trắng trẻo, ngói ngói nhất trong đám trẻ nhanh nhẩu: "Cô hỏi bố cháu à! Bố cháu đang ở trong nhà. Cô vào uống nước để cháu gọi bố". Trong lúc chúng tôi đang ngờ ngợ đoán chừng cậu bé lúc nãy chính là bé Tiến "nổi tiếng" tiêu tốn không ít giấy mực của báo chí, thì anh Tân bước ra.

Bên ấm trà nóng, lim dim nhả làn khói thuốc xám, anh Tân gật gù khi nghe chúng tôi dè dặt nói lý do đến thăm nhà.

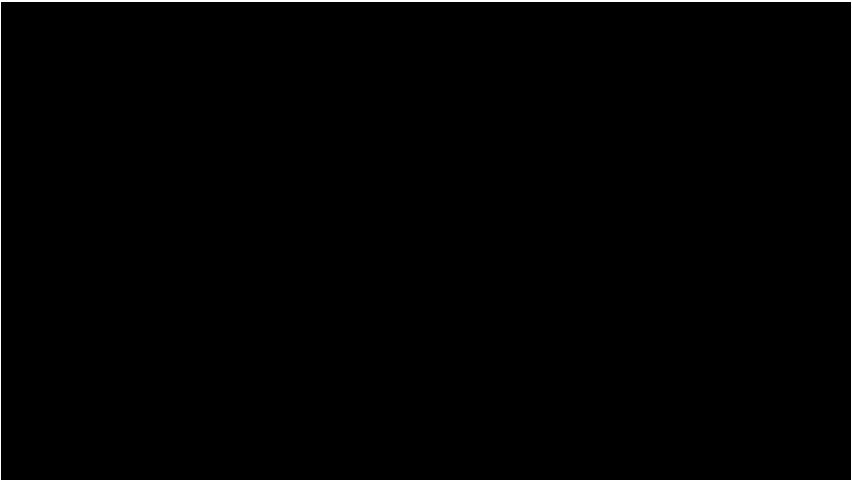
Ngẫm nghĩ một lúc, anh Tân dụi tắt điếu thuốc đang cháy dở, thẳng thắn nói: "Nói thật với cô, tôi đã không có ý định tiếp phóng viên nữa. Một phần tôi cũng không muốn mọi người nhắc quá nhiều về chuyện của cháu, tôi muốn mọi người coi cháu như những đứa trẻ bình thường khác. Nhưng vì cô đã lặn lội đường xa đến đây tôi sẽ kể rành mạch không giấu giếm, cũng là để đính chính vài thông tin mà một số báo đã không nói chính xác hoàn toàn khiến tôi rất bức xúc".

8. Câu chuyện "tái sinh" kỳ lạ

Anh Tân và chị Thuận cưới nhau được 6 năm mới sinh được cháu Nguyễn Phú Quyết Tiến (28/2/1992). Cháu Tiến lớn lên bụ bẫm, xinh xắn, trong sự yêu chiều hết mực của cả gia đình. Thế nhưng, đến năm cháu 5 tuổi, tai họa bất ngờ ập xuống.

Hôm đó vào buổi chiều tháng Giêng, anh Tiến đang nằm đọc báo bỗng giật nảy mình chồm dậy, ruột gan như lửa đốt. Anh gọi chị Tân bảo: "Thằng Tiến đâu, tìm nó về đi". Chị Tân tìm gọi mãi nhưng không thấy Tiến đáp lại, ra phía bờ sông gần nhà chị chỉ nhìn thấy đôi dép chấu để trên bờ. Dưới dòng nước xanh ngắt nhìn thấu tận đáy, không thấy điều gì bất thường. Chị chạy về báo anh Tân. Bỏ tờ báo, anh hốt hải ra phía bờ sông thì nhìn thấy xác cháu Tiến nổi cách bờ 3m.

"Tôi lao xuống dòng nước, ôm chặt lấy con nhấc lên bờ. Nhưng tất cả đã quá muộn!", giọng anh lạc đi, không giấu vẻ kinh hoàng khi nhớ về cái ngày đau thương ấy.



Con sông nơi cháu Tiến chết đuối cách đây 10 năm.

Cháu Tiến mất đi khiến cả anh Tân, chị Thuận đều như kẻ mất hồn. Nỗi đau càng nhân lên gấp bội khi chị

Thuận do vấn đề sức khỏe đã "không còn khả năng làm mẹ" nữa. Trong con vật vĩa, bà cụ hàng xóm mà sau này anh Tân mới biết là "bà mẹ" có sang vĩa vai anh và bảo: "Con yên tâm, sớm muộn gì nó cũng tìm về với con thôi!". Khi ấy vì quá đau buồn anh cũng coi lời bà như lời an ủi của những người hàng xóm tốt bụng khác.

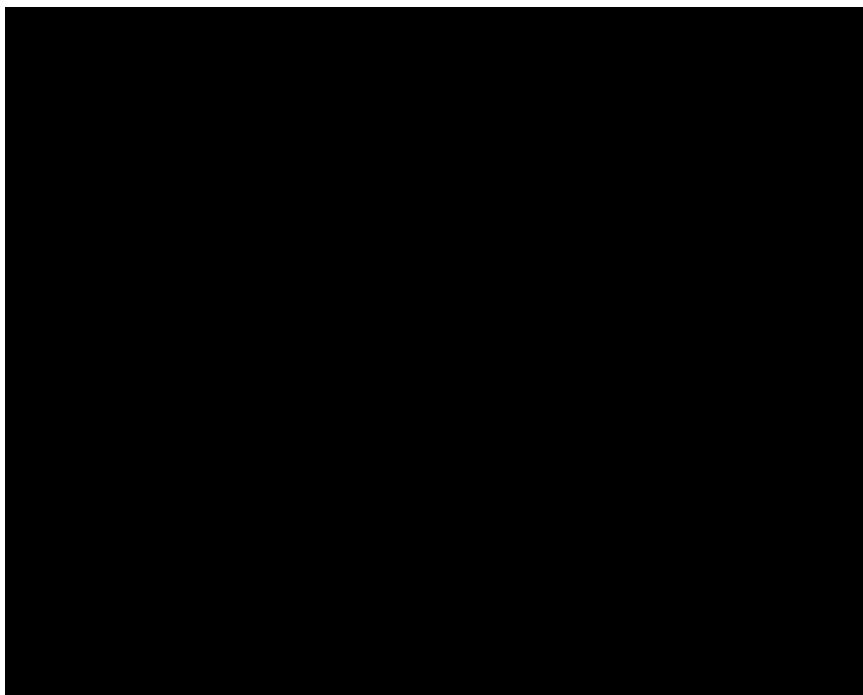
Vắng tiếng cười trẻ thơ, căn nhà chỉ còn hai người lớn trở nên hoang lạnh hơn bao giờ hết. Là con một, phải chịu áp lực từ phía gia đình, anh Tân buồn bã chẳng biết làm gì, suốt ngày ngơ ngẩn gẫn như người hóa dại.

Năm 2006, cả hai vợ chồng vẫn chưa nguôi nỗi đau mất con thì nghe có người rỉ tai ở Xóm Cọi, xã Yên Phú, Lạc Sơn, cách nhà anh chị chừng 3km có cháu bé nghi là "con lộn" của Tiến. Cháu tên Bùi Lạc Bình (sinh ngày 6/10/2002) là con một gia đình người Mường nhưng ngay từ khi biết nói đã khẳng khẳng bảo mình là con người Kinh, nhà trên thị trấn Vụ Bản.

Vốn chưa bao giờ tin có chuyện "đầu thai" như kiếp luân hồi của nhà Phật, nhưng hai anh chị vẫn đánh bạo tìm đến nhà cháu bé nọ. Thật bất ngờ khi anh chị đến nơi cháu không hề thấy lạ mà gọi bố mẹ xưng con và quần quít không rời. Anh chị ngỡ lời mời chị Dự, người sinh cháu Bình, tên bố mẹ "mới" đặt, đến nhà chơi. Nghe thấy thế, Bình vui lắm, trèo phất lên xe hào hứng như đứa trẻ lâu ngày được về nhà.

Vừa vào nhà, Bình đã chạy quanh nhà tìm đồ chơi mà Tiến trước kia thích. Cháu còn tự nhiên vào giường

anh Tân, chị Thuận nằm lên đó rồi bi bô: "Ngày xưa con thường ngủ chỗ này nhỉ bố nhỉ?". "Ngay khi nhìn thấy cháu, nghe cháu nói, và thấy những hàng động của cháu vợ chồng tôi như chết đứng. Tất cả đều giống hệt như cháu Tiến thừa trước, có khác chỉ là khác về hình hài mà thôi", anh Tân kể.



Cháu Tiến vui đùa bên những đứa trẻ hàng xóm.

Kể từ ngày gặp cháu Bình thì ăn ngủ chẳng yên bởi giữa hai người với đứa trẻ xa lạ dường như có mối thâm tình gì đó day dứt lắm. Nhớ cháu, thương cháu nhưng lại sợ người ngoài bảo muốn cướp con. Vợ chồng anh hiềm muộn, nhưng vợ chồng chị Dự-anh Hoan cũng chỉ có duy nhất cháu Bình là con.

Về phần chị Dụ, sau lần đến chơi nhà ấy, cháu Bình cứ nằng nặc đòi về "nhà bố mẹ". Thấy con nhèo nhèo khóc, chị Dụ cũng không biết phải làm sao. Đưa cháu về nhà anh Tân, chị Thuận chơi thì sợ người ta dị nghị là "thấy người sang bắt quàng làm họ". Nhưng sau một lần Bình bị ốm nặng, sốt cao, cháu cứ luôn miệng "dọa": "Mẹ không cho con về, con lại chết lần nữa!". Hoảng quá, lần này chị đánh liều gọi cho anh Tân đưa cháu về nhà chơi. Cháu Bình về nhà anh thì khỏe khoắn, vui vẻ, không còn đau ốm nữa.

"Thấy cháu tha thiết quá, sau bao đắn đo chúng tôi dè dặt đề nghị gia đình anh Hoan, chị Dụ cho cháu về ở với chúng tôi. Thật bất ngờ là cả vợ chồng anh chị và bà nội cháu đều gật đầu đồng ý. Chính bà nội cháu cũng bảo rằng: Ngay từ lúc thằng bé biết nói tôi đã biết nó không phải người Mường rồi", anh Tân nói.

Theo lời anh Tân, kể từ ngày cháu về với anh chị, hết lần này đến lần khác hai người "thử" cháu. Thậm chí, nhiều người hàng xóm cũng sang nhà để "hỏi chuyện ngày xưa". Tất cả cháu đều trả lời vanh vách. Từ tên bác hàng xóm, đến cô giáo mẫu giáo rồi bạn bè thân của cháu, cháu đều nhớ tên. Đường về nhà, hay những câu chuyện nhỏ nhặt như ngày xưa bà nội cho cháu uống bia ở đầu làng cháu cũng nhắc lại, ngay cả việc, "cháu đã từng chết như thế nào, bị ngã xuống nước ra sao"...

"Dù trước đó, chưa một lần tin có chuyện "hoang đường" như thế, nhưng đến lúc ấy cả vợ chồng tôi đều

hoàn toàn tin rằng Bình chính là cháu Tiến, con chúng tôi 10 năm về trước”, anh Tân kể.

Từ ngày về ở với anh chị Tân, Thuận, Bình năng nặc đòi gọi tên là Tiến, ngay cả tên đệm cháu cũng đòi giữ.

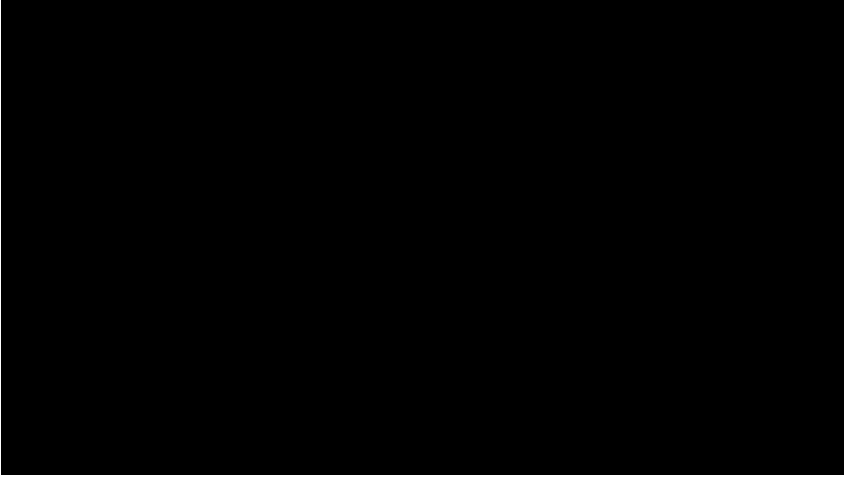
"Hãy coi con cháu những đứa trẻ bình thường"

Bé Tiến bây giờ đã bước sang tuổi thứ 9. Cháu trắng trẻo, khô ngô, ngoan và lễ phép nhưng cũng hiếu động hết như những đứa trẻ cùng trang lứa khác. Khi chúng tôi ngồi nghe anh Tân kể chuyện thì Tiến không ngừng nô đùa trước sân, chọc tổ ong khiến anh Tân mấy bận phải đứng dậy nạt cháu.

Câu chuyện dang dở thì chị Thuận mẹ cháu về, thoáng qua những dè dặt ban đầu, nhắc đến con chị cười nói xởi lởi lắm. Lần dở từng trang sách của cháu, đôi mắt chị vẫn ánh lên niềm hạnh phúc vô hạn: "Cháu đi học mấy năm liền đều đạt học sinh giỏi...". Rồi chuyện trường, chuyện lớp, chuyện nghịch ngợm của trẻ nhỏ làm bầu không khí rộn ràng hẳn lên.

Mãi chuyện đã quá trưa tự lúc nào, chị Thuận giữ chúng tôi ở lại ăn cơm, chúng tôi cũng vui vẻ đồng ý. Khi mâm cơm đã dọn tinh tươm, Tiến vẫn đứng ngoài sân mê mải đọc cuốn *Hương Hiếu Hạnh* của nhà sư Thích Tâm Hiệp viết về trường hợp "đầu thai" của Tiến. Nghe anh Tân bảo, nhà sư sau khi nghe câu chuyện của Tiến đã viết một bài in trong tập sách *Hương Hiếu Hạnh* và tặng anh

chị một cuốn. Từ lúc rõ mặt chữ, Tiến lúc nào cũng cầm cuốn sách và đọc đi đọc lại câu chuyện kể về mình. Những câu chuyện ngày xưa cháu cũng dần quên.



Tiến bên bố mẹ "nuôi".

Tôi đứng dậy gọi Tiến vào ăn cơm thì bắt chợt cậu bé nắm tay tôi lắc lắc, chỉ ra phía con sông sau nhà: "Cô ơi, ngày xưa cháu chết ở kia kìa". Dù đã nghe câu chuyện của cháu nhưng câu nói bắt chợt của Tiến vẫn khiến tôi lạnh sống lưng.

Sau bữa cơm đậm ắp, chúng tôi xin phép hai anh chị tiếp tục lên đường. Trước khi đi, anh Tân trầm ngâm: "Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải, Trung tâm tìm năng con người đã nhiều lần điện thoại gặp nhưng tôi đều từ chối. Hiện giờ, tôi chỉ muốn mọi người hãy coi cháu như những đứa trẻ bình thường khác. Cháu Tiến giờ ở

nhà tôi với tư cách là "con nuôi". Cháu vẫn thường xuyên qua lại nhà mẹ đẻ...".

TS Vũ Thế Khánh, Tổng giám đốc Liên hiệp Khoa học Công nghệ – Tin học Ứng dụng (UIA):

Nếu giải thích theo luật nhân quả, kiếp luân hồi và lý thuyết nhân duyên trong Phật giáo thì câu chuyện không có gì lạ cả.

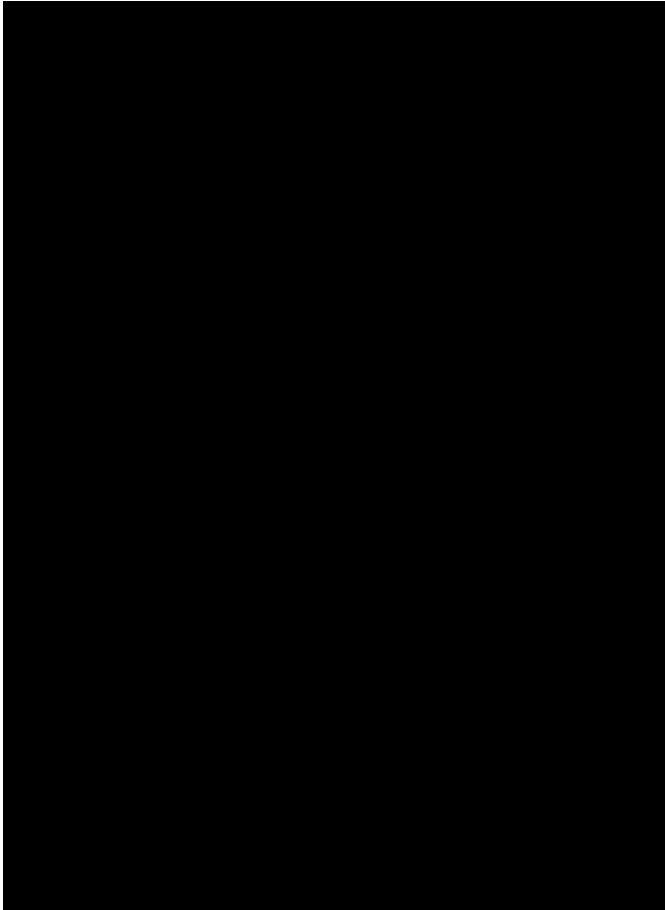
Cá nhân tôi đã tham gia chương trình: "Giao lưu ngoại cảm" để tìm mộ liệt sĩ và các khả năng đặc biệt khác do 3 cơ quan hợp tác nghiên cứu (Liên hiệp Khoa học UIA; Viện Khoa học Hình Sự Bộ Công An, Trung tâm bảo trợ Văn hóa Kỹ thuật truyền thống, Hội Khoa học Lịch sử) nghiên cứu nhiều sự vật, hiện tượng lạ, khả năng đặc biệt của con người trong cuộc sống.

Gần 15 năm qua, tôi cùng nhiều giáo sư đầu ngành đã nghiên cứu và ghi nhận nhiều trường hợp tương tự như câu chuyện trên. Thậm chí, trên thế giới cũng có những hiện tượng như thế. Tuy nhiên, cũng như nhiều hiện tượng khoa học chưa thể lý giải trong cuộc sống khác, chúng tôi mới dừng ở bước ghi nhận và đang tiếp tục nghiên cứu phân tích. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tổ chức hội nghị Khoa học để lý giải làm rõ một số hiện tượng theo các góc cạnh khác nhau.

Theo Bưu Điện Việt Nam

9. MỘT CHUYỆN LUÂN HỒI Ở ẤN ĐỘ

Cách đây vài chục năm, tờ báo Mai có chụp hình và đăng một câu chuyện như sau:



Cô PHANTI DEVI đứng giữa, Đại đức Thiện Châu đứng bên mặt, còn bên trái là người chị dâu kiếp này của cô.

Tại Ấn Độ, ở thành Delhi, có một cô gái 8 tuổi tên Phanti Devi. Cô đã nhiều lần khóc lóc với cha mẹ đòi về thành Mita thăm chồng là một giáo viên. Thành Delhi cách thành Mita trên 200km. Cha mẹ cô gái lấy làm lạ mời một phóng viên nhà báo đến để nhờ anh điều tra giùm.

Phóng viên nhà báo đến hỏi, thì được cô cho trả lời rằng: cô là vợ của một giáo viên, ăn ở với nhau sinh được một đứa con. Khi đứa con lên 11 tuổi thì cô lâm bệnh từ trần. Người phóng viên hỏi xem cô ta có để lại vàng bạc cả đồ đạc chôn ở chỗ nọ chỗ kia ... và cô còn nhớ rõ có một cái quạt do người chị em bạn tặng, trên quạt có ghi lại mấy dòng chữ, rồi cô đọc mấy dòng chữ ấy cho phóng viên chép vào sổ tay.

Phóng viên liền đến thành Mita, tìm hỏi tên họ ông giáo viên, thì thật quả không sai. Phóng viên hỏi ông giáo:

- Ông có người vợ đã chết độ 8, 9 năm nay phải không?

Ông giáo trả lời:

- Vâng, có! Vợ tôi chết nay đã chín năm. Chẳng biết ông hỏi có việc chi?

Phóng viên trình bày những lời cô bé đã nói.

Ông giáo nghe đều cho là đúng cả.

Phóng viên lại lấy quyển sổ tay đưa mấy dòng chữ cho ông giáo đọc và hỏi:

- Khi vợ ông mất, có để lại một cây quạt, trên ấy có ghi mấy dòng chữ như thế này có phải không?

Ông giáo trả lời:

- Trúng y như vậy cả.

Qua ngày sau, phóng viên lại mời cha mẹ và cô Phanti Devi cùng đi xe tới thành Mita. Từ khi sinh ra đến 8 tuổi, cô chưa từng đi xa, thế mà đường đi trong thành Mitha cô đều thuộc cả, cô chỉ đường này là đường gì, đi về đâu, đường kia tên gì, đi về đâu, và còn nói trúng cả tên những nhà quen ở hai bên đường nữa. Gần đến nhà ông Giáo, cô bảo đi xe chậm lại và dừng ngay trước nhà ông Giáo.

Vào đến nhà, gặp một ông già độ 80 tuổi, đầu tóc bạc phơ, cô vừa mừng vừa khóc òa mà nói rằng:

- Đây là cha chồng của tôi.

Cô chỉ ông giáo mà nói:

- Kia là chồng tôi.

Rồi cô chạy lại ôm đứa con 11 tuổi khóc và nói:

- Đây là con tôi!

Mọi người trông thấy, ai cũng đều cảm động.

Việc này làm sôi nổi cả dư luận Ấn Độ và các báo trên thế giới, đều bàn tán xôn xao ... Các nhà bác học ra sức tìm tòi, nghiên cứu, nhưng không một ai giải thích được. Chúng ta đã rõ biết lý luân hồi, thì việc này cũng chẳng lấy làm lạ.

10. Hiện tượng luân hồi và những bí ẩn: Chiến binh từ quá khứ.

Có bao giờ bạn trải qua một cảm giác dường như "đã từng nhìn thấy" hay "đã từng ở" một nơi mà cả đời bạn chưa từng biết? Nhiều nhà khoa học khẳng định, chúng ta đã từng trải qua nhiều tiền kiếp trong quá khứ, và sẽ còn những kiếp sau. Dưới đây là một số trường hợp được nghiên cứu bởi các chuyên gia về lĩnh vực luân hồi.

Đại tướng George Smith Patton (11-11-1885 - 21-12-1945) là một trong những viên tướng vĩ đại nhất lịch sử Hoa Kỳ, một nhà chiến lược kỳ tài lừng danh thế giới. Một bộ phim đã được làm năm 1970 để vinh danh ông. Tính ông nghiêm khắc và luôn luôn chủ trương "kỷ luật sắt, kỷ luật là sức mạnh của quân đội". Người hùng ấy, lạ lùng thay, rất tin vào sự luân hồi. Ông thường bảo: "Cuộc đời và cuộc sống là một vòng tuần hoàn chuyển tiếp. Đời tôi cũng nằm trong một vòng tuần hoàn chuyển tiếp nào đó". Một sĩ quan cao cấp của quân đội Hoa Kỳ kể lại câu chuyện mà ông nhớ mãi về tướng Patton.

Hôm đó, tướng Patton đến thăm một địa danh lịch sử tại Ý. Đó là vùng đất nằm cạnh sông Métaure, nơi mà xưa kia, trong trận chiến ác liệt giữa những đoàn quân dũng mãnh của đế chế Carthage và đế chế La Mã, đã để lại trên chiến trường hàng ngàn tử thi, mặc dù hai bên đều do những chiến lược gia và danh tướng chỉ huy.

Hình ảnh bi tráng ấy đã đi vào quá khứ, và cách thời của tướng Patton đến hơn 1800 năm, nhưng khi tướng Patton cùng các tướng lĩnh và một số nhà sử học đến thăm vùng đất này, và thử luận bàn về những chiến thuật và chiến lược của trận đánh ấy thì điều kỳ dị đã xảy ra. Trong khi tướng Patton nghe một viên Đại tá trình bày những địa điểm đóng quân của hai phe Carthage và La Mã, ông nhiều lần tỏ ý không hài lòng. Sau cùng, tướng Patton cắt ngang lời viên Đại tá và nói: "Xin lỗi Đại tá, mặc dù Đại tá là chuyên gia nghiên cứu các trận chiến trong cuộc chiến tranh La Mã, nhưng tôi khẳng định rằng đoàn kỵ binh của tướng Hasdrubul trong trận này không phải đóng tại địa điểm đầu kia mà Đại tá đã trình bày.

Tôi quả quyết điều này vì một lẽ rất dễ hiểu là vào lúc ấy, chính tôi đã có mặt tại đó...". Và rồi, tướng Patton nghiêm nét mặt, đưa cao chiếc can cầm ở tay lên chỉ về một địa điểm trước mặt và nói thật chậm rãi, rõ ràng: "Đó là địa điểm mà đoàn kỵ binh của Hasdrubul đã đóng quân, và tôi nhắc lại, lúc ấy tôi đã ở đó!...", "Nó đây, chiến trường là đây. Những người Carthage đã phòng thủ thành phố trước cuộc tấn công của 3 quân đoàn La Mã. Người Carthage kiêu hùng và can đảm, nhưng họ đã không trụ vững được. Họ đã bị tàn sát.

Những người đàn bà Á Rập đã lột quân phục, kiếm và những ngọn giáo của họ. Những người lính đã nằm trần trụi dưới mặt trời, 2.000 năm trước đây. Và tôi đã ở đó!". Trong những lần dừng chân nơi chiến trận hay những lúc nghỉ ngơi, tướng Patto thường nói đến những địa danh và những chiến trường cổ xưa mà ông đã từng có mặt, tuy những nơi đó đã đi vào quá khứ xa xăm hay chỉ còn lại trong các pho sử liệu của các thư viện. Trong nhật ký của mình, tướng Patton thường ghi lại những cảm nghĩ lạ lùng của mình về kiếp trước.

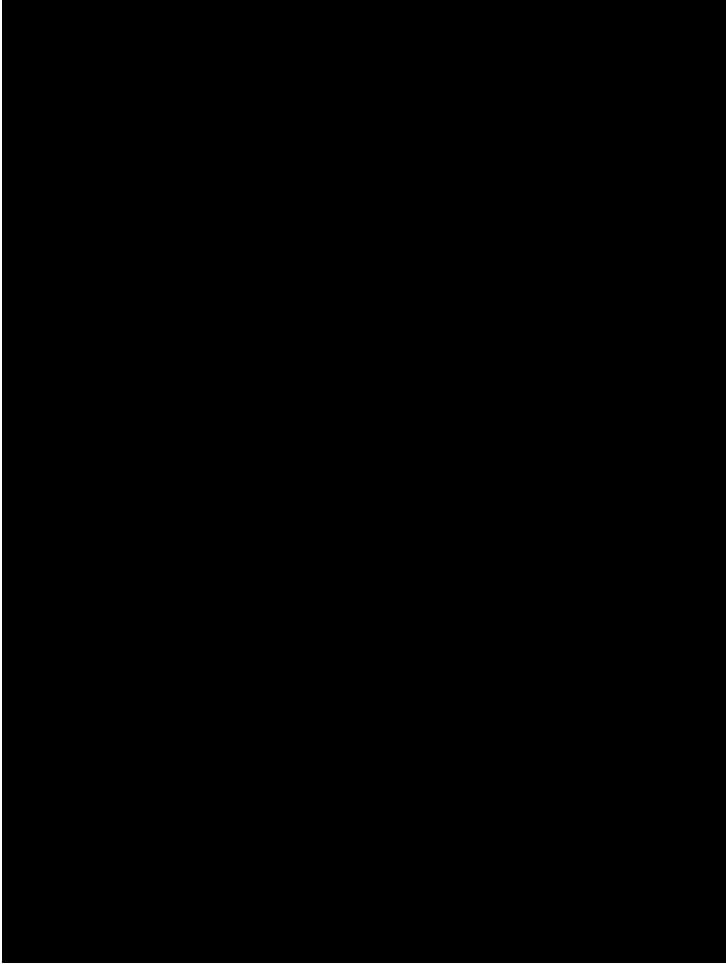
Có đoạn ông viết: "Tôi tin là có tiền kiếp và hậu kiếp. Tôi tin, thật ra là tôi biết, rằng tôi đã có ít nhất là một quãng đời trước đây trong binh nghiệp và hiện nay tôi lại đầu thai lần nữa vào đời binh nghiệp". Về sau, nhà văn đồng thời là nhà tư tưởng nổi tiếng Aldons Huxley (26-7-1894 - 22-11-1963) đã trình bày trường hợp của tướng Patton cùng câu chuyện lạ lùng xảy ra trong lần đi thăm chiến trường La Mã cổ xưa ấy, trong một hội nghị quốc tế có chủ đề "Ứng dụng của Khoa tâm lý học" tổ chức lần thứ 14 vào năm 1961. Aldons Huxley phát biểu: "Không riêng gì tướng Patton mà ngay cả chúng ta, đôi lúc ở những thời điểm nào đó trong đời bỗng ta có những cảm giác, những suy nghĩ, cái nhìn kỳ lạ mà ý thức của chúng ta như bỗng nhiên hé mở, có khi ta bắt gặp một hình ảnh, một sinh hoạt, một tiếng nói, một cảnh tượng, một con người mà hình như ta có lần đã thấy, đã nghe, đã ở, đã đi qua, mặc dù trong cuộc đời chưa bao giờ gặp.

Đó là quá khứ, quá khứ ấy không phải trong một cuộc đời hay nói khác đi là trong "một kiếp" mà là trước

đó nữa. Cảm nhận ấy đôi khi vượt ra khỏi những cảm nhận của các giác quan thông thường của con người chúng ta, mà thuộc về quá khứ xa xăm, hay có thể gọi là tiền kiếp". Tờ báo Paris Match danh tiếng đã đăng tải trường hợp của Đại tướng Patton vào ngày 23-3-1989.

11. Cục bướu trên mặt có đầy đủ ngũ quan và có thể ăn cơm nói chuyện

Châu Sư Huynh từ học viện tịnh tông ở Úc đến Singapore, đang cùng với nữ cư sĩ bị cục bướu trên mặt và Tịnh Không lão pháp sư bàn luận về câu chuyện cục bướu trên mặt của người bệnh này, đối với những người tu học như chúng ta có ý nghĩa giáo dục rất lớn. Nhân quả báo ứng theo mỗi chúng ta, bất cứ ai trên thế gian này, chỉ có điều là hình thức biểu hiện của nó không giống nhau. Trên con đường tu học chúng ta phải luôn tinh tấn, chân tu thật luyện, như thế mới có thể cải biến vận mệnh của mình. Trong bài viết Cách Hữu gởi đến có bức hình khiến người ta xem xong vô cùng sợ hãi nhưng lại là một câu chuyện có thật, càng cảm ân vị Bồ Tát này đồng ý dĩ thân thị pháp, nguyện những ai xem xong đều có thể sám hối, cảm ân và buông hết tất cả. Ngày 3 tháng 1 năm 2007, tôi tình cờ gặp được một vị cư sĩ đang xem tấm hình này, còn có một vị sa di ni đang thuyết giảng:



"Đây là bức hình của một vị nữ sĩ người Singapore, trên mặt nổi một cục bướu to hình người, miệng trên cục

Cho nên có thể nói vạn vật trên thế gian gần mà chẳng gần, chẳng gần mà gần. Thế giới cực lạc của mười phương chư Phật cũng không phải là ngoại lệ. Nguyên bản xuất xứ: Thực chứng về sự tồn tại của oan gia trái chủ: cực bấu trên mặt hình người có đầy đủ ngũ quan, lại có thể ăn cơm, nói chuyện. Xin hãy hưởng ứng trai giới, vì bốn lý do chính:

- (1) Tôn giáo: giới sát, chấm dứt sát sinh hại mạng.
- (2) Bảo vệ môi trường: chăn nuôi là nguyên tố dẫn đến trái đất nóng lên.
- (3) Sức khỏe: đa số bệnh tật đều do ăn thịt mà ra, ăn chay đem lại lợi ích rất lớn cho sức khỏe và tuổi thọ của con người.
- (4) Văn minh: chăn nuôi và giết mổ thật vô cùng tàn nhẫn, không phải là hành vi nên làm trong nền văn minh con người.

Trích bài kệ trong Kinh Chánh Pháp Sanghata:

“Dược Quân, tương tự như vậy, Như lai là người đốt tan mọi phiền não, chữa lành mọi bệnh khổ. Như người kia nhà cháy thân cũng cháy, vì bình an phúc lạc của chúng sinh mà giải thoát tất cả ra khỏi vòng tù tội, Như lai cũng vậy, xả bỏ mọi ô nhiễm tham sân si, xuất hiện trong cõi thế như ngọn đèn soi sáng chúng sinh, giải thoát tất cả ra khỏi địa ngục, ra khỏi thân súc sinh, quý đối (ngạ quỷ)

hay a tu la. Chúng sinh ít tuổi hay nhiều tuổi, Như lai đều giải thoát cả.”

Khi ấy trên không rải xuống âm thanh hát lời kệ,

“Ruộng phúc tuyệt hảo

Rộng phúc tối thắng

Đã khéo bày mở,

Hạt giống gieo vào

Không bị mất đi.

Ruộng phúc Phật đà,

Cõi Phật thanh tịnh,

Khai mở chính Pháp

Của đấng Đại Hùng.

Đạo sư vận dụng

Kho tàng trí tuệ,

Độ dẫn chúng sinh

Vào cõi niết bàn.

Xuất hiện cõi thế,

An lạc cõi trần,
Thanh tịnh cõi Phật,
Những người nhiều tuổi
Cũng người ít tuổi
Trong toàn ba cõi
Đều được cứu thoát
Ra khỏi luân hồi.
Phật đóng tất cả
Cửa vào địa ngục,
Cửa vào súc sinh,
Cửa vào ngã quỷ,
Nhờ đó thế gian
Cũng cõi xuất thế
Đều được thanh tịnh.”

- Đức Phật nói về công đức được đọc tụng, nghe Kinh Chánh Pháp Sanghata:

Bây giờ tất cả bồ tát có mặt trong Pháp hội cùng đứng dậy, vắt một vạt áo lên vai, gồi bên phải quì xuống đất, thưa rằng, “Thưa Thế tôn, công đức của một đấng Như lai nhiều bao nhiêu?”

Đức Thế tôn trả lời, “Này các thiện nam tử, các ông hãy lắng nghe, Như lai sẽ nói cho các ông biết lượng công đức của một đấng Phật đà. Lấy ví dụ đại dương có bao nhiêu giọt nước, cõi thế gian có bao nhiêu hạt cát, công đức của ngàn ấy Bồ Tát thập địa vẫn không thể sánh với công đức của một đấng Như lai. Và công đức của người nghe Chánh Pháp Sanghata lại còn nhiều hơn gấp bội, không thể dùng toán số đếm biết được. Phổ Dũng, vào thời mạt pháp, người nào nghe pháp này mà sinh lòng hoan hỉ khát khao Phật Pháp thì công đức vô lượng vô biên.”

- (Trích phần quả báo khi từ bỏ Chánh Pháp): Đại Bồ Tát Phổ Dũng hỏi, “Thưa Thế tôn, từ bỏ khinh rẻ Chánh Pháp thì phải đọa cõi nào? Phải sinh về đâu?”
- Đức Phật dạy, “Phổ Dũng, khinh rẻ chánh Pháp thì phải tái sinh triền miên không giới hạn, vô lượng kiếp về sau trầm luân trong luân hồi. Phổ Dũng, từ bỏ chánh Pháp thì chịu đọa đau một kiếp trong địa ngục Hào khiêu; một kiếp trong địa ngục Đại Hào Khiêu; một kiếp trong địa ngục Chúng hợp; một kiếp trong địa ngục Viêm nhiệt; một kiếp trong địa ngục Đại nhiệt; một kiếp trong địa ngục Hắc thẳng; một kiếp trong địa ngục A tỳ, một kiếp trong địa ngục Đẳng hoạt; và Phổ Dũng, họ phải chịu khổ đau trong tám đại địa ngục như vậy cho đến tám kiếp.”

- Lúc ấy, Đại Bồ Tát Phổ Dũng nói rằng, “Thưa Thế tôn, thật quá đau khổ. Thưa Thiện thế, thật quá đau khổ. Con không đành lòng nghe.”
Bấy giờ, đức Thế tôn nói bài kệ:

“Nhu lai kể cảnh tượng
Chúng sinh trong địa ngục
Khổ đau như thế nào,
Ông không đành lòng nghe.”

“Nếu làm những điều lành
Sẽ được quả an lạc,
Còn làm những điều dữ
Sẽ gặp quả khổ đau.”

“Không biết tạo nhân vui
Thì sinh trong cõi đời
Bị dày vò nỗi chết,
Ràng buộc trong đón đau.”

“Ai nhớ Phật tối thắng,
Cây trồng được nhân vui;

Tin tưởng nơi Đại thừa,
Sẽ không sa ác đạo.”
“Phổ Dũng, ông nên biết,
Nghiệp cũ không mất đi.
Việc lành dù bé nhỏ,
Quả tốt vẫn vô lường.”
“Nơi ruộng phúc của Phật,
Là ruộng phúc tối thượng.
Dù chỉ gieo một hạt,
Thu hoạch cũng lớn lao.
Hái được bao hoa trái,
Do trồng vài hạt mầm.
Ai hoan hỷ chánh Pháp,
Sẽ luôn được yên vui,
Sẽ lìa bỏ việc ác,
Làm hết những điều lành.

Dù cúng dường Phật Pháp

Vòn vẹn một mảy lông,

Đến tám mươi ngàn kiếp

Tài sản luôn dồi dào,

Dù sinh ra ở đâu

”

- Các kinh sách Đại Thừa Quý Đạo hữu có thể tải trực tuyến trên trang <http://chuatanvien.com> trong mục Kinh sách.

MƯỜI CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH SÁCH

- Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.
- Ba là, vĩnh viễn tránh được quả báo phiền khổ, oán thù oan trái đời trước cũng như đời này.
- Bốn là, các vị Hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loại dọa xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

- Năm là, tâm được an vui, ngày không việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phúc lộc đời đời.
- Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.
- Tám là, nguy chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.
- Chín là, vĩnh viễn lìa xa đường ác, sinh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phúc lộc tròn đầy.
- Mười là, hay vì tất cả chúng sinh trông các căn lành, lấy tâm cầu của chúng sinh làm ruộng phúc điền chi mình.

Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phúc quả thù thắng. Sinh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe Pháp phúc huệ rộng lớn, chúng được lục thông, sớm thành Phật quả.

ẤN QUANG TỔ SƯ DẠY

Ấn tống Kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên khi gặp khi mừng thọ, thành hôn, cầu phúc, thoát nạn, sám hối, cầu an, cầu siêu cho các hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề ấn tống Kinh sách, để trồng cội phúc đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

Quy Y - Phát Tâm Bồ Đề

Con xin về nương tựa
Nơi Phật Pháp và Tăng
Cho đến khi giác ngộ.
Nhờ tu hành hạnh Thí
Cùng hạnh Toàn hảo khác
Con vì khắp chúng sinh
Nguyện trọn thành Phật đạo.

Kệ hồi hướng

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm cõi Phật tịnh
Trên báo bốn trọng ân
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát tâm Bồ Đề
Lúc hết báo thân này
Cùng sinh cực lạc quốc

Quý vị nào muốn phát tâm ấn tống Kinh sách, tượng Phật, băng đĩa, tranh ảnh, xin liên hệ:

CHÙA TẢN VIÊN

Địa chỉ: Xã Minh Quang – Ba Vì – Hà Nội

ĐT: 0433.610 897

Website: <http://chuatanvien.com>

Email: chuatanvien@gmail.com

